



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
*ANNUAL REPORT*

**2017**

180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*180 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 3  
Ho Chi Minh City, Vietnam*

[www.casumina.com](http://www.casumina.com)

# MỤC LỤC

## 0.1

### TỔNG QUAN CASUMINA CASUMINA GENERAL INFORMATION

Chỉ số nổi bật <i>Key indicators</i>	006
Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi <i>Vision, Mission &amp; Core Values</i>	007
Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị <i>Message from the Chairman</i>	008

## 0.2

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HISTORY AND DEVELOPMENT MILESTONE

Thông tin khái quát <i>General Information</i>	012
Giải thưởng và thành tựu 2017 <i>Achievement and titles in 2017</i>	013
Các sự kiện chính <i>Key milestones</i>	014
Ngành nghề kinh doanh <i>Business lines</i>	016
Địa bàn kinh doanh <i>Business locations</i>	017
Sơ đồ tổ chức <i>Organization structure</i>	018
Tổ chức nhân sự <i>Organization &amp; Human resource</i>	020
Cơ cấu cổ đông <i>Shareholder structure</i>	032
Các đơn vị thành viên <i>Subsidiaries</i>	034

## 0.5

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BOARD OF DIRECTORS REPORT

Tình hình chung <i>General situation</i>	064
Hoạt động của hội đồng quản trị 2017 <i>Operation of the Board of Directors in 2017</i>	066

## 0.6

### BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT BOARD OF SUPERVISORS REPORT

Hoạt động của Ban kiểm soát 2017 <i>Operations of the Supervisory Board in 2017</i>	072
Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát <i>Inspection and supervision results of the Supervisory Board</i>	073
Nhận xét và kiến nghị <i>Comments and recommendations</i>	075
Phương hướng hoạt động 2018 của BKS <i>The operation orientation of the Supervisory Board in 2018</i>	076

# INDEX

## 0.3

### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DEVELOPMENT DIRECTION

Mục tiêu <i>Goals</i>	040
Chiến lược phát triển <i>Development strategy</i>	041
Các rủi ro <i>Risks and difficulties</i>	042

## 0.4

### BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH BOARD OF MANAGEMENT REPORT

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2017 <i>Business performance report in 2017</i>	046
Phương hướng sản xuất kinh doanh 2018 <i>Business orientation in 2018</i>	054
Tình hình thực hiện các dự án đầu tư <i>Implementation of investment projects</i>	060

## 0.7

### BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT

Quản lý nguồn nguyên vật liệu <i>Material source management Policy</i>	080
Tình hình tiêu thụ Năng lượng <i>Energy consumption situation</i>	081
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường <i>Compliance with environmental regulations</i>	082
Hướng đến cộng đồng <i>Contribution to the community</i>	083

## 0.8

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN FINANCIAL STATEMENTS

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc <i>BOM report</i>	086
Báo cáo của kiểm toán <i>Independent auditor's report</i>	089
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán <i>Audited financial statements</i>	091

# 1.0

## TỔNG QUAN CASUMINA

CASUMINA GENERAL INFORMATION

**1.3** Chỉ số  
nổi bật

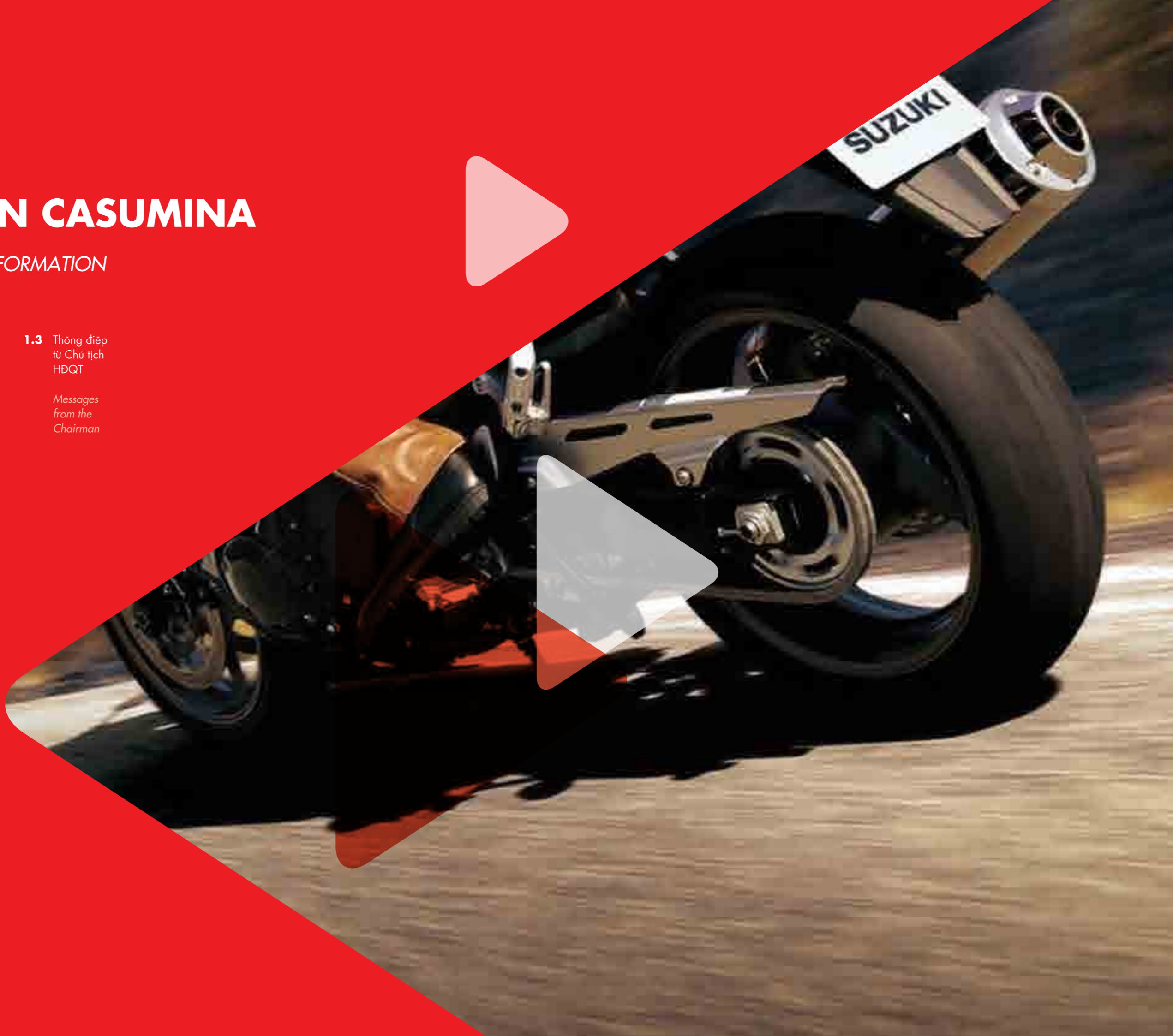
*Key  
indicators*

**1.2** Tâm nhìn,  
Sứ mệnh,  
Giá trị cốt lõi

*Vision,  
Mission &  
Core values*

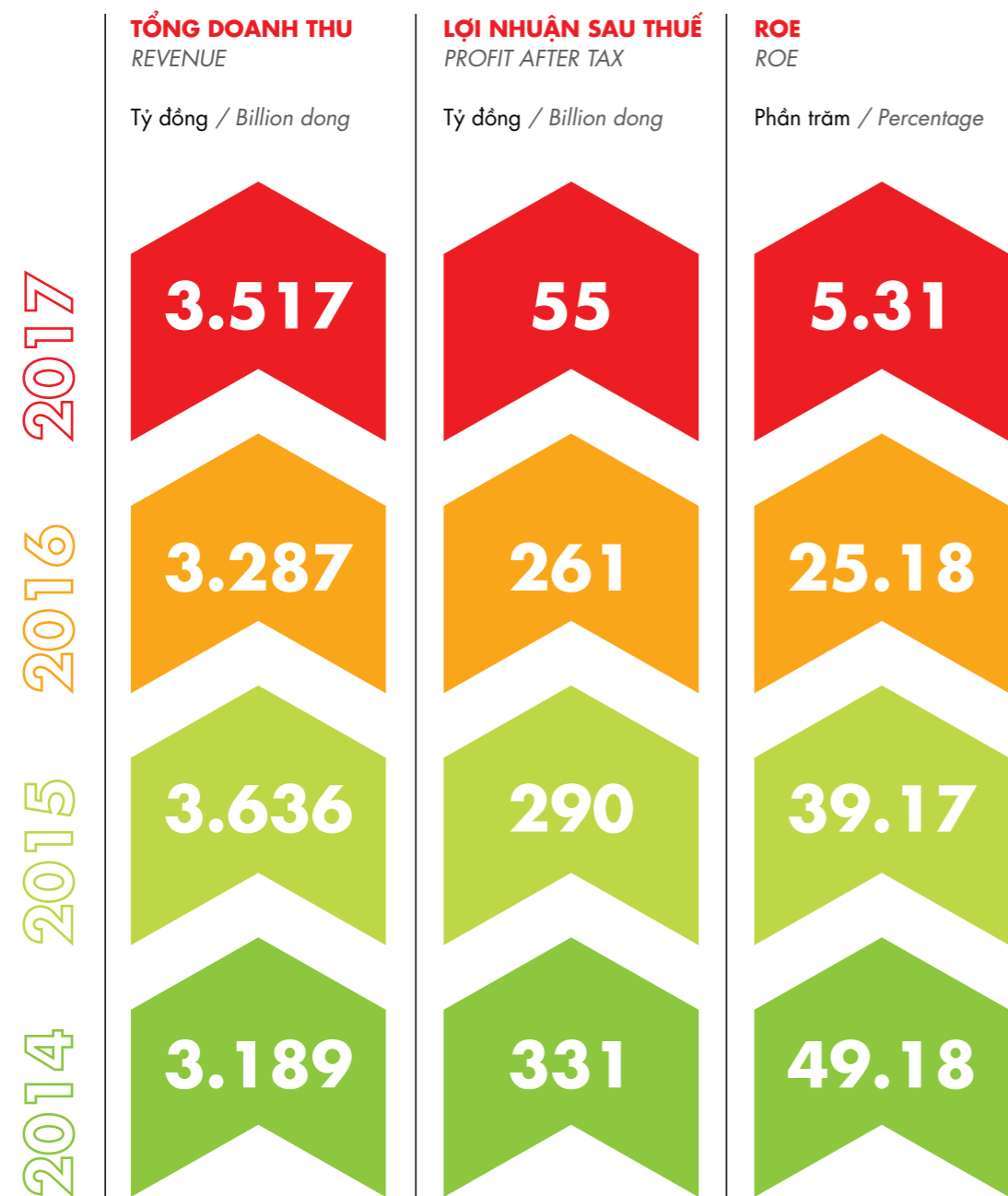
**1.3** Thông điệp  
từ Chủ tịch  
HDQT

*Messages  
from the  
Chairman*



# CHỈ SỐ NỔI BẬT

## KEY INDICATORS



**VISION** **TẦM NHÌN**

Nhà sản xuất lốp hàng đầu Đông Nam Á.  
Becoming the best tire manufacturer in South East Asia.

Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc và thân thiện.  
Contribution to society of safety, happiness and friendliness.

**MISSION** **SỨ MỆNH**

**CORE VALUES** **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Tin cậy: Sản phẩm, dịch vụ, con người.  
Hiệu quả: Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.  
Hợp tác: Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.  
Năng động: Luôn sáng tạo và đổi mới.  
Nhân bản: Vì con người.

Reliability: products, services, people  
Efficiency: All operations are geared towards maximum efficiency  
Cooperation: Cooperation for mutual benefits and growth  
Proactive: Always creative and innovative  
Humane: Focus on people

# THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, Tôi thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CB-CNV Công ty xin gửi đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành, cảm ơn Quý vị đã hỗ trợ, đồng hành cùng Casumina trong nỗ lực duy trì hoạt động SXKD trong năm 2017 và những năm qua.

Tôi cho rằng, chúng ta không nhắc nhiều đến những hạn chế trong kết quả SXKD của Casumina trong năm 2017, bởi vì đã có nhiều thông tin đa chiều từ báo cáo phân tích của các Công ty chứng khoán, báo chí đã đưa tin và ngay trong báo cáo thường niên (mà quý vị đang có trong tay) cũng đã phân tích khá kỹ về vấn đề này. Tuy nhiên, điều chúng ta cần điều chỉnh một cách nghiêm túc đó là những tín hiệu tốt mang tính dài hạn trong tổng quan thị trường ngành sản lốp trong nước và thế giới.

Trong năm 2017, Casumina vẫn đảm bảo có lợi nhuận trong khi đang trong giai đoạn đầu thực hiện đồng thời hai dự án mang tính chiến lược dài hạn là sản xuất thương mại hai dòng lốp Radial toàn thép (TBR) và bán thép (PCR). Với những nỗ lực không ngừng của mỗi thành viên Ban Lãnh đạo cho đến từng CB-CNV Công ty trong việc nắm vững công nghệ, triển khai nhanh và tiếp cận với thị trường thế giới.

Năm 2018 là một năm tạo đà quan trọng đối với Casumina khi mà các yếu tố bên ngoài và nội tại Công ty đạt đến độ tích lũy để có những bước tiến trong tương lai mà tôi có thể liệt kê như sau:

Dear valued shareholders and investors.

On behalf of Casumina's Board of Directors, Board of Management and staff, I would like to express our sincere thanks to valued shareholders and investors for your contribution in Casumina in 2017 and in the past years.

I think we should not mention much about the limitations in Casumina's business performance in 2017 as there has been a lot of multi-dimensional information presented in analysis reports of Securities Companies, reported in press, moreover the annual reports (which you have at hand), they have thoroughly analyzed this issue. However, what we need to study seriously is good long-term signals in the domestic and international tyre market overview.

In 2017, Casumina still ensure profits while it was in its early stages of simultaneously implementing two long-term strategic projects known as commercial production of full-steel tyre (TBR) and semi-steel radial tyre (PCR). With the continuous effort from each member of the Board of Leaders to each staff of the Company in technology master, fast deployment and access to the world market.

2018 will be an important milestone for Casumina, as the external and internal factors of the Company will have reached accumulation to make further progress that can be listed as follows:

1. Chính phủ đã phê duyệt chủ trương thoái vốn dưới 50% đối với phần vốn sở hữu Nhà Nước sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức. Tuy nhiên, đội ngũ CB-CNV Casumina sẽ phải tự lực cánh sinh, tự đứng trên đôi chân của chính mình và tự quyết định vận mệnh của thương hiệu sản lốp Casumina.

2. Với nhóm sản phẩm chiến lược là lốp Radial (bán thép và toàn thép) có thể cho thấy một triển vọng phát triển bền vững trong tương lai dài hạn đối với Casumina khi nhìn ở các hai góc độ: Mức tăng trưởng và hiệu quả.

3. Dựa vào chủ trương phát triển ngành công nghiệp ô tô tại Việt Nam, với tỷ lệ nội địa hóa lên đến 60% đã tạo ra một cơ hội lớn cho ngành sản lốp xe trong đó có Casumina.

Casumina cam kết theo đuổi cải cách quản lý, ứng dụng các công cụ hiện đại trong quản lý để đem lại mục tiêu cuối cùng là trở thành một "Nhà sản xuất lốp toàn cầu".

Với việc đẩy mạnh cải tiến liên tục và cải cách quản lý. Đồng thời đặt ra các mục tiêu có trọng điểm, chúng tôi hy vọng rằng sẽ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng và có lợi nhuận của Công ty. Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ của các Quý vị để theo đuổi mục tiêu của chúng tôi và đạt được kết quả tốt trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

Trân trọng kính chào.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



**Nguyễn Xuân Bắc**



# 2.0

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HISTORY AND DEVELOPMENT MILESTONES

- |   |  |   |  |
|---|--|---|--|
| <b>2.1</b> Thông tin<br>khái quát<br><br><i>General<br/>information</i> | <b>2.2</b> Giải thưởng<br>và thành tựu<br>năm 2016<br><br><i>Achievements<br/>and titles<br/>in 2016</i> | <b>2.3</b> Các sự kiện chính<br><br><i>Key milestones</i>                         | <b>2.4</b> Ngành nghề<br>kinh doanh<br><br><i>Business lines</i>     |
| <b>2.5</b> Địa bàn<br>kinh doanh<br><br><i>Business<br/>locations</i>   | <b>2.6</b> Sơ đồ<br>tổ chức<br><br><i>Organization<br/>structure</i>                                     | <b>2.7</b> Tổ chức<br>nhân sự<br><br><i>Organization &amp;<br/>Human resource</i> | <b>2.8</b> Cơ cấu<br>cổ đông<br><br><i>Shareholder<br/>structure</i> |
|   |  | <b>2.9</b> Các đơn vị<br>thành viên<br><br><i>Subsidiaries</i>                    |  |

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## GENERAL INFORMATION

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam**
- Tên viết tắt: **CASUMINA**
- Giấy phép ĐKKD: **0300419930** (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2006, thay đổi lần thứ 12, ngày 25/08/2016)
- Vốn điều lệ: **1.036.264.670** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.036.264.670** đồng
- Tăng vốn điều lệ từ **740 tỷ** đồng lên **1.036 tỷ** đồng
- Sản xuất và bán thương mại lốp radial bán thép (PCR – Passenger Car Radial), chủ yếu cung cấp cho thị trường xuất khẩu.
- Đầu tư chiều sâu dự án lốp radial bán thép nâng công suất 500.000 chiếc/năm lên 700.000 chiếc/năm.
- Tham gia vào chuỗi cung ứng BTP cao su với sản lượng 2.500 tấn/tháng.
- Địa chỉ: **Số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM**
- Số điện thoại: **(028) 3836 2369**
- Fax: **(028) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Mã cổ phiếu: **CSM**
- Name in English: **The Southern Rubber Industry Joint Stock Company**
- Abbreviation: **CASUMINA**
- Business license: **0300419930** ( first issued 01 March 2006; 12th amendment made on 25 August 2016)
- Charter capital: VND **1.036.264.670**
- Owner equity: VND **1.036.264.670**
- Charter capital increased from VND **740 billion** to VND **1.036 billion**.
- Production and sales of passenger car radial tires (PCR) mainly for export.
- Invest convergently in the radial tire project to increase capacity from 500.000 tires/year to 700.000 tires/year
- Entering the semi-finished rubber products supply chain with capacity of 2.500 tons/month.
- Address: **180 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City**
- Phone: **(028) 3836 2369**
- Fax: **(028) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Stock Ticker: **CSM**

# GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU 2017

## ACHIEVEMENTS AND TITLES IN 2017



Thương hiệu quốc gia (lần thứ 5)  
National brand (5th time)



Hàng Việt Nam chất lượng cao liên tục lần thứ 21  
Vietnamese high quality product, voted by consumers consistently for the 20th time



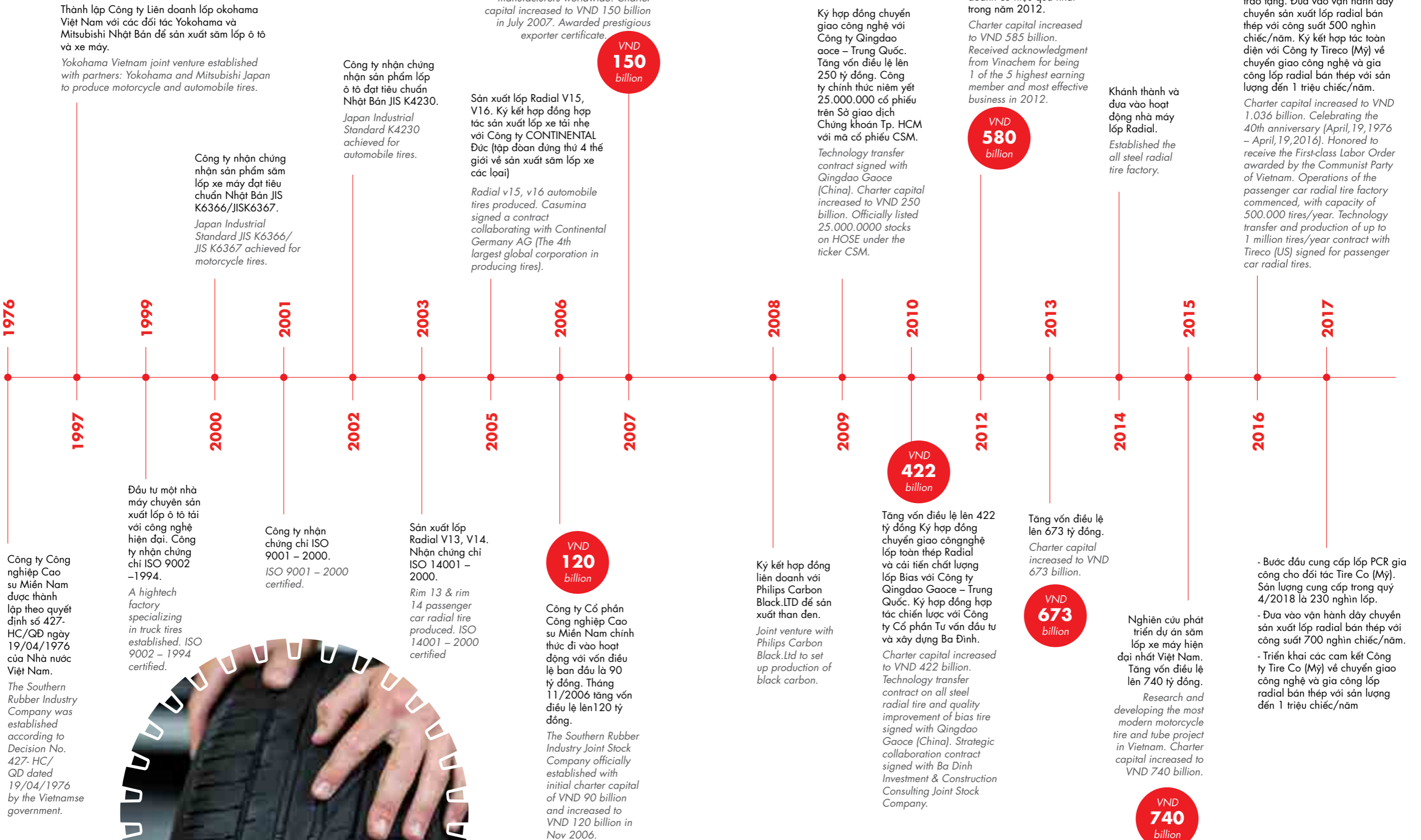
Top 5 doanh nghiệp có doanh thu cao nhất Tập đoàn hóa chất Việt Nam



Cờ thi đua Công đoàn Công nhân Hóa chất Việt Nam  
Flag of professional emulation from the Vietnam General Confederation of Labor

# CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

## KEY MILESTONES





## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### BUSINESS LINES

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh thương mại dịch vụ.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- Producing and trading industrial and commercial rubber products.
- Trading, importing and exporting raw materials, chemical substances (excluding hazardous chemical substances) and equipment used in the rubber industry.
- Trade & services.
- Real estate.
- Other businesses in compliance with national laws and regulations.

#### SẢN PHẨM PRODUCTS

##### Lốp xe máy Motorcycle tire



##### Lốp xe đạp Bicycle tire



##### Lốp ô tô bias Bias tire



##### Lốp ô tô Radial Radial tire



##### Lốp xe nặng Heavy vehicle tire



##### Lốp nông nghiệp Agriculture tire



## ĐỊA BÀN KINH DOANH

### BUSINESS LOCATIONS

**Thị trường nội địa:** sản phẩm của CASUMINA đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3. Thị trường nội địa vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với đóng góp 63% doanh thu, xuất khẩu 27% và phần còn lại là hoạt động kinh doanh khác.

**Thị trường xuất khẩu:** tập trung ở khu vực Đông Nam Á. Các thị trường khác bao gồm Châu Âu, Châu Phi và vùng Trung Cận Đông. Với lợi thế từ sản phẩm lốp Radial, CASUMINA hướng đến chinh phục Thị trường Mỹ, Bắc Mỹ và các nước phát triển khác.

#### Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của Casumina là:

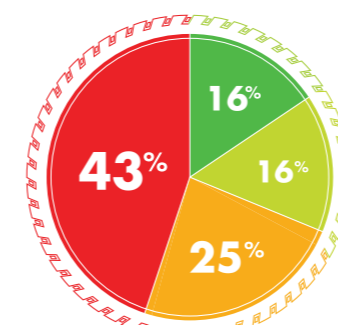
- Duy trì thị trường hiện có.
- Cố gắng xâm nhập sâu vào thị trường Mỹ với dòng sản phẩm chiến lược lốp radial bán thép, tận dụng chính sách chống phá giá của chính phủ Mỹ áp dụng đối với một số nước.

**Domestic market:** Casumina products has presence in 64 provinces via a strong network of agents, comprising of level 2 and level 3 agents. The domestic market still remains the main market making up 63% of revenue, 27% is from exports and the rest is from other businesses.

**Export market:** focusing on South-East Asia. Other markets include: Europe, Africa and the Middle East. With the advantage from production of radial tire, Casumina aims to penetrate the US and North America markets as well as other developed countries.

#### Direction for export market of Casumina

- Maintain current markets.
- Enter the US market with the strategic radial tire product, make the most of the US anti-dumping policy to be imposed on some countries.



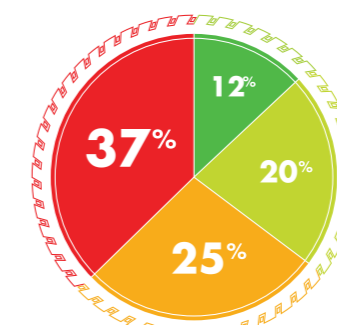
CƠ CẤU DOANH THU THUẦN  
NET REVENUE STRUCTURE

■ Lốp ô tô & máy kéo  
Car and tractor tire

■ Săm xe máy  
Motorcycle tube

■ Lốp xe máy  
Motorcycle tire

■ Khác  
Others



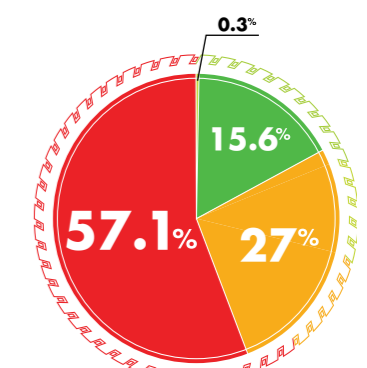
CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP  
GROSS PROFIT STRUCTURE

■ Lốp ô tô & máy kéo  
Car and tractor tire

■ Săm xe máy  
Motorcycle tube

■ Lốp xe máy  
Motorcycle tire

■ Khác  
Others



CƠ CẤU DOANH THU THEO ĐỊA LÝ  
GEOGRAPHIC REVENUE STRUCTURE

■ Nội địa  
Domestic

■ Xuất khẩu  
Export

■ Kinh doanh khác  
Others business

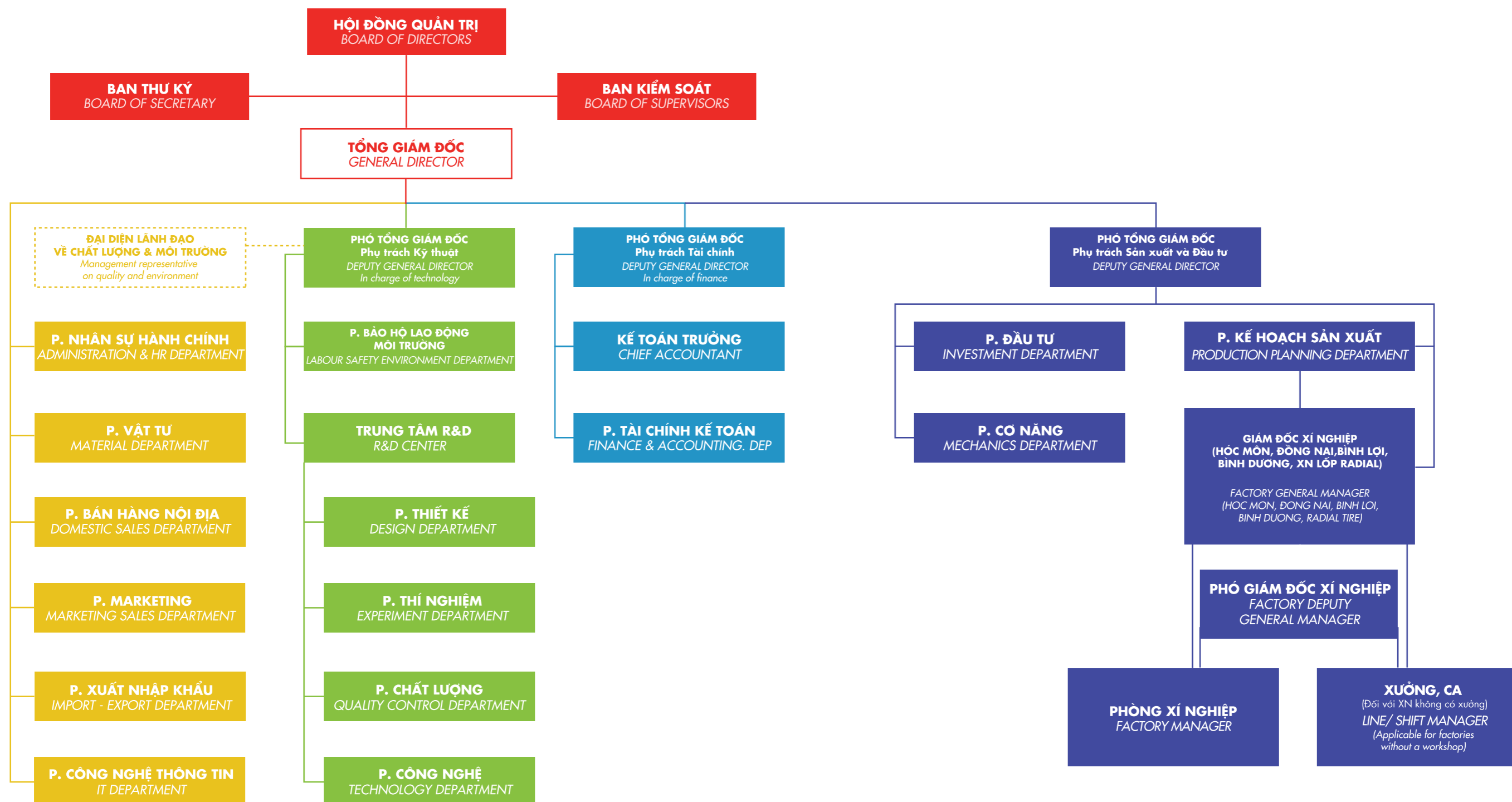
■ Bán thành phẩm

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## ORGANIZATION STRUCTURE

Ban hành kèm theo quyết định số: 08/ QĐ – HĐQT ngày 15/05/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Issued in accordance with the Decision No. 08/QĐ-HĐQT dated 15th May, 2011 promulgated by the CEO.



# TỔ CHỨC NHÂN SỰ

## ORGANIZATION & HUMAN RESOURCE



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS  
ÔNG – MR.  
**NGUYỄN XUÂN BẮC**

Năm sinh: 21-08-1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2004: Kỹ sư điện tại Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2005 – 2007: Phó Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2007 – 2010: Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2010 – 2011: Giám đốc xưởng Nhiệt, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2011 – 2012: Trưởng phòng Điện – Đo lường – Tự động hóa, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2012 – 2013: Trưởng phòng Hành chính – Ban QLDA, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2013 – 2016: Giám đốc Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát, Hà Bắc.
- 15/03/2016: Là Phó trưởng ban Người đại diện phần vốn – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 05/2016: Là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 0
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 21.764.173 cp – 21%.

Born in: 21-08-1972

Professional qualifications: Automation Engineer

Employment history:

- 2002 – 2004: Electrical engineer at Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2005 – 2007: Deputy Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2007 – 2010: Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2010 – 2011: Manager, Thermal Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2011 – 2012: Head of Electrical – Quant – Automation Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2012 – 2013: Head of Administration – Project Management Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2013 – 2016: Director, Hung Chat Chemicals Company.
- 15/03/2016: Representative Vinachem.
- 05/2016 – now: Chairman of the Board of Directors of Casumina

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 0
- Holdings on behalf of Vinachem: 21,764,173 shares - 21%

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC  
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS CUM. GENERAL DIRECTOR  
ÔNG – MR.  
**PHẠM HỒNG PHÚ**

Năm sinh: 16-10-1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- 1990 – 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996 – 2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001 – 2008: Kế toán trưởng
- 2008 – 2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – 2015: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- 2015 – đến nay: Tiếp tục giữ chức vụ Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 218.185 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 16-10-1966

Professional qualifications: Master of Economics

Employment history (in relations to Casumina):

- 1990 – 1996: Staff, Accounting Department.
- 1996 – 2001: Staff, Finance & Accounting Department.
- 2001 – 2008: Chief Accountant
- 2008 – 2010: Deputy General Director, Casumina.
- 2011 – 2015: General Director, Casumina.
- 02/2015: The Board of Directors agreed to appoint Mr. Pham Hong Phu to replace Mr. Bui The Chuyen as Chairman of the Board of Directors of Casumina.
- 2015 – now: General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 218.185 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%





THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS  
CUM. DEPUTY GENERAL DIRECTOR  
ÔNG – MR.  
**NGUYỄN MINH THIỆN**

Năm sinh: 05-01-1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

**CỔ PHIẾU NẤM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 47.152 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 05-01-1964

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Employment history (in relations to Casumina):

- 2007: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2008 – 30/04/2011: Chief Accountant, Casumina.
- 5/2015 – now: Member of the Board of Directors, Deputy General Director cum. Chief Accountant, Casumina.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 47.152 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS  
ÔNG – MR.  
**PHẠM VĂN THỌ**

Năm sinh: 07-04-1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán.

Quá trình công tác:

- 1984 - 1997: Cán bộ Phòng Tổ chức Lao động Công ty cao su Sao Vàng. Sau đó đảm nhận chức vụ Phó phòng Tổ chức Lao động Công ty cao su Sao Vàng.
- 1997 – 2008: Phó giám đốc Tài chính Công ty TNHH cao su Inoue Việt Nam. Từ năm 2005 – 2008 là người đại diện vốn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam tại Công ty TNHH cao su Inoue Việt Nam.
- 2008 - 2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH hóa dầu Long Sơn.
- 2015 – đến nay: Phó Ban người đại diện phần vốn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty Ác quy Tia Sáng. Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần CNCS Miền Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty Sơn Chất dẻo. Ủy viên HĐQT Công ty Phân bón và Hóa chất Cần Thơ. Tháng 11/2015, là Chủ tịch HĐQT Công ty Phân bón và Hóa chất Cần Thơ.

**CỔ PHIẾU NẤM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 78.000 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 07-04-1961

Professional qualifications: Master of Accounting

Employment history:

- 1984 – 1997: Staff then promoted to Deputy Head of HR Department, Sao Vang Rubber Company.
- 1997 – 2008: Deputy General Director in charge of finance, Inoue Rubber Vietnam Company. From 2005 – 2008, representative of Vinachem at Inoue Rubber Vietnam Company.
- 2008 – 2014: Chief Accountant, Long Son Petrochemical Company.
- 2015 – now: Representative Vinachem. Chairman of the Board of Directors of Tia Sang Battery Company. Member of the Board of Directors of Casumina, Chairman of the Board of Directors of Paint & Plastic Company, Member of the Board of Directors and as of November 2015 Chairman of Can Tho Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 78.000 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.





THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS  
ÔNG – MR.

**NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**

Năm sinh: 11-01-1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- 2008 - 2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2011 – 2013: Phó phòng Nhân sự Hành chính Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 11/2013 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần CNCS Miền Nam

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 6.940 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

Born in: 11-01-1982

Professional qualifications: Masters

Employment history:

- 2008 - 2011: Staff, Planning Department, Casumina.
- 2011 – 2013: Deputy Head of Administration & HR Department, Casumina.
- 5/2013 – now: Member of the Board of Directors, Head of Material Department, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 6.940 shares

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
HEAD OF THE BOARD OF SUPERVISORS  
BÀ – MS.

**ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**

Năm sinh: 14/04/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 1996 - 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2007 – 2010: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Găng tay Việt Hung, trực thuộc Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2010 – 2016: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 5.601
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

Born in: 14/04/1975

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Employment history:

- 1996 – 2007: Staff, Accounting Department, Casumina.
- 2007 – 2010: Head of Accounting Department, Viet Hung Gloves Factory, a subsidiary of Casumina.
- 2010 – 2016: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2016 – now: Head of the Board of Supervisors, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 5.601





**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*DEPUTY GENERAL DIRECTOR*  
**ÔNG – MR.**  
**NGUYỄN SONG THAO**

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- 1987 – 1996: Kỹ sư cơ khí Xí nghiệp cao su Đại Thắng, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2004: Trưởng xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2004 – 2007: Trưởng phòng Cơ năng, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, kiêm Trưởng phòng Cơ năng Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – 2014: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2014 – 2016: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Giám đốc Xí nghiệp cao su Hóc Môn, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

**CÓ PHIẾU NĂM GIỮ:**

- Sở hữu cá nhân: 34.028 cp

*Born in: 1962*

*Professional qualifications: Mechanical Engineer*

*Employment history:*

- 1987 – 1996: Mechanical engineer at Dai Thang Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2000 – 2004: Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2004 – 2007: Head of Mechanics Department, Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Mechanics Department, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2009 – 2014: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2014 – 2016: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Binh Duong Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.
- 2016 – now: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Hoc Mon Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 34.028 shares

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*DEPUTY GENERAL DIRECTOR*  
**ÔNG – MR.**  
**NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG**

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa.

Quá trình công tác:

- 1988 – 1996: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2002: Trưởng xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2002 – 2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2005 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

**CÓ PHIẾU NĂM GIỮ**

- Sở hữu cá nhân: 27.609 cp

*Born in: 1963*

*Professional qualifications: Chemical Engineer*

*Employment history:*

- 1988 – 1996: Engineer, Technical Department, Hoc Mon Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2000 – 2002: Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2002 – 2005: Deputy Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2005 – 2006: Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Technical Department, Casumina.
- 2009 – now: Deputy General Director, Casumina.

**NUMBER OF SHARES**

- Individual holdings: 27.609 shares





**1. ÔNG / MR.  
NGUYỄN XUÂN BẮC**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
*Chairman of the Board of Directors*

**2. ÔNG / MR.  
PHẠM HỒNG PHÚ**  
Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
*Member of Board of Directors*

**3. ÔNG / MR.  
NGUYỄN MINH THIÊN**  
Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
*Member of Board of Directors*

**4. ÔNG / MR.  
PHẠM VĂN THỌ**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
*Chairman of the Board of Directors*

**5. ÔNG / MR.  
NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**  
Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
*Member of Board of Directors*

**6. BÀ / MS.  
ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**  
Trưởng Ban Kiểm Soát  
*Head of the Board of Supervisors*



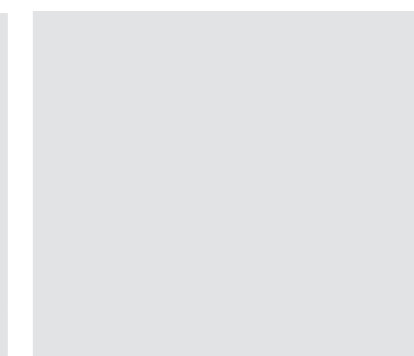
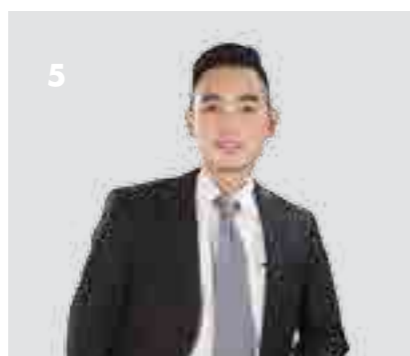
**7. ÔNG / MR.  
NGUYỄN SONG THAO**  
Phó Tổng Giám Đốc  
*Deputy General Director*

**8. ÔNG / MR.  
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG**  
Phó Tổng Giám Đốc  
*Deputy General Director*

**9. BÀ / MS.  
VŨ THỊ BÍCH NGỌC**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
*Member of Board of Supervisors*

**10. BÀ / MS.  
LÊ THỊ THU THỦY**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
*Member of Board of Supervisors*

**11. BÀ / MS.  
LÊ THU HƯƠNG**  
Thư ký Hội Đồng Quản trị  
*Secretary of the Board of Directors*



**CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG**

**Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

**Chế độ làm việc:** Chế độ làm việc tại Casumina được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

**TUYỂN DỤNG**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO**

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.

Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Hàng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

**LABOR POLICY**

**Salary:** The Company builds a customized salary policy which is appropriate to the specific features of the business and guarantees that labor will receive the full benefits pursuant to the state-specific standard and based on individual's work, capacity and performance.

**Bonus:** To motivate employees to increase work productivity, the Company has periodic, spontaneous bonuses for individuals and teams.

**Insurance and benefits:** The Company will cover fees for social security, health insurance pursuant to the local law.

**Working hours:** Working hours at Casumina will be applied pursuant to labor laws. Employees work for 8 hours per day will receive appropriate wage and benefits.

**HIRING PROCESS**

The purpose of the Company's recruitment process is to attract labor who has the capacity to work for the Company and meet the demand of business expansion. Subject to specific job position, the Company sets out specific required criteria. However, every position needs to meet some basic requirements such as: basic specialized qualifications; managers need to have a Bachelor's degree, passion for the jobs, be proactive and creative. For those critical positions, hiring requirements are quite strict, with compulsory criteria about work experience, analyzing skills and language, information technology skills.

**TRAINING**

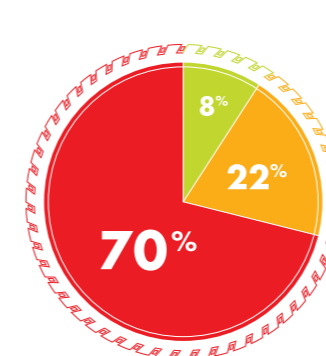
The Company always maintains an annual training program in order to advance all employees' skills. Training forms are mainly on-site and in depth with the following details:

Focus and having plans of training, retraining and fostering economic management and professional knowledge skills, to meet the criteria for each job position.

Staff with no experience will participate in job rotation and go to the office for on-the-job training. For critical managing staff, the Company will focus on fostering economic management knowledge; cooperation, joint venture with foreigners; project execution and management; specific law on each professional knowledge; language and information technology. Special priority is to acquire post-graduate degrees in order to enhance professional knowledge, which is appropriate to the requirements, objectives, and development strategy of the Company.

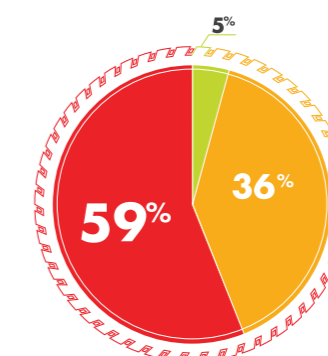
Annually each department reviews current training performance, builds next-year plans for training, retraining and fostering staff and reports to Directors for guidance.

STT No.	Tiêu chí Indicator	Số lượng người Amount of people	Tỷ trọng Percent
I	Theo trình độ lao động Based on education level	2444	100%
1	Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng University, College and above labor	552	22%
2	Trình độ trung cấp Intermediate labor	186	8%
3	Trình độ lao động phổ thông Common labor	1706	70%
II	Theo loại hợp đồng lao động Based on type of contract	2444	100%
1	Hợp đồng không thời hạn Labor contract without fixed term	1450	59%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) Temporary labor contract (less than 1 year)	118	5%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm Fixed term contract (1-3 year)	876	36%
III	Theo tính chất lao động Based on the working feature	2444	100%
1	Trực tiếp sản xuất Direct labor	1340	55%
2	Không trực tiếp sản xuất Indirect labor	1104	45%



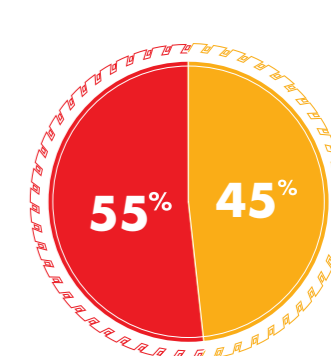
**THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG**  
BASED ON EDUCATION LEVEL

- Trình độ lao động phổ thông  
Common labor
- Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng  
University, College and above labor
- Trình độ trung cấp  
Intermediate labor



**THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
BASED ON TYPE OF CONTRACT

- Hợp đồng không thời hạn  
Labor contract without fixed term
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm  
Labor contract with fixed term: 1 - 3 years
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)  
Temporary labor contract (less than 1 year)



**THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG**  
BASED ON WORKING FEATURE

- Trực tiếp sản xuất  
Direct labor
- Không trực tiếp sản xuất  
Indirect labor



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### SHAREHOLDER STRUCTURE

Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần Number of shares	Tổng giá trị theo mệnh giá Total par value	Tỷ lệ Percentage
<b>Cổ đông trong nước</b> Domestic shareholders	6,934	96,583,132	· 965,831,320,000	93.2%
Tổ chức Institution	71	53,630,597	· 536,305,970,000	51.8%
Cá nhân Individual	6,999	42,952,535	· 429,525,350,000	41.4%
<b>Cổ đông nước ngoài</b> Foreign shareholders	148	7,043,335	· 70,433,350,000	6.8%
Tổ chức Institutional	35	6,655,278	· 66,552,780,000	6.4%
Cá nhân Individual	119	388,057	· 3,880,570,000	0.4%
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Treasury shares		1,205	· -12,050,000	0.0%
<b>Tổng cộng</b> Total	7,082	103,626,467	· 1,036,264,670,000	100%

	2015	2016	2017
ROE	39.17%	25.18%	5.31%
ROA	9.22%	7.73%	1.37%
Hệ số thanh toán ngắn hạn Current ratio	1.60	1.29	1.04
Hệ số Nợ/Tổng tài sản Debt/Total assets ratio	57.13%	60.48%	69.26%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu Debt/Owners' Equity ratio	133.26%	153.06%	225.27%



# CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

## SUBSIDIARIES



### XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN

#### HOC MON RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp, Q. 12, TP. HCM
- ĐT: (028) 3717 1452
- Fax: (028) 3717 0835
- Sản phẩm: lốp xe đạp, săm xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công nghiệp, săm và yếm ô tô
- Address: Tan Thoi Hiep Ward, District 12, HCMC
- Phone: (028) 3717 1452
- Fax: (028) 3717 0835
- Products: bicycle tire, bicycle tube, motorcycle tire, motorcycle tube, industrial tire, automobile tube and flap



### XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI

#### DONG NAI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- ĐT: (0251) 383 2076
- Fax: (0251) 383 1352
- Sản phẩm: Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp
- Address: Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province
- Phone: (0251) 383 2076
- Fax: (0251) 383 1352
- Products: Bicycle tire, motorcycle tire and tube, automobile tire, agricultural tire



### XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

#### BINH DUONG FACTORY

- Địa chỉ: TT Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- ĐT: (0274) 3640874
- Fax: (0274) 3640875
- Sản phẩm: Bán thành phẩm cao su, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp.
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Phone: (0274) 3640874
- Fax: (0274) 3640875
- Products: Semi-finished rubber products, forklift tire, solid tire, retread tire.

### XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

#### BINH LOI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: 2/3, Kha Vạn Cân, P.Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TPHCM
- ĐT: (028) 37266270
- Fax: (028) 37266320
- Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật.
- Address: 2/3 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, HCMC
- Phone: (028) 3726 6270
- Fax: (028) 3726 6320
- Products: automobile tire, agricultural tire, technical rubber.



### XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL

#### RADIAL TIRE FACTORY

- Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Sản phẩm: Lốp Radial bán thép (PCR), Lốp Radial toàn thép (TBR).
- Đây là nhà máy lốp toàn thép Radial thứ 2 tại Việt Nam
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Products: Passenger Car Radial (PCR), Truck Bus Radial (TBR)
- This is the 2nd all steel radial tire factory in Vietnam



Nhà máy Factory	Sản phẩm Products	Công suất thiết kế (Nghìn chiếc/năm)	Designed capacity (Thousand tires/year)	Công suất hoạt động hiện tại (nghìn chiếc/năm)	Current capacity (Thousand tires/year)
CASUMINA RADIAL	Lốp Radial toàn thép (TBR) Radial tire	350		200	
	Lốp Radial bán thép (PCR) Radial	700		700	
XÍ NGHIỆP CAO SU HỒC MÔN HOCH MON RUBBER FACTORY	Săm xe đạp Bicycle tube	6,900		6,000	
	Lốp xe đạp Bicycle tire	1,900		1,600	
	Lốp ô tô cổ Antique car tire	25		25	
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000		16,000	
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000		2,700	
	Lốp công nghiệp Industrial tire	750		650	
	Săm ô tô Automobile tube	1,200		950	
XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI DONG NAI RUBBER FACTORY	Yếm ô tô Automobile flap	500		450	
	Lốp xe đạp Bicycle tire	3,000		2,200	
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000		13,000	
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000		2,200	
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY	Lốp ô tô Car tire	850		750	
	Lốp nông nghiệp Agricultural tire	35		20	
	Lốp ô tô Car tire	350		250	
XÍ NGHIỆP BÌNH DUONG BINH DUONG FACTORY	Ống cao su ( tấn/năm) Rubber tube ( ton/year)	300		120	
	Bán thành phẩm (tấn/năm) Master compound ( ton/year)	42,000		40,000	
	Lốp xe nâng Forklift tire	60		50	
	Lốp đặc Solid tire	360		300	
	Lốp đắp Retread tire	60			

## CASUMINA

### Văn phòng Công ty

180 Nguyễn Thị Minh Khai



Văn phòng giao dịch  
146 Nguyễn Biểu



# 3.0

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT DIRECTION

3.1 Mục tiêu

Goal

3.2 Chiến lược phát triển

Development Strategy

3.3 Rủi ro

Risks and Difficulties

## MỤC TIÊU

### GOAL

#### Mục tiêu đến Goal for

**2023**

Doanh thu đạt mốc 6.800 tỷ đồng, trong đó: doanh thu lốp TBR 2.500 tỷ đồng (tương đương 600 nghìn chiếc), doanh thu lốp PCR 1.300 tỷ đồng (1,5 triệu chiếc).

Revenue of VND 6.800 billion, of which: revenue from TBR tires VND 2.500 billion (approximately 600,000 tires), revenue from PCR tires VND 1.300 billion (approximately 1.5 million tires).

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

### DEVELOPMENT STRATEGY

- Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung ba dòng sản phẩm chiến lược: Lốp xe máy không săm (Tubeless), Lốp TBR, Lốp PCR.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các nước đang có lợi thế về cạnh tranh: Mỹ, Brasil, Ấn Độ, EU.
- Triển khai thành công lốp PCR với thương hiệu Advenza ở cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu. Chú trọng phát triển cả ba khu vực: gia công, lắp ráp và thay thế.
- Phát triển hệ thống bán hàng dựa vào thương mại thông minh.
- Hợp tác sâu – rộng: Tận dụng nguyên vật liệu với giá cạnh tranh, nắm bắt và hoàn thiện công nghệ lốp chất lượng cao.
- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ lốp.
- Maintain the traditional product market. Focus on three strategic product lines: Tubeless Tires, TBR Tires, PCR Tires.
- Expanding export markets to countries with competitive advantages: USA, Brazil, India, EU.
- Successfully deploy PCR tires under the brand name of Advenza in both domestic and export markets. Focus on developing all three departments: machining, assembling and replacing.
- Develop a smart trading platform.
- Deep and extensive cooperation: Efficiently use of materials with competitive prices, grasp and improve the quality of tire technology.
- Train human resources specialized in tire technology.

## CÁC RỦI RO

### RISKS AND DIFFICULTIES

#### RỦI RO VỀ KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tăng cao trong bối cảnh các chỉ số phản ánh ổn định kinh tế được cải thiện. Trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, năm 2017 là dưới 5% (thấp hơn tỉ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011-2017 là 6,5%). Tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần (năm 2017 là 9%). Cán cân thương mại cải thiện, năm 2017 đạt thặng dư cán cân thương mại. Tóm lại, tăng trưởng kinh tế đang tăng tốc trên nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc hơn. Tuy nhiên, nếu nhìn vào mức độ, tăng trưởng kinh tế còn thấp hơn so với những năm trước 2008, tỉ lệ nợ công cao, bội chi ngân sách còn lớn cho dù xu hướng đang dần cải thiện. Điều này phản ánh nhiều chính sách kinh tế vĩ mô đang đi đúng hướng nhưng tốc độ thẩm thấu các chính sách tốt vào cuộc sống còn chậm.
- Mức tăng trưởng của công nghiệp ô tô và các doanh nghiệp sản xuất xe máy trong năm 2017 là một yếu tố quan trọng nhất trong việc duy trì, phát triển chuỗi cung ứng, cung cho thị trường linh kiện và thay thế. Số liệu phương tiện giao thông tại Việt Nam đăng kiểm 2017 khoảng 47 triệu chiếc, trong đó xe ô tô gần 3.5 triệu chiếc, với mức tăng bình quân là 22%/năm cho thấy dung lượng thị trường rất lớn và đầy tiềm năng cho việc phát triển công nghiệp phụ trợ, trong đó có ngành hàng săm lốp xe các loại. Sự phát triển khởi sắc của cơ sở hạ tầng phục vụ cho giao thông khá tốt tại Việt Nam cũng là cơ hội để các doanh nghiệp ngành săm lốp gia tăng sản lượng tiêu thụ. Tiềm năng tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô là rất lớn. Tăng trưởng tiêu thụ ô tô sẽ giúp cho những ngành phụ trợ như săm lốp có cơ hội để phát triển ở cả phân khúc lắp ráp và thay thế.
- Chính sách ưu đãi của Nhà Nước đối với các doanh nghiệp lắp ráp ô tô trong nước, khuyến khích tăng tỷ lệ nội địa hóa và chuyển từ tiêu chuẩn Euro 2 sang Euro 4, Euro 5 đã làm tăng sản lượng tiêu thụ lốp ô tô.
- Sức ép từ cạnh tranh nội ngành săm lốp ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu săm lốp chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina.

#### RỦI RO VỀ LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

- Nợ vay chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của CASUMINA, tăng cao so với năm 2016 đã làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, CASUMINA luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý. Casumina đặt mục tiêu duy trì mức lại vay 2.5%/doanh thu.

#### ECONOMIC RISKS

- Vietnam's economic growth has increased in the context of improvement in variables reflecting the economic stability. In recent years, the inflation rate has decreased markedly to less than 5% in 2017 (lower than the average inflation rate of 6.5% in the period 2011-2017). The growth rate of public debt has shown the declining tendency (9% in 2017). Trade balance has been improved, the trade balance surplus was achieved in 2017. In short, economic growth is accelerating on a more solid macroeconomic basis. However, with respect to the level, the economic growth was lower than in the years before 2008, the high public debt ratio was high, the budget deficit was significant despite the improvement trend. This reflects that many macroeconomic policies are on the right way but the penetration speed of good policies into the life is slow.
- The growth rate of the automobile industry and motorcycle manufacturers in 2017 is one of the most important factors in maintaining and developing the supply chain, supplying to the component market and alternative market. The registered traffic vehicles in Vietnam was about 47 million vehicles in 2017, of which nearly 3.5 million vehicles were registered with an average increase of 22% per year, showing that the market size is very large and potential for the development of supporting industries, including tyre and tube industry. The development of good infrastructure for traffic in Vietnam is also an opportunity for companies in tyre industry to increase their consumption volume. The growth potential of the automobile industry is enormous. Growth in automobile consumption will give supporting industries such as tyre and tube industry an opportunity to grow in both assembly and replacement segments.
- The State's incentive policies for domestic automobile assemblers encouraging the increase in localization rate and transition from Euro 2 to Euro 4, Euro 5 Standards has increased the consumption volume of automobile tyres.
- The internal competitive pressure in tyre and tube industry has become fierce, from domestic manufacturers, foreign companies whose factories are located in Vietnam and especially non-transparent tyre and tube import activities have negatively affected Casumina's production and business operations

#### RISKS OF INTEREST RATE AND EXCHANGE RATE

- Loans accounted for more than 50% of CASUMINA's total capital structure, which was higher than that of 2016, resulting in increase in interest expense, thereby directly affecting the Company's business performance. Recognizing this issue, CASUMINA is always interested in controlling and maintaining debt ratio at a reasonable level. Casumina aims to maintain the loan interest at 2.5% of revenue.

- Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của CASUMINA chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Công ty xuất khẩu các sản phẩm săm lốp đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (27% trong năm 2017, dự kiến 2018 là 35%). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm săm lốp của công ty.

#### RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

- Hoạt động của CASUMINA chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.
- Chủ trương thoái vốn đối với phần vốn nắm giữ của nhà nước dưới 51% đòi hỏi Công ty phải huy động đủ nguồn lực để tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu Casumina chuyên sản xuất săm lốp xe các loại.
- Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.

#### RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- Sự biến động hầu hết các nguyên vật liệu chủ yếu theo hướng tăng mạnh: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải màn, than đen... bắt đầu từ quý 4/2016 là một thách thức lớn đối với ngành săm lốp xe. Chính sách tăng giá cân đối dầu ra – dầu vào có thể làm giảm sút sản lượng tiêu thụ săm lốp xe các loại nếu như Casumina không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và chiến lược về giá bán hợp lý trong từng thời đoạn nhất định.
- Các nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại gây ra tình trạng khan hiếm đối với một số hóa chất đặc thù ngành săm lốp. Casumina đã phân tán rủi ro bằng việc thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đảm bảo được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.

- CASUMINA's raw material import and export activities are significantly affected by exchange rate fluctuations. The Company has to import synthetic rubber, black coal, chemicals, etc. Meanwhile, the Company also exports tyres and tubes to many countries such as USA, Europe, Africa, Asia. Export turnover always accounts for a high proportion (27% in 2017, expected to reach 35% in 2018). Therefore, the exchange rate fluctuations will affect the import of raw materials and export of tyres and tubes of the Company.

#### LEGAL RISK

- CASUMINA's activities are governed by Enterprise Law, Securities Law and relevant legal documents. The legal system and by-law documents of Vietnam are still in the process of completion, change in policies may occur and then it will affect the business situation of the Company. Enterprise Law No. 68/2014/QH13 has been in effect since 2015, and other relevant laws will be adjusted accordingly, requiring companies to take steps to adjust its operations so as not to violate the revised regulations.
- The divestment policy for the State-owned capital of less than 51% requires the company to mobilize sufficient resources to continue maintaining and developing Casumina brand name specialized in manufacturing tyres and tubes of all kinds.
- The cooperation and consumption activities with respect to foreign partners require Casumina to have a dedicated team of international legal experts to establish a process for review, adjustment and issuance of foreign contracts in accordance with international law.

#### RISK OF RAW MATERIALS

- The fluctuation of almost all major raw materials in the direction of strong increase such as synthetic rubber, natural rubber, steel belts, blind fabrics, black coal, etc. starting from the 4th quarter of 2016 has been a big challenge for tyre and tube industry. The symmetrical output – input price balance policy may diminish the consumption volume of tyres of all kinds if Casumina does not carefully calculate the reserve levels of inventories and strategies for reasonable price in each certain period.
- Imported raw material will be strongly influenced by fluctuations in oil prices and the policy on purifying polluting enterprises in the host countries which results in shortage of some specific chemicals of the tyre and tube industry. Casumina has dispersed the risk by establishing a list of reputable suppliers and long-term partnerships to negotiate the most reasonable prices, avoid fluctuations and have a stable supply of raw materials. .

#### RỦI RO CẠNH TRANH DÒNG SẢN PHẨM TBR VÀ PCR

- Sự cạnh tranh của các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michelin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá rẻ đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Tuy nhiên, cùng với việc cải thiện chất lượng phù hợp với địa hình đường bộ Việt Nam và chính sách bán hàng linh hoạt, bám sát khách hàng, dòng sản phẩm này có nhiều dấu hiệu tích cực trong việc tăng sản lượng tiêu thụ. Xu hướng chuyển dịch của người sử dụng từ lốp ô tô tải nặng bias sang lốp TBR cũng là một triển vọng lớn đối với casumina trong việc mở rộng thị trường trong nước. Việc hoàn tất cả thủ tục đăng ký chứng nhận chất lượng DOT, E-mark, JIS sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu của Casumina.
- Dòng lốp PCR đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục thương mại để xuất khẩu (thị trường xuất khẩu chiếm 80% sản lượng tiêu thụ). Tuy nhiên, áp lực về giá nguyên vật liệu tăng cao sẽ làm Casumina mất lợi thế trong việc đẩy nhanh thời gian hoàn vốn và có lợi nhuận đối với dòng lốp này.

#### RISK OF COMPETITION BETWEEN TBR AND PCR PRODUCT

- The competition of well-known importers such as Bridgestone, Goodyear, Michelin, Maxxis, Chengshin, Hankook, etc. especially from China for TBR tyre product range at low price has created strong pressure on the Company. However, along with the quality improvement in line with Vietnam's road conditions and flexible sales policy, meeting the customers' need, this product line has shown positive signs in increasing consumption volume. The shift of users from bias heavy-duty tyre to TBR tyres is also a great prospect for Casumina in expanding the domestic market. The completion of the registration procedures for quality certificate DOT, E-mark, JIS certificate will expand the export market of Casumina.
- PCR tyre line is in the process of completing trade procedures for export (export market accounts for 80% of consumption volume). However, the pressure on rising material prices will make Casumina lose its advantage in accelerating the payback period and making a profit on this tyre line.



# 4.0

## BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

---

**4.1** Báo cáo kết quả  
sản xuất kinh  
doanh 2017

*Business  
performance  
report in 2017*

**4.2** Phương hướng sản  
xuất kinh doanh  
2018

*Business orientation  
in 2018*

**4.3** Tình hình thực  
hiện các dự án  
đầu tư

*Implementation  
of investment  
projects*



# BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD 2017

## BUSINESS PERFORMANCE REPORT IN 2017

### TÌNH HÌNH CHUNG

#### GENERAL SITUATION

#### NĂM 2017 CÔNG TY ĐÃ GẶP PHẢI MỘT SỐ KHÓ KHĂN CHÍNH NHƯ SAU:

- Sự biến động tăng – giảm với biên độ lớn của giá nguyên vật liệu, đặc biệt là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn nylon đã làm cho các doanh nghiệp sản xuất săm lốp nói chung và Casumina nói riêng khó khăn trong việc hoạch định chính sách tồn kho và giá bán sản phẩm.
- Sự cạnh tranh quyết liệt giữa săm lốp ngoại nhập và săm lốp sản xuất trong nước đã dẫn đến tình trạng suy giảm về tính hiệu quả tính trên toàn ngành săm lốp, trong khi thiếu vắng sự hỗ trợ của nhà nước trong việc hạn chế gian lận thương mại.
- Việc liên tục giữ mức lợi nhuận cao của các doanh nghiệp sản xuất săm lốp trong nước mà nhà nước giữ chỉ phối về vốn trong những năm qua đã tạo ra nhiều khoảng trống để các doanh nghiệp nước ngoài từng bước lấn sân và chiếm thị phần đáng kể.
- Sự chuyển dịch nhu cầu sang các phân khúc sản phẩm hiện đại, cộng với sự cạnh tranh gay gắt (chủ yếu về giá) dẫn đến nhóm các sản phẩm truyền thống (săm lốp xe đạp, xe máy) của Casumina có sự sụt giảm về sản lượng và hiệu quả.
- Nhóm sản phẩm lốp TBR chưa đạt đến sản lượng hòa vốn đã tác động đến hiệu quả hoạt động chung của Công ty.
- Tình trạng thiếu lao động trực tiếp sản xuất đã làm Công ty mất đi cơ hội tăng sản lượng tiêu thụ ở những thời điểm nhu cầu tăng cao, đặc biệt là khu vực lắp ráp và xuất khẩu. Công ty đã rất khó khăn trong việc duy trì và tuyển mới lực lượng lao động trực tiếp. Nguyên nhân chủ yếu: Công ty không thể đảm bảo được mức thu nhập khi chịu sự ràng buộc quy chế lương, thưởng của Nhà Nước (xét về tính hiệu quả ngắn hạn), trong khi Công ty đang phải triển khai đồng thời hai dự án đầu tư (mang tính dài hạn: Lốp TBR và PCR).
- Chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao trong giai đoạn 2015-2017 trong khi Công ty rất cần nguồn vốn dài hạn để đầu tư mở rộng sản xuất và vốn lưu động tăng thêm nhằm đáp ứng sự tăng trưởng trong SXKD. Điều này đã làm Công ty thiếu hụt vốn lưu động. Công ty buộc phải tăng nguồn vốn tài trợ từ ngân hàng để đáp ứng nhu cầu SXKD và đầu tư. Chi phí lãi vay tăng cao (tăng 58% so với 2016) đã tác động không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công ty.

#### IN 2017 THE COMPANY ENCOUNTERED SOME MAJOR DIFFICULTIES AS FOLLOWS:

- The fluctuation with large amplitude of raw material prices, especially natural rubber, synthetic rubber, nylon blinds created the difficulties for the tyre manufacturers in general and Casumina in particular to make inventory and product selling price policies.
- The cutthroat competition between imported and domestic tyres has led to a decline in efficiency across the tyre industry, while there was a lack of government support in restriction of commercial frauds.
- The continuous and high profit margins of domestic tyre manufacturers with capital from the State over the past few years has created favorable conditions for foreign companies to enter into and gradually account for significant market share.
- The shift in demand to modern product segments, and fierce competition (mainly in terms of price), has led to the decline in productivity and efficiency of Casumina's traditional product group (tyres and bikes).
- The TBR tyre product group has not reached the break-even volume, which has impact on the Company's overall performance.
- The shortage of direct production labor resulted in the loss of the Company's opportunities to increase consumption at the times of high demand, especially in the assembly and export sectors. The company has struggled to maintain and recruit new direct labor force. The main reason is that the Company cannot guarantee the income level when it is governed by the State's regulations on salaries and wages (in terms of short-term efficiency), while the Company is concurrently carrying out two investment projects (long-term investment: TBR and PCR tyres.)
- Dividend payment policy by high amount of cash was performed in the period 2015-2017, while the Company needed long-term capital to invest and expand the production and increase the working capital to meet the business growth. This has caused the Company to lack for working capital. The company was forced to increase funding from banks to meet business and investment demands. High interest expense (increase by 58% in comparison with 2016) had significantly impact on business performance.

#### BÊN CẠNH NHỮNG KHÓ KHĂN TRÊN, CÔNG TY CÓ NHỮNG THUẬN LỢI SAU:

- Thị trường xe máy và xe ô tô trong nước có mức tăng trưởng cao, kéo theo cơ hội để các Doanh nghiệp sản xuất săm lốp tăng sản lượng tiêu thụ. Nhu cầu lắp ráp ô tô tăng mạnh trong quý 4/2017 đã đẩy mức tiêu thụ lốp ô tô tăng cao.
- Công ty vẫn duy trì trong nhóm dẫn đầu các Doanh nghiệp sản xuất săm lốp.
- Nhóm sản phẩm lốp TBR đã có những tín hiệu khả quan khi Công ty áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, cải tiến chất lượng phù hợp từng cung đường. Đặc biệt sản lượng tiêu thụ trong quý 4/2017 đã làm giảm mạnh giá thành đơn vị sản phẩm, hứa hẹn khi sản lượng tiêu thụ tăng trong năm 2018 sẽ tiệm cận với điểm hòa vốn. Thị trường xuất khẩu đối với dòng sản phẩm này cũng đã tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ 2016.
- Sản lượng xuất khẩu nhóm sản phẩm PCR đã tăng dần. Đến tháng 12/2017, Công ty đã xuất khẩu đạt 50 nghìn chiếc/tháng. Đây là nhóm sản phẩm chiến lược mà Casumina đã tập trung mọi nguồn lực đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và sản lượng cung cấp cho đối tác TireCo (Mỹ).
- Nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty là những đối tác có uy tín, có tiềm lực đã tạo lợi thế cho Công ty trong việc tìm kiếm mức giá nguyên vật liệu hợp lý, đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất.
- Công ty tham gia vào chuỗi cung ứng: Cung cấp BTP cho đối tác Kumho và Camso, giúp Công ty giải quyết được mức tăng trưởng doanh số và phân bổ một khoản chi phí đáng kể.

#### IN ADDITION TO ABOVE-MENTIONED DIFFICULTIES, THE COMPANY HAS THE FOLLOWING ADVANTAGES:

- The domestic motorcycle and car market has the high growth rate, leading to the opportunity for Tyre Manufacturers to increase their consumption volume. The demand for automobile assembly increased sharply in the fourth quarter of 2017, raising the consumption of car tyres.
- The company still maintains the position in the leading group of tyre manufacturers.
- The TBR tyre product group has shown positive signs since the Company applied flexible sales policy, and improved the quality in line with each different types of road. Particularly, the consumption volume in the 4th Quarter of 2017 has significantly reduced the unit price, the consumption volume in 2018 is expected to reach the break-even point. The export market for this product line has grown significantly over the same period in 2016.
- The export volume of PCR product group has gradually increased. By December 2017, the Company has exported 50,000 units per month. This is a strategic product group that Casumina has concentrated all resources to ensure timely performance and output to its partner, TireCo (USA).
- The input material sources of the Company are reputable and potential partners who have brought the Company the advantages for seeking the reasonable price of raw materials to ensure sufficient supply for production.
- The Company engages in the supply chain: Providing BTP to its partners: Kumho and Camso helps the Company achieve the sales growth and allocate a significant amount of cost.

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

#### BUSINESS PERFORMANCE IN 2017

STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	Năm 2016 Year 2016	Năm 2017 Year 2017			
				KH Plan	TH Results	%/2016	%/KH %/plan
1	Giá trị SXCN Industrial production value	Tr đồng Million dong	3,241,218	3,319,000	3,598,150	111	108
2	Doanh thu Revenue	Tr đồng Million dong	3,286,167	3,304,000	3,517,417	107	107
2.1	Doanh thu SXCN Industrial production revenue	Tr đồng Million dong	3,168,319	3,304,000	3,505,857	111	107
2.1.1	Nội địa Domestic	Tr đồng Million dong	2,341,909	2,386,000	2,556,653	109	107
2.1.2	Xuất khẩu Export	Tr đồng Million dong	826,410	918,000	949,204	115	103
2.2	Doanh thu KD khác Other business revenue	Tr đồng Million dong	117,848		11,560	10	
3	Lao động & thu nhập Labor & Income						
3.1	Lao động Average labor rate	Người Person	2,375	2,436	2,426	102	100
3.2	Thu nhập bình quân Average income	1000 đồng Thousand dong	8,539	8,467	7,568	88	89



STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	Năm 2016 Year 2016	Năm 2017 Year 2017			
				KH Plan	TH Results	%/2016	%/KH %/plan
4	Nộp ngân sách Budget	Tr đồng Million dong	229,197	306,460	195,442	85	64
5	Kim ngạch XNK Import-export turnover	1000 USD	80,343	83,539	98,973	123	118
6	Đầu tư XDCB Basic construction investment	Tr đồng Million dong	228,832	143,750	152,084	66	106
7	Lợi nhuận trước thuế Pre-tax profit	Tr đồng Million dong	331,448	340,000	68,751	21	20
8	Lợi nhuận sau thuế Post-tax profit	Tr đồng Million dong	260,895	272,000	55,000	21	20
9	Lãi cơ bản trên CP Basic earnings per share	Đồng Dong	2,993	2.625	531	18	20

**Nhận xét:**

- Giá trị SXCN tăng trưởng 11%, giá trị tăng trưởng chủ yếu do sản lượng nhóm lốp Radial (PCR) và gia công cao su bán thành phẩm mang lại.
- Doanh thu tăng trưởng 7% so với cùng kỳ năm 2016 và tăng 7% so với kế hoạch 2017. Trong đó, Doanh thu xuất khẩu tăng 15%. Mức tăng trưởng cao của doanh thu xuất khẩu do Công ty bắt đầu xuất khẩu nhóm lốp PCR từ T09/2017 (đạt 225.000 chiếc). Doanh thu nội địa tăng 7% bao gồm cả Doanh thu cung cấp Bán thành phẩm cho 2 đối tác Camso và Kumho (448 tỷ đồng).
- Kim ngạch xuất nhập khẩu bằng 23% so với cùng kỳ năm 2016. Chỉ tiêu này tăng chủ yếu do tăng xuất khẩu lốp PCR.
- Lợi nhuận trước thuế bằng 20% kế hoạch 2017 và bằng 21% so với cùng kỳ năm 2016. Mức lợi nhuận giảm sâu chủ yếu do các nguyên nhân sau: 1) Tác động của tính bất ổn giá cả nguyên vật liệu đầu vào như: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, than đen...trong khi chính sách giá không tăng kịp tốc độ tăng giá vật tư trong 6 tháng đầu năm 2017. 2) Sự sụt giảm sản lượng đối nhóm sản phẩm xe đạp, xe máy đã làm giảm đáng kể hiệu quả SXKD. 3) Nhóm lốp Radial (PCR, TBR) chưa đạt đến điểm hòa vốn. 4) Chi phí lãi vay tăng cao khi Công ty phải tăng nguồn tài trợ vay khi dòng tiền bị chảy vào cổ tức.

**Comments:**

- The industrial production value increased by 11%, mainly due to the productivity of Radial Tyre group (PCR) and processing of semi-finished rubber products.
- Revenue increased by 7% over the same period in 2016 and increased by 7% in comparison with the plan in 2017. In which, export revenue increased by 15%. The export revenue reached high growth rate as the Company began to export PCR tyre group from September, 2017 (reaching 225,000 units). Domestic revenue increased by 7% including revenue from provision of semi-finished products for the two partners, Camso and Kumho (448 billion dong).
- The Export-import turnover was 23% over the same period of 2016. This item increased mainly due to the increase in export of PCR tyres.
- Pre-tax profit was equal to 20% of the plan in 2017 and 21% over the same period in 2016. The sharp decline in profit was mainly due to the following reasons: 1) Impact of instability of the input raw material price, for example, synthetic rubber, natural rubber, black coal, etc. while the price policy did not catch up with the increase of material price in the first 6 months of 2017. 2) The decline in volume of bicycle and motorcycle product group has significantly reduced the business performance. 3) Radial Tyre group (PCR, TBR) has not reached the break-even point. 4) Interest expenses highly increased as the company had to increase its funding when the cash flows were flowing into dividends.

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**  
OPERATION IN 2017**CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT**

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2017 nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích và kịp thời thay đổi nhiều chính sách phù hợp với điều kiện biến động của thị trường một cách hiệu quả.

- Tồn kho vật tư, nguyên liệu: Công ty đã đề ra chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ nguyên vật liệu đầu vào. Tìm kiếm các nhà cung cấp giá cả hợp lý, chất lượng tốt, nguồn cung ổn định, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất, mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tồn kho sản phẩm: Cân đối hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ, hàng tồn kho dự trữ hợp lý, đảm bảo kịp thời sản phẩm cung cấp cho thị trường.
- Công tác thực hiện tiết kiệm: Xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí từ đầu năm 2017, phân tích, kiểm soát, thực hiện tiết giảm chi phí theo kế hoạch đối các Xí nghiệp và Phòng ban Công ty. Các chương trình tiết kiệm về năng lượng, tiết kiệm định mức nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng ... được triển khai thực hiện thông qua các phong trào thi đua đã mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và người lao động.
- Công tác phát triển sản phẩm mới: Trong năm Công ty đã nghiên cứu, sản xuất và đưa ra thị trường nhiều qui cách sản phẩm mới, mẫu mã gai đa dạng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã chú trọng cải tiến thiết kế, mẫu mã gai mới cho dòng sản phẩm lốp ô tô radial toàn thép, lốp xe máy nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Chất lượng sản phẩm được cải tiến duy trì theo đúng cam kết về chất lượng của Công ty đối với thị trường, công tác phân tích, kiểm tra chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới sự giám sát của bộ phận QA Công ty.
- Công tác tìm kiếm và đánh giá nhà cung cấp được thực duy trì đã giúp Công ty tiếp cận được các nhà cung cấp đạt yêu cầu về chất lượng và giá cả hợp lý, đồng thời đem lại cơ hội cho Công ty tiếp cận với nguồn nguyên liệu mới, tiếp cận với công nghệ sản xuất ngành sản lốp tiên tiến trên thế giới.

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ**

- Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục làm việc với các tổ chức cung cấp các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sản lốp như: DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS...
- Tiếp tục triển khai hệ thống KPI trong đánh giá các phòng ban và từng cán bộ quản lý, nhân viên gián tiếp, làm căn cứ quan trọng để đánh giá năng lực của từng nhân viên, từ đó có chính sách đãi ngộ và đào tạo một cách hợp lý.

**PRODUCTION MANAGEMENT**

Despite many difficulties in 2017, the Company's Board of Directors has analyzed and promptly modified many policies in line with the changes in market conditions.

- Inventory of supplies and raw materials: The Company has set up a reasonable material reserve policy for strict control of input materials and has been seeking for suppliers who offer reasonable price, good quality, stable supply source, timely response to production, bringing efficiency in production and business activities.
- Inventory of products: Making the reasonable balance between production and consumption, reasonable inventory, ensuring timely supply to the market.
- Savings: Developing a cost reduction plan from early 2017, analyzing, controlling and implementing cost reduction as planned for the Company's Factories and Departments. Energy saving programs, raw materials saving programs, etc. which have been implemented through the emulation movements have brought practical effects for the Company and its employees.
- New product development: During the year, the Company has researched, produced and launched many new products with various tread patterns into the market. In addition, the Company has also focused on improving designs, new tread patterns for full-steel radial car tyres and motorcycle tyres to satisfy the needs of consumers at home and abroad.
- The quality of products has been improved and maintained in line with the Company's commitment to quality in the market, and quality analysis and quality control have been carried out regularly and continuously under the supervision of the Company's QA department.
- The ongoing search and assessment of suppliers has enabled the Company to approach the suppliers who provide satisfactory quality at reasonable prices and also given the Company access to new material sources, and approach to advanced technology of tyre industry in the world.

**COMPLETION OF THE MANAGEMENT SYSTEM**

- The company continues to maintain the quality management system in compliance with ISO 9001 and 14001, continues to work with organizations providing regionally and internationally recognized certificates for the tyre industry such as DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS, etc.
- Continuing to implement the KPI system in the assessment of departments and each manager and indirect staff, which serves as an important basis for assessing the capacity of each employee to make the reasonable treatment and training policies.

- Thực hiện kiểm soát tốt chi phí, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường dựa vào các chương trình quản lý đã và đang triển khai: ERP, BSC.
- Rà soát và có sự thay đổi căn bản hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đã được triển khai trên toàn quốc. Tuyển chọn đội ngũ bán hàng năng động, chuyên nghiệp và thật sự gắn bó với Công ty

### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Hoàn tất việc lắp đặt dây chuyền và sản xuất thương mại lốp Radial bán thép với công suất 1 triệu chiếc cung cấp cho thị trường xuất khẩu và nội địa.
- Hoàn tất dự án xây dựng tổng kho thành phẩm ở Bình Dương với công suất thiết kế 12.000 mét. Tuy nhiên, hiện nay tổng kho chỉ đáp ứng đủ sản lượng lốp Radial. Vì vậy Casumina đang lên phương án tiếp tục mở rộng tổng kho.
- Đang thực hiện hoàn tất thủ tục dự án mua đất phát triển Công ty tại Tân Uyên – Bình Dương.
- Về cơ bản: Đã hoàn tất hợp tác xây dựng tòa nhà Văn phòng tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai. Công ty đang dự định hai phương án. 1) Chuyển Văn phòng chính về địa điểm trên. 2) Tiếp tục sử dụng Văn phòng tại địa điểm 146 Nguyễn Biếu, P.2, Q.5. Sử dụng một phần và cho thuê bớt Văn Phòng tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai.
- Đầu tư các thiết bị nhỏ lẻ, lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị... nhằm củng cố, hoàn thiện và mở rộng quy mô sản xuất, lắp đặt thêm các dây chuyền sản xuất nhằm tăng sản lượng đối với những quy cách, chủng loại sản phẩm có mức tiêu thụ cao.

### CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT:

Công ty luôn chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- **Đối với lốp xe máy:** Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, ứng dụng các nguyên vật liệu mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng đồng thời đa dạng dây sản phẩm truyền thống nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng. Cải tiến và khắc phục triệt để lỗi khó bơm hơi khi lắp vào vành đối với dòng lốp xe máy Tubeless.
- **Đối với lốp ô tô:** Đa dạng qui cách, mã gai dòng sản phẩm Radial toàn thép đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa. Thực hiện đúng tiến độ cam kết với đối tác trong việc triển khai các quy cách lốp PCR. Nghiên cứu và chuẩn bị sản xuất thương mại dòng lốp PCR mang thương hiệu Advenza cung cấp cho thị trường trong nước, lắp ráp và xuất khẩu.

- *Cost control, production stability have been well implemented to meet market demand based on management programs which have been implemented such as ERP, BSC.*
- *Reviewing and substantially modifying the professional sales system which has been implemented nationwide. Select a dynamic, professional sales team working for the Company for a long term.*

### INVESTMENT

- *Installation of assembly lines and commercial production of semi-steel radial tyres with the capacity of 1 million units for domestic and export markets has been completed.*
- *The construction project of the overall finished product warehouse in Binh Duong with designed capacity of 12,000 meters has been completed. However, at present, the overall warehouse only meets the radial tyre volume. Therefore, Casumina is planning to expand the overall warehouse.*
- *The procedures for land acquisition project for Company development in Tan Uyen – Binh Duong are being completed.*
- *Basically, the construction cooperation project of office building at 180 Nguyen Thi Minh Khai has been completed. The Company is planning two options. 1) Move the head office to the above location. 2) Continue to use the office at 146 Nguyen Bieu, Ward 2, District 5, and use a part and lease the remaining part of the building at 180 Nguyen Thi Minh Khai.*
- *Investment in small equipment, installation, repair of machinery and equipment, etc. to strengthen, improve and expand the production scale, install additional production lines to increase output of the product categories with various specifications and high consumption.*

### RESEARCH AND DEVELOPMENT OF NEW PRODUCTS, APPLICATION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY IN PRODUCTION:

*The company always focuses on research and development of new products to meet the needs of export and domestic markets.*

- *For motorbike tyres: Continuing researching and improving the mixture formulas, applying new materials, improving product quality, diversifying tread designs to meet different customer segments, diversifying traditional range of products to better serve the needs of consumers. Improving and completely fixing pump problems when installing Tubeless motorcycle tyres*
- *For automobile tyres: Diversifying specifications and tread designs of full-steel radial tyres to meet the needs of export and domestic markets. Carrying out in accordance with schedule as committed with partners in deploying PCR tyre specifications. Researching and preparing for commercial production of Advenza PCR tyres for domestic, assembly and export markets.*

- Thực hiện nhiều cải tiến về thiết kế và đơn pha chế đối với nhóm sấm ô tô nhằm đảm bảo chất lượng cung cấp cho cả hai phân khúc lốp ô tô Bias và lốp Radial.
- Nghiên cứu và sử dụng các hóa chất thay thế đối với công nghệ sản xuất sấm lốp xe nhằm giảm thiểu ô nhiễm, tăng độ bám đường, tăng kháng mòn và giảm giá thành sản xuất.

### CÔNG TÁC TIÊU THỤ

#### Công tác thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với nhóm sản phẩm lốp ô tô. Duy trì tổ chức phân tích, đánh giá và đề ra chính sách bán hàng hàng quý và tháng phù hợp với diễn biến của thị trường.
- Công ty đã nghiên cứu, tổ chức điều tra, phân tích thị trường đưa ra nhiều chính sách bán hàng linh hoạt để giữ vững và củng cố thị phần, đồng thời tìm kiếm khách hàng, đối tác mới nhằm thâm nhập và mở rộng thị phần cho nhóm lốp Radial toàn thép.
- Thường xuyên theo dõi, bám sát và điều chỉnh cơ chế bán hàng phù hợp với tình hình thị trường. Xây dựng những chính sách bán hàng linh hoạt, đổi mới thúc đẩy mức sản lượng tiêu thụ của đại lý, tránh tình trạng bán phá giá, lấn vùng...
- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu. Tiếp tục đổi mới công tác quảng bá thương hiệu và xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường xuất khẩu.

#### Phương thức bán hàng

- Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản lượng giao kế hoạch năm, quý và tháng cho đại lý và Nhà phân phối đồng thời bán hàng trực tiếp cho các Nhà lắp ráp. Căn cứ vào thực hiện kế hoạch tháng, Công ty sẽ phân tích, tìm ra nguyên nhân và đề ra giải pháp để khắc phục những hạn chế đối với những đại lý, Nhà phân phối không hoàn thành kế hoạch.
- Đội ngũ giám sát và nhân viên bán hàng trẻ, năng động đã trực tiếp đảm nhận việc bán và chào hàng tại các nhà phân phối, qua đó có thể nắm bắt nhanh thông tin về sản phẩm và khách hàng kịp thời hỗ trợ cho Công ty để ra những chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- Các chính sách về bán hàng được xây dựng và điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn của thị trường thông qua những phản ánh từ các đội ngũ giám sát, các nhà phân phối tại các vùng miền và được giải quyết nhanh chóng kịp thời ngay khi có phản ứng từ thị trường.

- *Many improvements in designs and mixture formulas have been carried out for the automobile tube group to ensure quality for both Bias and Radial tyre segments.*
- *Alternative chemicals for tyre and tube production technology have been researched and used to reduce pollution, increase road grip, increase wear resistance and reduce production cost.*

### CONSUMPTION

#### Marketing

- *Continuing to improve the professional sales system for automobile tyre group. Maintaining the organization for analysis, assessment and proposing quarterly and monthly sales policies in line with market movements.*
- *The company has researched, conducted market survey and analysis, set out various flexible sales policies in order to maintain and strengthen market share and seek new customers and partners to penetrate the market and expand market share for full-steel radial tyre group.*
- *Regularly monitoring, following and adjusting the sales mechanism in accordance with the market situation. Developing flexible sales policies, promoting the consumption volume of dealers, avoiding the dumping, encroachment, etc.*
- *Promoting sales of exported goods. Continuing to renovate the brand promotion and developing the flexible sales policy, focusing on seeking new customers and expanding export markets.*

#### Sales methods

- *The company continues to maintain the annual, quarterly and monthly output plan assigned for dealers and Distributors, simultaneously sell directly to the Assemblers. Based on the implementation of the monthly plan, the company will analyze, find out the causes and propose solutions to overcome the limitations for dealers, Distributors who fail to complete the plan.*
- *The young and dynamic supervisor and salesperson team directly undertook the sale and offer at distributors' places so that they can quickly grasp information on products and customers and timely support the Company in setting out sales policies in line with the market situation.*
- *Sales policies are developed and adapted to each stage of the market through feedback from supervisors and distributors in each region and any reaction from the market is timely resolved.*

- Chính sách công nợ xây dựng linh hoạt tùy thuộc vào năng lực tài chính của từng đại lý tiếp tục được Công ty duy trì áp dụng trong năm 2017, đã phát huy tác dụng kích thích khả năng tìm kiếm khách hàng, tăng sản lượng tiêu thụ và tạo được sự ổn định, đồng thuận của các đại lý.
- Để giữ vững thị phần và mở rộng thêm thị trường trong nước, Công ty đã thực hiện những chương trình thi đua hoàn thành kế hoạch và các chương trình bán hàng trong từng thời điểm. Đây là một yếu tố tương đối tốt có thể sử dụng trong ngắn hạn để cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến mãi từng thời kỳ đối với từng nhóm sản phẩm theo định hướng tăng trưởng của Công ty.

#### Công tác quảng bá và xúc tiến

- Các chương trình quảng bá tại điểm bán tiếp tục được thực hiện, đồng thời hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và nhà phân phối trên toàn quốc.
- Công ty tiếp tục tài trợ cho chương trình “Xe và phong cách” qua kênh truyền hình, ấn phẩm và website của chương trình.
- Tiếp tục quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện truyền thông truyền thống: Tivi, quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo, website, Fanpage ...
- Tổ chức các sự kiện ra mắt sản phẩm mới tại các nhà phân phối đồng thời kết hợp quảng bá trong những dịp chăm sóc cộng đồng tại địa phương, xây dựng hình ảnh Casumina thân thiện với cộng đồng.
- Công ty đã tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín trong ngành cao su và săm lốp xe: Hội chợ HVNCLC, triển lãm: Công nghiệp phụ trợ, xe và phụ tùng, auto show (xe mô tô và ô tô), cao su và lốp xe. Qua các chương trình này Casumina đã khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng công nghiệp ô tô và xe máy

- *The flexible liability policies which were developed depending on the financial capacity of each agent are continued to be maintained by the Company in 2017, promoting the ability to seek customers, increasing consumption volume and creating the stability and consensus of dealers.*
- *In order to maintain market share and expand the domestic market, the Company has implemented emulation programs for completing the plan and sales programs from time to time. This is a relatively good factor that can be used in the short term to compete with competitors in the same industry.*
- *Continuing to implement the promotion policy in each period for each group of products in accordance with the Company's growth direction.*

#### Promotion

- Point-of-sales promotion programs are continued to be implemented, at the same time advertisement signboards, display items are provided at retail outlets and distributors nationwide.
- The company continues to sponsor the program “Vehicles and style” through TV channel, publications and website of the program.
- Continuing to promote the brand through traditional media: TVs, outdoor advertisements, buses, magazines, newspapers, websites, fanpages, etc.
- Organizing new product launch events at the distributors' place while simultaneously promoting in local community care events, building a community-friendly Casumina image.
- The company has participated in the well-known fairs and exhibition programs in the rubber and tyre industry such as Vietnamese high-quality goods fair and exhibitions for supporting industry, vehicles and spare parts, auto show (Motorcycle and Automobile), rubber and tyres. Through these programs, Casumina has affirmed its position in Vietnam's automobile and motorcycle supply chain, reached

- của Việt Nam. Tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, đánh giá mức độ nhận diện thương hiệu, qua đó cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu và thiết kế các chương trình nâng cao hình ảnh thương hiệu. Công ty cũng đã tài trợ chương trình vì cộng đồng: Đi xe đạp vì môi trường và văn hóa giao thông.
- Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã xúc tiến chương trình nhận diện thương hiệu, hỗ trợ hoạt động Marketing của các nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Á. Hỗ trợ cho đại lý tham gia hội chợ: Nam Mỹ, Malaysia, Campuchia.
- Công ty luôn giữ vững các danh hiệu do các tổ chức uy tín bình chọn: Hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liền, giải thưởng thương hiệu quốc gia (5 năm liền), Công ty giữ vững vị trí là 1 trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

the tastes of customers, assessed the level of brand identity, thereby improving the quality of products in accordance with the needs and designing programs to enhance the brand image. The Company has funded community programs such as: Cycling for the environment and traffic culture.

- For export market: The company has launched a brand identity program, and supported the marketing activities of distributors in South East Asia, supported dealers in participating in fairs: South America, Malaysia, Cambodia.
- The company always maintains the titles voted by the prestigious organizations: Vietnamese high-quality goods for 21 consecutive years, the award of national brand name (5 consecutive years), the Company holds its position as one of five units with the highest revenue of Vietnam National Chemical Group.



# PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

## BUSINESS ORIENTATION IN 2018

### ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2018 OVERALL SITUATION IN 2018

#### KHÓ KHĂN

- Sự chuyển dịch đầu tư lớn từ Trung Quốc sang Thái lan những năm gần đây và hiện nay là Việt nam đối với ngành sản xuất sảm lốp xe, cũng như xu hướng mở rộng quy mô sản xuất đối với các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam cho thấy là một trong những yếu tố thách thức lớn đối với các Doanh nghiệp sản xuất sảm lốp trong nước, trong đó có Casumina.
- Tính bất ổn của thị trường cao su nguyên liệu, khó dự báo (bao gồm cả cao su tổng hợp và thiên nhiên) là một yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình hoạch định chính sách bán hàng và tồn kho đối với các doanh nghiệp sản xuất sảm lốp xe.
- Sự khan hiếm của thị trường than đen, hóa chất phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất sảm lốp xe các loại do tác động từ chính sách cắt giảm sản xuất gây ô nhiễm bảo vệ môi trường của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến nguồn cung trên thế giới làm cho thiếu hàng và giá cả tăng cao.
- Công tác tuyển lao động trực tiếp thay thế cho lao động đã nghỉ việc gặp nhiều khó khăn khi mà thu nhập của Công ty không còn hấp dẫn và vướng mắc bởi các quy chế, quy định về tiền lương của Nhà Nước.
- Sự cạnh tranh nhóm sản phẩm truyền thống (sảm lốp xe đạp xe máy) trở nên khốc liệt với hàng loạt các thương hiệu ngoại nhập từ Thái lan, Malaysia cùng với các cơ sở nhỏ lẻ đang có xu hướng lớn dần. Sự dịch chuyển từ lốp Bias sang lốp Radial theo chủ trương của Nhà Nước về lắp ráp xe ô tô (tiêu chuẩn Euro 2 sang Euro 4) có thể sẽ làm Công ty mất đi lợi thế ban đầu khi sản lượng lốp PCR chưa kịp cung ứng cho lắp ráp và thị trường thay thế.
- Lãi vay sẽ tiếp tục là yếu tố làm suy giảm hiệu quả của Công ty khi mà dòng tiền tích lũy từ lợi nhuận giữ lại để đầu tư phát triển không còn và lợi nhuận suy giảm trong năm 2017.

#### DISADVANTAGES

- The big investment shift from China to Thailand in recent years and now to Vietnam for the tyre and tube industry, as well as the trend of expanding the production scale for foreign firms setting up their factories in Vietnam have shown the major challenges for domestic tyre and tube manufacturers including Casumina.
- The volatility of the raw rubber market, which is difficult to forecast (including synthetic and natural rubber), is a potential risk factor in making sales and inventory policy for tyre and tube manufacturers.
- The shortage of black coal and chemicals used in the tyre and tube industry due to the impact of China's policy on cutting down production causing pollution to the environment has affected supply worldwide resulting in shortage of goods and price increase.
- The recruitment of direct employees to replace those who have resigned from work encounters many difficulties when the income from the Company is no longer attractive and entangled by the State's statutes and regulations on the salary.
- The competition of traditional product group (tyres and tubes for bicycles and motorbikes) has become fierce with a number of imported brands from Thailand, Malaysia and small facilities which are growing up. The shift from Bias tyres to radial tyres in line with the State's policy on automobile assembly (from Euro 2 to Euro 4 standards) may cause the Company to lose its initial advantage as the PCR tyre output may not sufficient for assembly and alternative market.
- Loan interest will continue to be a factor that reduces the efficiency of the Company when the cash flow accumulated from retained earnings for development investment no longer exists and profits declined in 2017.

#### THUẬN LỢI

- Tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì và ổn định như năm 2017. Trong đó chính sách giảm lãi suất và gia tăng tín dụng là một nội dung quan trọng trong chính sách kinh tế Việt Nam.
- Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030 là một ngành quan trọng của kinh tế Việt Nam. Quy hoạch cho thấy ngành công nghiệp ô tô sẽ sử dụng 40% - 50% linh kiện và phụ tùng sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, nhiều chính sách hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô đã thông qua và chính thức có hiệu lực từ năm 2018.
- Dựa vào hai nội dung trên cho thấy, ngành công nghiệp sản xuất sảm lốp xe sẽ hưởng được nhiều lợi ích và có thể tận dụng cơ hội để đạt được mức tăng trưởng cao trong phân khúc sảm lốp ô tô, đặc biệt là dòng lốp PCR.
- Casumina đứng trước một cơ hội lớn: Là doanh nghiệp trong nước duy nhất đang sản xuất và cung ứng dòng sản phẩm lốp PCR (cho xe tải nhẹ và xe hơi 4 chỗ). Nếu thuận lợi, sẽ là đối tác tin cậy đối với các đơn vị lắp ráp xe.
- Việc áp thuế chống phá giá đối sản phẩm sảm lốp xe sản xuất tại Trung Quốc của các nước khu vực Nam Mỹ, Ấn Độ.... tạo cơ hội cho Casumina tiếp cận với các khách hàng tiềm năng với sản lượng rất lớn.
- Nhóm lốp TBR: Sau khi cải tiến chất lượng sản phẩm của từng dòng lốp phù hợp với từng cung đường khác nhau, đồng thời với việc thay đổi chính sách bán hàng, nhóm lốp TBR đã tăng sản lượng tiêu thụ đạt gần đến điểm hòa vốn và dần tiến đến có lãi.
- Nhóm lốp PCR: Sản lượng xuất khẩu từ đối tác tăng dần qua các tháng, dự kiến đạt mức 1 triệu lốp là yếu tố giúp Casumina mở rộng sản xuất và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế khi sản xuất thương mại dòng lốp này cung cấp cho thị trường nội địa (với thương hiệu Advenza). Tính hiệu quả nhóm lốp PCR sẽ dần được cải thiện và có lợi nhuận. Chính sách hợp tác toàn diện với các đối tác trong quá trình sản xuất và cung ứng lốp Radial bán thép là một cơ hội lớn của Casumina trong việc tận dụng học hỏi công nghệ mới, tiếp cận nguồn vật tư giá rẻ và phát triển bền vững theo phương châm "cùng có lợi ích".
- Nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty là những đối tác có uy tín, có tiềm lực đã tạo lợi thế cho Công ty trong việc tìm kiếm mức giá nguyên vật liệu hợp lý, đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất.

#### ADVANTAGES

- Vietnam's economic growth rate is expected to remain stable as in 2017. The policy on lowering interest rates and increasing credit is an important element in Vietnam's economic policy.
- According to industry development plan, Vietnam's automotive industry will be an important industry in Vietnam's economy by 2030. The plan shows that the automotive industry will use 40% - 50% of domestically manufactured components and spare parts. In addition, many supporting policies for the automotive industry have been adopted and officially come into effect in 2018.
- Based on the above two contents, the tyre and tube manufacturing industry will enjoy many benefits and can take advantage of the opportunity to achieve high growth rate in the automotive tyre and tube segment, especially the PCR tyre product line.
- Casumina is facing a great chance: It is the only domestic company manufacturing and supplying PCR tyres (for light trucks and 4-seat cars). In convenient conditions, it will be a reliable partner of car assemblers.
- By the imposition of anti-dumping duties on tyres and tubes manufactured in China by manufacturers in South America, India, etc. Casumina has an opportunity to reach potential customers with significant output.
- TBR tyre group: After improving the product quality of each tyre line in conformity with the different kinds of road, together with the change of sales policy, the TBR tyre group has increased its consumption volume to nearly reach the break-even point and gradually get profitable.
- PCR tyre group: The export volume from partners, which has increased gradually over the months, and expected to reach the level of 1 million tyres, is the factor helping Casumina expand its production and ensure the international technical standards in commercial production of such tyre line which is supplied to the local market (with Advenza brand). The effectiveness of PCR tyre group will be gradually improved for getting profitable. Comprehensive cooperation policy with partners in the production and supply of semi-steel Radial tyres is a great opportunity for Casumina to take advantage of learning new technologies, accessing to low-cost material sources and sustainable development under the motto of "mutual benefit".
- The input material sources of the Company are reputable and potential partners who have brought the Company the advantages for seeking the reasonable price of raw materials to ensure sufficient supply for production.

## CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

## MAIN TARGETS IN 2018

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2018 như sau:

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

STT No.	Chi tiêu Item	Đvt Unit	2017 Results in 2017	KH 2018 Plan	
				Giá trị Value	%2017
1	Giá trị SXCN – Industrial production value	Tr đồng / Million dong	3,598,150	3,755,970	104
2	Doanh thu – Revenue	"	3,517,417	3,799,312	108
2.1	Doanh thu SXCN – Industrial production revenue	"	3,505,857	3,779,312	108
2.1.1	Nội địa – Domestic	"	2,556,653	2,376,396	93
2.1.2	Xuất khẩu – Export	"	949,204	1,402,916	148
2.2	Doanh thu KD – Business revenue	"	11,560	20,000	173
3	Sản lượng hiện vật – Product output				
3.1	Lốp xe máy – Motorcycle tyres	1000 chiếc / 1000 pieces	4,015	4,170	104
3.2	Săm xe máy – Motorcycle tubes	"	20,940	21,050	101
3.3	Lốp xe đạp – Bicycle tyres	"	2,940	3,000	102
3.4	Săm xe đạp – Bicycle tubes	"	4,425	4,430	100
3.5	Lốp công nghiệp – Industrial tyres	"	505	485	96
3.6	Lốp ô tô, máy kéo – Automobile, tractor tyres	"	1,140	1,785	157
3.6.1	Lốp TBR – TBR tyres	"	98	145	148
3.6.2	Lốp PCR – PCR tyres	"	230	1,000	435
3.7	Săm ô tô – Automobile tubes	"	625	655	105
3.8	Yếm ô tô – Automobile flaps	"	300	350	117
3.9	Găng tay – Gloves	1000 đôi / 1,000 pairs	5,680	7,560	133
3.10	Ống cao su dân dụng – Civil rubber hose	Tấn / Ton	112	96	86
3.11	Cao su BTP – BTP rubber	Tấn / Ton	32,070	25,000	78
4	Lao động & thu nhập – Labor & income				
4.1	Lao động bình quân – Average labor rate	Người / Person	2,426	2,436	100
4.2	Thu nhập bình quân – Average income	1000 đ / VND 1,000	7,568	8,460	112
5	Nộp ngân sách – Budget	Tr đồng / Million dong	195,963	139,333	71
6	Kim ngạch XNK – Import-export turnover	1000 USD	98,973	125,328	127
7	Đầu tư XDCB – Basic construction investment	Tr đồng / Million dong	165,661	201,413	122
8	Lợi nhuận trước thuế – Pre-tax profit	Tr đồng / Million dong	68,751	105,000	153
9	Cổ tức – Dividend	%	(*)	>5%	

Ghi chú:

(\*), (\*\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 và tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2018 sẽ được trình bày và lấy biểu quyết tại Đại hội theo tờ trình "Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017; Phân phối lợi nhuận năm 2017".

Số liệu kế hoạch 2018 được xây dựng vào tháng 09/2017 và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Cổ đông giữ 51% cổ phiếu) phê duyệt ban hành (quyết định số 236/QĐ-HCVN, ngày 02 tháng 12 năm 2017). Với xu hướng biến động tăng của tất cả giá nguyên vật liệu đầu vào, sự thay đổi cơ cấu trong từng nhóm sản phẩm và chính sách giá bán điều chỉnh linh hoạt theo thị trường của Casumina áp dụng trong năm 2018 sẽ tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh 2018 theo hướng: Doanh thu sẽ tăng cao hơn kế hoạch và lợi nhuận trước thuế có khả năng không đạt được. Công ty phấn đấu bằng mọi giải pháp đạt được hiệu quả cao nhất trong tình hình thực tế hiện nay.

Note:

(\*), (\*\*) The dividend payment ratio in 2017 and dividend advance payment ratio in 2018 will be presented and voted at the General Meeting according to the Statement on "Business performance in 2017; Profit distribution in 2017".

Data for plan in 2018 was prepared in September, 2017 and approved by the Vietnam National Chemical Group (the shareholder holding 51% of shares) for approval of issuance (Decision No. 236/QĐ-HCVN dated December 02, 2017). With trend of increase in input material prices, the structural change in each product group and Casumina's flexible price adjustment policy applied in 2018 will affect the business performance in 2018 in the direction: Revenue will increase higher than as planned and pre-tax profit will be likely not achieved. The company strives to achieve the highest efficiency in the current situation.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

## SOLUTIONS

## QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Thực hiện chính sách tiết giảm chi phí toàn Công ty. Rà soát lại định mức nhiên liệu, năng lượng và đề ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng.
- Nghiên cứu các giải pháp giảm trọng lượng, thay đổi nguyên vật liệu đối với nhóm lốp PCR phù hợp với thị trường xuất khẩu theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.
- Bám sát diễn biến thị trường của nguyên vật liệu để có chính sách tồn kho vật tư hợp lý, đồng thời đề ra chính sách giá bán phù hợp nhằm đạt được ba mục tiêu: a) Giữ vững thị trường, b) Hạn chế tối đa tổn thất mất cân đối giữa đầu ra – đầu vào, c) Có lợi nhuận.
- Tập trung mọi nguồn lực, cơ hội để tăng sản lượng tiêu thụ nhóm lốp Radial bán thép và toàn thép ở cả hai khu vực xuất khẩu – nội địa. Triển khai thành công việc sản xuất thương mại và phân phối lốp PCR đối với thị trường nội địa.
- Tăng tính hiệu quả nhằm cải thiện các chỉ số tài chính: Vòng quay tồn kho, hệ số nợ.
- Lập quy hoạch các địa điểm sản xuất, kho tàng và cách thức vận hành hệ thống logistic đáp ứng được mở rộng quy mô của Công ty trong các năm tới.
- Chủ động xây dựng mô hình quản trị hiệu quả sau khi Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thoái vốn (dưới 51%) với phương châm duy trì ổn định mô hình hoạt động hiện tại, tăng tính hiệu quả và tính chủ động đối với CB-CNV Công ty, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược cùng hợp tác, phát triển thương hiệu "Casumina".
- Quản lý và sử dụng lao động có hiệu quả. Rà soát và định biên lại lao động, bố trí hợp lý lao động tại các công đoạn, dây chuyền sản xuất. Xem xét và có giải pháp căn cơ đối với thu nhập bình quân nhằm giữ chân công nhân lành nghề và thu hút được lao động mới, tránh sự biến động, thiếu hụt lao động.
- Tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của hệ thống quản lý ISO 9001 (2008) và ISO 14001.

## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB

- Triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án lốp Radial toàn thép nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm.
- Triển khai dự án mở rộng tổng kho thành phẩm tại Bình Dương đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

## COMPANY GOVERNANCE AND PRODUCTION MANAGEMENT

- Implementing the Company's cost reduction policy. Reviewing fuel and energy norms and proposing energy saving measures.
- Researching on weight reduction solutions, changing raw materials for PCR tyre group in line with the export market in a cost-saving and effective manner.
- Monitoring market developments of raw materials to propose a reasonable inventory policy and set out an appropriate price policy to achieve three objectives: a) Stabilize the market, b) Minimize losses of imbalances between inputs and outputs, c) Gain profits.
- Gathering all resources, opportunities to increase consumption volume of semi-steel radial tyre group and full-steel tyre group in both export and domestic areas. Successfully deploying commercial production and distribution of PCR tyres to the domestic market.
- Increasing efficiency to improve financial indices: Inventory turnover, debt ratio.
- Planning for the production sites, warehouses and logistics system operating methods to meet the expansion of the Company in the coming years.
- Taking initiative in building an effective management model after the divestment of Vietnam National Chemical Group (below 51%) with the motto of maintaining the current operating model, increasing efficiency and activeness for the Company's staffs and employees, calling for strategic investors to cooperate and develop the "Casumina" brand.
- Managing and using labor effectively. Reviewing and making reasonable labor planning and arrangement in production stages and production lines. Considering and proposing appropriate solutions to the average income in order to retain skilled workers and attract new labor, avoid fluctuations and shortages of labor.
- Continuing to maintain and promote the effectiveness of management system under ISO 9001 (2008) and ISO 14001.

## BASIC CONSTRUCTION INVESTMENT

- Implementing procedures for investment in full-steel radial tyre projects to increase capacity to 600 thousand units per year.
- Implementing the overall finished product warehouse expansion project in Binh Duong to meet the consumption demand.

- Tiếp tục thực hiện dự án mua đất phát triển Công ty tại Tân Uyên – Bình Dương.
- Đầu tư, tăng năng suất lao động cho các sản phẩm đã có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, xăm xe máy, lốp ô tô, xăm ô tô.
- Đưa vào khai thác hiệu quả Dự án “Cao ốc văn phòng” 180 Nguyễn Thị Minh Khai.
- Tiếp tục xem xét và cân nhắc về thời điểm thích hợp thực hiện dự án di dời các nhà máy trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh theo quy hoạch tổng thể của Công ty đến năm 2020.

### CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- Rà soát, quy hoạch lại các quy cách nhóm lốp xe máy không xăm (tubeless) theo hướng: Đồng bộ, tập trung vào các dòng xe phổ biến, nâng cấp chất lượng nhãn hiệu lốp Euromina.
- Chuẩn hóa nhóm lốp ô tô Bias đạt tiêu chuẩn tốc độ cao nhằm đáp ứng được tất cả các dòng lốp theo quy định của Nhà Nước và đơn giản hóa trong bố trí sản xuất. Đa dạng hóa các dòng lốp đối với nhóm TBR nhằm đáp ứng các cung đường theo đặc thù địa hình Việt Nam. Tập trung thiết kế đáp ứng yêu cầu của các đối tác lắp ráp xe đối với cả hai nhóm lốp PCR và TBR. Củng cố thị phần và chất lượng đối với nhóm lốp ô tô nông nghiệp nhằm mở rộng ứng dụng kịp thời đối với khu vực Tây Nguyên và Miền Trung.
- Đẩy nhanh tiến độ sản xuất thương mại đối với nhóm lốp PCR thương hiệu Advenza, tiêu chuẩn Châu Âu nhằm tận dụng cơ hội là Doanh nghiệp đầu tiên trong nước sản xuất với giá bán phù hợp với nhu cầu sử dụng xe hơi tăng cao trong các năm tới.
- Tiếp tục thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với mô hình hệ thống phân phối đã được triển khai đối với cả hai nhóm sản phẩm truyền thống và lốp ô tô.
- Đẩy nhanh tiến độ sản xuất dòng lốp xe tải nặng màn hình chéo không xăm cung cấp cho khách hàng xuất khẩu. Đây là cơ hội để Casumina duy trì ổn định sản xuất và tính hiệu quả đối với nhóm lốp tải nặng.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tập trung nhân lực để gia tăng thị phần đối với dòng sản phẩm lốp xe không xăm, đồng thời mở rộng tiêu thụ đối với các dòng lốp xe máy phục vụ riêng cho thị trường xuất khẩu.
- Củng cố và có chính sách đối với thị trường lắp ráp ô tô Việt Nam.

- Continuing to implement the land acquisition project for development in Tan Uyen - Binh Duong.
- Investing and increasing labor productivity for existing products. Continuing to invest in miscellaneous equipment to complete a number of stages in the production line of motorcycle tyres and tubes, automobile tyres and tubes.
- Effectively implementing “Office Building” Project at 180 Nguyen Thi Minh Khai.
- Continuing to review and consider the reasonable time for relocation of factories in Ho Chi Minh City according to the Company’s master plan by 2020.

### PRODUCT STRATEGIES

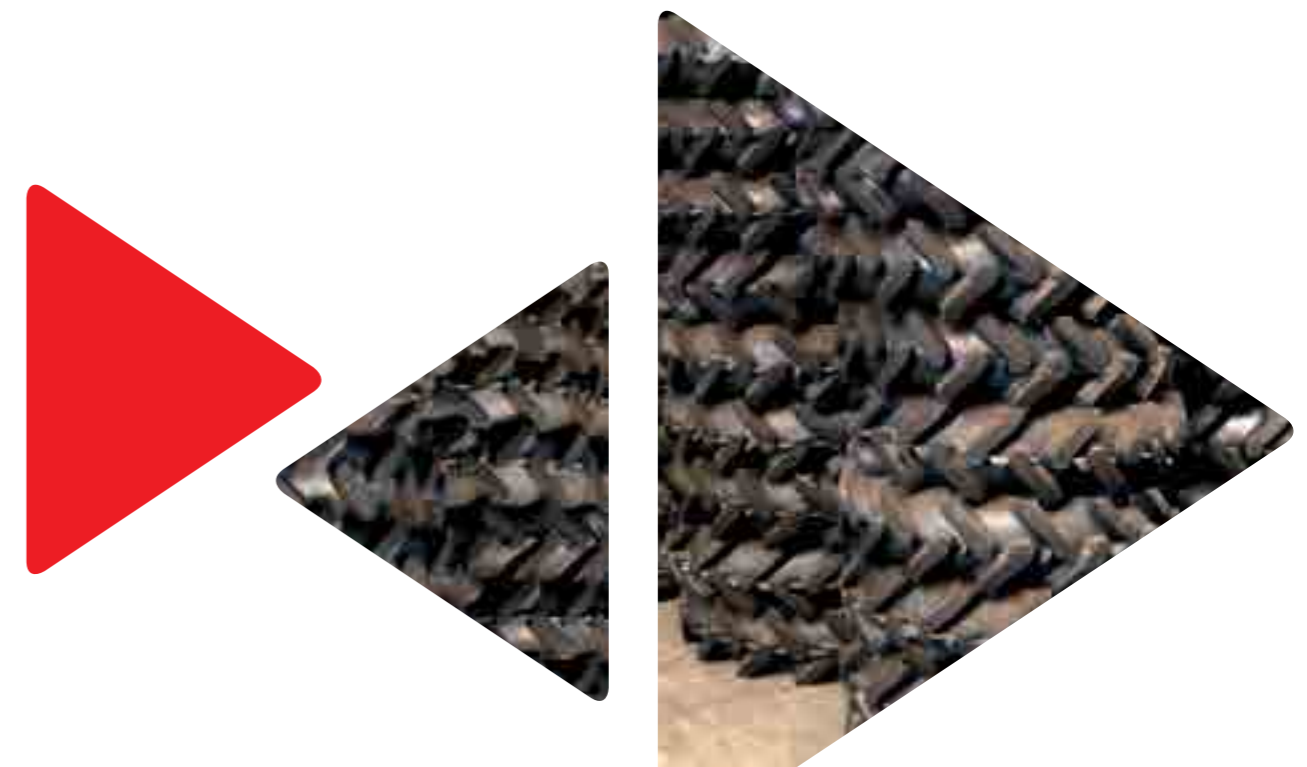
- Reviewing and re-planning the specifications of tubeless motorcycle tyre group in the direction of synchronization, focus on popular vehicles, upgrade of the quality of Euromina tyre.
- Standardizing the bias tyre group to meet high speed standards, satisfying all tyre lines in compliance with the State’s regulations and simplifying the production arrangement. Diversifying the tyre lines for the TBR group to meet the specific road conditions in Vietnam. Focusing on the design in response to the needs of vehicle assembly partners for both PCR and TBR tyres. Strengthening the market share and quality for the industrial automobile tyre group for timely supply to the Central Highlands and Central Region.
- Accelerating the commercial production of Advenza PCR tyre group under European standards to take advantage of the opportunity as being the first domestic company to produce at the reasonable price which is suitable with the demand of car use in the coming years.
- Continuing to implement a flexible sales policy in line with the distribution system model that has been implemented for both conventional products and automobile tyres.
- Speeding up the production schedule of bias and tubeless tyres of heavy-duty trucks for customers to export. This is an opportunity for Casumina to maintain production stability and efficiency for the heavy-duty truck tyre group.
- Continuing to enhance the promotional activities and mobilize human resources to increase the market share of tubeless tyre products while expanding the consumption of motorcycle tyres for export markets.
- Strengthening and adopting policies for the Vietnamese automobile assembly market.

### CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG

- Xây dựng và triển khai nghiên cứu thị trường để đánh giá “sức khỏe” Casumina giai đoạn 2015 - 2017. Từ đó tìm ra các chiến lược thích ứng nhằm tăng thị phần đối với nhóm sản phẩm truyền thống đang bị cạnh tranh gay gắt.
- Nghiên cứu thị trường chuyên sâu đối với nhóm lốp Radial, đặc biệt là nhóm lốp PCR, thiết lập một chương trình quảng bá dòng lốp này khi đã có sản phẩm thương mại (tháng 04/2018).
- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích thị trường theo từng vùng miền, từng nhóm sản phẩm chuyên biệt, để ra những chính sách phù hợp mang lại hiệu quả cao.
- Tăng cường quan hệ với các đối tác xuất khẩu hiện đang có nhu cầu nhập khẩu lốp Radial của Casumina thay thế cho Trung Quốc tại các quốc gia: Brasil, Ấn Độ.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp lốp ô tô, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Thực hiện chương trình Digital Marketing thông qua các hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: Mạng xã hội, internet, mobile... Xây dựng cộng đồng CSR (Corporation Social Responsibility) nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và truyền tải sứ mạng của Casumina “Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc, hiệu quả và thân thiện”. Tập trung truyền thông theo đặc tính của từng thương hiệu con. Tiếp tục củng cố và xây dựng hình ảnh chuyên gia ngành lốp.
- Tiếp cận, định hướng và khai thác tốt các công cụ bán hàng hiện đại thông qua các tiện ích do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại.

### MARKETING AND SALES

- Developing and conducting market research to assess the “health” of Casumina in the period 2015-2017, thereby finding out adaptation strategies to increase market share for traditional product group that is subject to a fierce competition.
- Conducting in-depth market research for the Radial tyre group, especially PCR tyre group, establishing a tyre promotion program when the products are commercially available (April, 2018).
- Continuing to study and analyze the market in each region and each specific product group and setting up suitable policies to bring about high efficiency.
- Enhancing relations with export partners who are currently in need of importing Casumina radial tyres in replace of Chinese tyres in Brazil, India.
- Continuing to complete the tyre sales professional system, enhancing customer care regimes.
- Continuing to maintain the brand identity system in a modern and synchronous manner. Focusing on the promotion of new products in a professional and modern manner. Implementing Digital Marketing program through the use of digital media such as social network, internet, mobile, etc. Building the Corporate Social Responsibility Community (CSR) to express the responsibility to the community and convey Casumina’s mission of “Contributing to the society the safety, happiness, efficiency and friendliness”. Focusing on communication based on the characteristics of each brand. Continuing to strengthen and build the image of the tyre industry.
- Approaching, directing and exploiting the modern tools of sales through the utilities provided by the Industrial Revolution 4.0.



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS

- **Dự án Tòa nhà văn phòng Công ty:** Đã hoàn tất xây dựng, sẽ sử dụng một phần và cho thuê lại một phần.
- **Dự án 504 Nguyễn Tất Thành:** Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi dự án sau khi nhận được sự chấp thuận của Thành phố và theo như nghị quyết đại hội cổ đông 2017 đã thông qua.
- **Dự án hợp tác 03 mặt bằng Xí nghiệp găng tay Việt Hưng, Xí nghiệp Bình Lợi và mặt bằng 146 Nguyễn Biểu Q5:** Đối tác là Công ty cổ phần TV-ĐT-XD Ba Đình xin tiếp tục tiến hành các thủ tục đầu tư theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên Kiểm toán nhà nước năm 2017 đã có kết luận và kiến nghị là dừng hợp đồng hợp tác này. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục với cổ đông 51% theo hướng thực hiện như kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.
- **Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 1 triệu lốp ô tô Radial toàn thép:** Đã hoàn thành dự án giai đoạn 1 với công suất 350.000 lốp/ năm, đã có quyết toán hoàn thành. Sau năm 2018, Công ty sẽ xem xét lập thủ tục đầu tư giai đoạn 2 khi nhà máy đạt công suất có hiệu quả.
- **Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 500.000 lốp ô tô Radial bán thép:** Đã hoàn thành dự án 500.000 lốp/ năm và chạy hết 100% công suất, đang tiến hành thủ tục quyết toán đầu tư. Ngoài ra công ty đã xin đầu tư chiều sâu nâng công suất lên 700.000 lốp và đã thực hiện xong, hiện nay đang làm thủ tục đầu tư nâng sản lượng lên 1 triệu lốp/ năm.
- **Dự án mua đất Bình Dương:** Casumina đã hoàn thành thủ tục mua đất 9 ha. Hiện nay đang cùng với đối tác làm việc với tỉnh Bình Dương xin quy hoạch sau đó tiến hành mua 7 ha còn lại.
- **Company Office Building project:** has been completed, a part is for use and a part is for lease.
- **504 Nguyen Tat Thanh project:** The company has completed the divestment of the project after obtaining approval from the City and in compliance with the resolution at the general meeting of shareholders in 2017.
- **The cooperation project of 03 premises:** Viet Hung Glove Factory, Binh Loi Factory and premise at 146 Nguyen Bieu District 5: The partner, BA DINH CIC JSC, applied for continuing to carry out the investment procedures under the signed contract. However, the State Audit of Vietnam in 2017 has concluded and recommended to stop this cooperation contract. The company will carry out procedures with its shareholders holding 51% of shares in the implementation direction as recommended by the State Audit of Vietnam.
- **The project of investment in a factory manufacturing 1 million full-steel radial tyres:** the first phase of the project has been completed with the capacity of 350,000 tyres per year, and has been finalized. After 2018, the Company will consider to make the investment procedures of the second phase when the plant reaches the effective capacity.
- **The project of investment in a factory manufacturing 500,000 semi-steel radial tyres:** the project has been completed and operated at full capacity of 500,000 tyres per year, the investment procedures are being finalized. In addition, the company has applied for intensive investment to increase the capacity to 700,000 tyres which has been completed, and now the investment procedures to increase volume to 1 million tyres per year are being completed.
- **Land purchase project in Binh Duong:** Casumina has completed procedures to purchase the land of 9 hectares. Currently it and its partner are working with Binh Duong province to apply for planning and then purchase the remaining 7 hectares.

#### TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL MANAGER



PHẠM HỒNG PHÚ





# 5.0

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS REPORT

---

**5.1** Tình hình chung

*General situation*

**5.2** Hoạt động của hội đồng quản trị 2017

*Operation of the Board of Directors in 2017*



# TÌNH HÌNH CHUNG

## GENERAL SITUATION

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 đạt 6,81%. Sau những khó khăn trong giai đoạn 2009 - 2012, nền kinh tế quốc gia cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 - 2017. Hệ số đầu tư tăng trưởng (ICOR) giảm từ 5.15 (năm 2016) xuống 4.93 cho thấy hiệu quả đầu tư đang dần cải thiện. Chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng, cho thấy Việt Nam đang dần thể hiện rõ nét của nền kinh tế hội nhập với sự tác động từ kinh tế khu vực và Thế giới.

Ngành công nghiệp ô tô trong nước cũng có những bước phát triển quan trọng và dần trở thành ngành then chốt đối với phát triển kinh tế Việt Nam. Qua số liệu tăng trưởng về số lượng xe lắp ráp tại Việt Nam (bao gồm cả xe máy và xe ô tô các loại nói chung) cho thấy nhu cầu sử dụng sản phẩm lốp xe tăng.

Tuy nhiên, năm 2017 là một năm không thuận lợi, nhiều thách thức đối ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe trong nước: Sự biến động khó dự báo của nguyên vật liệu đầu vào, sự khan hiếm các loại hóa chất phục vụ ngành sản xuất sản phẩm lốp do chính sách bảo vệ môi trường một cách nghiêm ngặt của các nước xuất khẩu và tràn ngập các thương hiệu sản phẩm lốp nhập khẩu từ các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... đã làm cho các doanh nghiệp nội địa chật vật trong chính sách tồn trữ và bán hàng.

Về cơ bản, chính sách giá bán linh hoạt trong năm 2017 đã giúp Casumina giữ vững thị phần, đạt mục tiêu tăng trưởng đối với nhóm lốp Radial toàn thép (TBR), thực hiện đúng tiến độ cam kết về cung cấp lốp Radial bán thép (PCR) cho đối tác, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong việc cân đối giữa giá đầu vào – đầu ra.

Sự đa dạng của dây sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm (đặc biệt là phân khúc giá rẻ) đã đẩy các doanh nghiệp (cả nội địa lẫn nước ngoài) vào cuộc chiến về giá bán. Điều này, dẫn đến hệ lụy là hiệu quả của toàn ngành sản phẩm lốp xe giảm đi rõ rệt. Thêm vào đó, chính sách về ngăn ngừa – chống thương mại gian lận đối với lốp nhập khẩu của Chính phủ Việt Nam chưa phát huy tác dụng đã làm cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp trong nước (trong đó có Casumina) đã tác động tiêu cực đến kết quả SXKD 2017.

Mức tiêu thụ tăng của nhóm lốp ô tô Bias cỡ nhỏ và nhóm lốp TBR ở cả khu vực nội địa – xuất khẩu là một động thái tích cực giúp Casumina đạt được mức tăng trưởng về doanh thu cao hơn năm 2016.

*The economic growth rate in Vietnam in 2017 reached 6.81%. After the difficulties in the period 2009-2012, the national economy showed a fairly stable growth rate, which was always higher than the average growth rate in the period 2011 - 2017. The Incremental Capital-Output Ratio (ICOR) from 5.15 (in 2016) to 4.93 shows that investment efficiency is gradually improving. Vietnam's competitiveness index is rising, showing that Vietnam is gradually showing its integration economy with the impact from the regional and world economy.*

*The domestic automobile industry has also experienced important development steps and has gradually become a key industry for the economic development of Vietnam. The data on growth in the number of vehicles assembled in Vietnam (including motorcycles and automobiles in general) shows the increasing demand for tubes and tyres.*

*However, 2017 was an unfavorable year with many challenges for the domestic tyre industry: the unpredictable volatility of input materials, the shortage of chemicals for the tyre production industry, causing by strict environmental protection policy of exporting countries and the abundance of tube and tyre brands from China, Thailand, Indonesia, etc. have made the domestic enterprises face difficulties in inventory policy and sales.*

*Basically, the flexible price policy in 2017 helped Casumina maintain its market share and achieve its growth targets for full-steel radial tyre group (TBR), and keep pace with the commitment to supply semi-steel radial tyres (PCR) for partners, also create competitive advantage over other enterprises in balancing input and output prices.*

*The diversity of the same product range between tyre and tube enterprise (especially low-cost segment) has pushed (both domestic and foreign) enterprises into a price warfare. This leads to a significant reduction in the efficiency of the whole tyre and tube industry. In addition, the policy on prevention and anti-fraudulent trading of imported tyres of Vietnam's Government has not shown effectiveness, resulting in negative impact on business performance in 2017 of domestic tyre manufacturers (including Casumina).*

*The increase in consumption rate of the small-size bias car tyre group and TBR tyre group in both domestic and export markets showed a positive move for Casumina to achieve higher sales growth in 2016.*

Casumina đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng BTP cho hai đối tác Kumho và Camso đã giúp giải quyết bài toán tăng trưởng doanh thu và cân đối khấu hao, lãi vay trong khi sản lượng tiêu thụ lốp Radial toàn thép chưa đạt công suất thiết kế.

Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sản phẩm lốp xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng... Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giảm thiểu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC...

Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả như sau: Doanh thu 3.517 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2017 và tăng 7% so với kế hoạch 2017 HĐQT đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế 69 tỷ. Thu nhập bình quân là 7,6 triệu đồng/người/tháng, bằng 88% so với cùng kỳ 2016). Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là một doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp hàng đầu trong nước và có uy tín tại khu vực Đông Nam Á.

*Casumina has been deeply involved in the BTP supply chain for two partners Kumho and Camso, helping to solve the problem of revenue growth and balance of depreciation and loan interest while the total consumption of full-steel radial tyres has not reached the designed capacity.*

*With the advantage of being the leading tyre and tube enterprise in Vietnam, in combination with its experiences in market analysis and forecast, Casumina's Board of Directors has set out the basic strategy, set out targets for each quarter together with the determination of the Board of General Directors in the process of operating business activities, worked out solutions to promote the Company's internal force such as: innovative designs of tread which are suitable with the tastes and topography of Vietnam, implementation of orders according to customized requirements of each export customer, completion of the professional sales system, use of the flexible sales and after-sales policy. At the same time, the management measures have been directed such as rationalizing production, increasing productivity of each production line, inventory management, implementation of savings, reduction of scraps and loss, application of management model in accordance with the strategic objectives of the company through BSC system, etc.*

*From the foregoing activities, the business and production activities of the Company have achieved the following results: revenue reached VND 3,517 billion, increasing by 7% over the same period in 2017 and 7% in comparison with the plan in 2017 set out by the Board of Directors. Pre-tax profit reached VND 69 billion. Average income was VND 7.6 million/person/month, equivalent to 88% over the same period in 2016). The company continues to affirm its position as a leading and prestigious tyre manufacturer in the country and Southeast Asia.*



# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017

## OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2017

### CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### MEETINGS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 13 cuộc họp. Cụ thể như sau: *The Board of Directors consisting of 05 members has held 13 meetings. In particular:*

STT No	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
1	17/2017/ CSM BBH/HĐQT	24/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD &amp; ĐTXD 4 tháng/2017. Dự kiến kế hoạch SXKD &amp; ĐTXD 2017, Các giải pháp thực hiện.</li> <li>Xây dựng kế hoạch SXKD &amp; ĐTXD 2018 (theo yêu cầu của Vinachem).</li> <li>Thông qua bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc Công ty.</li> <li>Thông qua nội dung liên quan đến dự án 180 Nguyễn Thị Minh Khai.</li> <li>Thông qua thời gian chi trả cổ tức (còn lại) năm 2016.</li> <li>Nội dung khác.</li> </ul>
2	17B/2017/ CSM BBH/HĐQT	19/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh.</li> <li>Đánh giá kết quả SXKD quý 2/2017.</li> <li>Báo cáo tình hình ĐTXD quý 3/2017 và dự kiến năm 2017.</li> <li>Báo cáo công tác ATVX cháy nổ, bảo vệ môi trường.</li> <li>Rà soát các nội dung sửa chữa lớn theo công văn 1150/HCVN-KT (26/06/2017) của Vinachem.</li> <li>Nội dung khác.</li> </ul>
3	18/2017/ CSM BBH/HĐQT	12/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại ngân hàng Shinhan Việt Nam.</li> <li>Đánh giá kết quả SXKD cả năm 2017. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018. Xem xét thông qua kế hoạch SXKD 2018.</li> <li>Đánh giá thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2017, KH Đầu tư xây dựng năm 2018.</li> <li>Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2017.</li> <li>Báo cáo tiến độ sửa đổi, xây dựng các quy chế quản trị của Công ty trong năm 2017 và kế hoạch năm 2018.</li> <li>Báo cáo thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2017, Kế hoạch năm 2018.</li> <li>Chuẩn bị các công việc để tổ chức ĐHCĐ năm 2018.</li> </ul>
4	19/2017/ CSM BBH/HĐQT	11/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại ngân hàng IndoVina – Chi nhánh Bến Thành.</li> <li>Đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch SXKD &amp; ĐTXD quý 3/2017 và năm 2017.</li> <li>Phân tích các chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư chiểu sâu lớp Bán thép công suất 1 triệu lốp/năm.</li> <li>Rà soát việc thực hiện các nội dung về thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn của Công ty năm 2017 đảm bảo thực sự hiệu quả và kiểm soát tốt các hạng mục.</li> <li>Đánh giá nguyên nhân và có giải pháp cụ thể để hoàn thành kế hoạch sản xuất và tiêu thụ lớp Radial và các sản phẩm khác..... năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018.</li> </ul>
5	20/2017/ CSM BBH/HĐQT	31/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại ngân hàng TMCP Phương Đông</li> <li>Assessing the business performance in the 2nd quarter of 2017</li> <li>Making the report on the construction and investment in the 3rd quarter of 2016 and expected situation in 2017.</li> <li>Making report on fire safety and environmental protection.</li> <li>Reviewing overhaul contents according to the official letter 1150/HCVN-KT (26/06/2017) of Vinachem.</li> <li>Other contents.</li> </ul>
6	21/2017/ CSM BBH/HĐQT	01/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân Đội</li> <li>Borrowing capital from Shinhan Bank Vietnam.</li> <li>Borrowing capital from IndoVina Bank - Ben Thanh Branch.</li> <li>Borrowing capital from Orient Commercial Joint Stock Bank</li> </ul>
7	22/2017/ CSM BBH/HĐQT	12/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh.</li> <li>Assessing the business performance in the 2nd quarter of 2017</li> <li>Making the report on the construction and investment in the 3rd quarter of 2016 and expected situation in 2017.</li> <li>Making report on fire safety and environmental protection.</li> <li>Reviewing overhaul contents according to the official letter 1150/HCVN-KT (26/06/2017) of Vinachem.</li> <li>Other contents.</li> </ul>

STT No	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
8	23/2017/ CSM BBH/HĐQT	22/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuê mua tài chính tại Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính NH TMCP Ngoại thương</li> <li>Financial leasing at Vietcombank Financial Leasing One Member Company Limited</li> </ul>
9	24/2017/ CSM BBH/HĐQT	20/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương- CN Đông SG</li> <li>Borrowing capital from Vietinbank – Dong Sai Gon Branch</li> </ul>
10	25/2017/ CSM BBH/HĐQT	25/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả SXKD Quý III – 2017 và 9 tháng đầu năm 2017.</li> <li>Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD quý IV- 2017. Trong đó nêu rõ các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng lớp Radial toàn thép (như thay đổi thiết kế SP &amp; thay đổi đơn pha chế, thay đổi nguyên vật liệu) &amp; giảm giá thành sản phẩm. Dự báo tình hình thị trường tiêu thụ đối với lớp Radial toàn thép trong thời gian tới.</li> <li>Báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính SXKD, ĐTXD năm 2017. Ban điều hành trình bày với HĐQT các phương án ĐTXD nhằm đáp ứng nâng công suất sản xuất 1 triệu lớp Radial bán thép cung cấp theo yêu cầu của Tireco năm 2018. Nâng cao chất lượng SP;</li> <li>Báo cáo thực hiện văn bản số 1760/HCVN-ĐTXD ngày 22/9/2017 của Tập đoàn V/v Kết luận Thanh tra công tác Quản lý dự án Đầu tư xây dựng.</li> <li>Báo cáo thực hiện dự thảo kết luận của Kiểm toán Nhà nước báo cáo tài chính 2016 của Công ty.</li> <li>Xem xét dự thảo sửa đổi quy chế Quản trị nội bộ &amp; Điều lệ mẫu Công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về Hướng dẫn quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng.</li> <li>Making report on business performance in the third quarter of 2017 and the first 9 months of 2017.</li> <li>Solutions for implementation the production and business plan for the fourth quarter of 2017, specifying technical solutions to improve the quality of full-steel radial tyres (such as changing the design of the products, mixture formulas, raw materials) &amp; reduce production cost. Forecasting the consumption market for full-steel radial tyres in the coming time.</li> <li>Making report on implementation of SXKD, ĐTXD năm 2017. Ban điều hành trình bày với HĐQT các phương án ĐTXD nhằm đáp ứng nâng công suất sản xuất 1 triệu lớp Radial bán thép cung cấp theo yêu cầu của Tireco năm 2018. Nâng cao chất lượng SP;</li> <li>Making report on the implementation of Document No. 1760/HCVN-ĐTXD dated September 22, 2017 of the Group on concluding the Inspection of Construction Investment Project Management.</li> <li>Making report on the implementation of the draft conclusions of the State Auditor's on the Company's financial statements 2016.</li> <li>Considering the draft amendment of the Company's Internal Regulations and the Standard Charter in accordance with Circular No. 95/2017/TT-BTC dated September 22, 2017 guiding implementation of Decree No. 71/2017/ND-CP dated June 06, 2017 on Corporate Governance Guidelines for Public Companies.</li> </ul>
11	26/2017/ CSM BBH/HĐQT	24/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá kết quả SXKD cả năm 2017. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018. Xem xét thông qua kế hoạch SXKD 2018.</li> <li>Đánh giá thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2017, KH Đầu tư xây dựng năm 2018.</li> <li>Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2017.</li> <li>Báo cáo tiến độ sửa đổi, xây dựng các quy chế quản trị của Công ty trong năm 2017 và kế hoạch năm 2018.</li> <li>Báo cáo thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2017, Kế hoạch năm 2018.</li> <li>Chuẩn bị các công việc để tổ chức ĐHCĐ năm 2018.</li> <li>Assessing of business performance in 2017. Solutions for performance of business and production tasks in 2018. Considering the approval for production and business plan in 2018.</li> <li>Evaluating the implementation of construction and investment in 2017, Investment Construction Plan in 2018.</li> <li>Making report to the Supervisory Board in 2017.</li> <li>Making report on the progress of amendment and development of the Company's governance regulations in 2017 and plan for 2018.</li> <li>Making report on the appointment, re-appointment in 2017, plan for 2018.</li> <li>Preparing for holding General Meeting of Shareholders in 2018.</li> </ul>
12	127/2017/ CSM BBH/HĐQT	24/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội</li> <li>Borrowing capital from Military Commercial Joint Stock Bank</li> </ul>
13	28/2017/ CSM BBH/HĐQT	20/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo tình hình SXKD các tháng đầu năm 2018 và KH SXKD quý II-2018.</li> <li>Thực hiện theo văn bản chỉ đạo số 324/HCVN-HDTV ngày 09/03/2018.</li> <li>Quyết toán Dự án lớp bán thép (500.000 lớp /năm).</li> <li>Thông qua Quy chế mua bán vật tư, nguyên vật liệu.</li> <li>Thông qua công tác quy hoạch cán bộ năm 2018.</li> <li>Rà soát các nội dung để tổ chức ĐHCĐ năm 2018.</li> <li>Nội dung khác liên quan.</li> <li>Report on business performance in the first quarter of 2018 and production and business plan in the second quarter of 2018.</li> <li>To comply with Guiding Document No. 324 / HCVN-HDTV dated March 9.</li> <li>Finalization of the project of Passenger Car Radial (500,000 tires / year).</li> <li>Approving of the Regulation on purchase and sale of materials and raw materials.</li> <li>Approving of staff planning in 2018.</li> <li>Review contents to hold the 2018 shareholder's meeting.</li> <li>Other relevant content.</li> </ul>

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS**

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 33 Nghị quyết và 9 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

*During the year, the Board of Directors issued 33 Resolutions and 9 Decisions with respect to production and business management, dividend payment, approval decision and other decisions. The Resolutions and Decisions of the Board of Directors have been agreed by the members and in compliance with the the Company's Charter.*

**VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC****SUPERVISION OF THE COMPANY'S BOARD OF DIRECTORS TO THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

*With the aim of boosting and improving the efficiency of production and business activities, the Board of Directors directs, supervises and supports the Board of General Directors in implementing solutions to reduce production costs, enhance the management, improve product quality, sales promotion, capital arrangement and deploy or divest in investment projects.*

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao.

*The review showed that the Board of General Directors has implemented the resolutions and conclusions of the Board of Directors with great effort.*

**BÁO CÁO CHI PHÍ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY****REPORT ON REMUNERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS AND AND SUPERVISORY BOARD**

<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <i>Chairman of the Board of Directors</i>	<b>72.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 72,000,000 per year</i>
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b> <i>Members of the Board of Directors</i>	<b>264.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 264,000,000 per year</i>
<b>Ban kiểm soát</b> <i>Members of the Supervisory Board</i>	<b>72.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 72,000,000 per year</i>
<b>Thư ký Hội đồng quản trị</b> <i>Secretary of the Board of Directors</i>	<b>54.000.000 đồng/năm</b> <i>VND 54,000,000 per year</i>

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 462 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

*The total remuneration paid in 2017: VND 462 million, equivalent to 100% of the approved rate at the general meeting of shareholders in 2017.*

Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với mức lương tương đương với kế toán trưởng (không có thù lao). Tổng lương là 439 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

*The full-time chief supervisor enjoys the equal salary to the chief accountant (no remuneration). Total salary was VND 439 million, equivalent to 100% of the approved rate for expenditures at the general meeting of shareholders in 2017.*

**PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018****THE OPERATION ORIENTATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2018**

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2020. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

*Based on the forecast of the world economy and Vietnam's economy and the Company's development plan by 2020, The Board of Directors has set out the production and business plan in 2018 and the management orientation including the main contents as follows:*

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2018**

Tổng doanh thu: 3.799 tỷ đồng, tăng 8% so với thực hiện năm 2017.

**PRODUCTION AND BUSINESS TARGETS IN 2018**

*Total revenue: VND 3.799 billion dong, increasing by 8% in comparison with 2017.*

Lợi nhuận trước thuế : 105 tỷ đồng, tăng 53% so với thực hiện năm 2017.

*Pretax profit: VND 105 billion, increasing by 53% in comparison with 2017.*

Chia cổ tức: Mức tối thiểu là 5%.

*Dividend payment: The minimum level is 5%*

**TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VÀ HỖ TRỢ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm lốp Radial toàn thép và nhóm lốp xe máy không săm (tubeless) tại thị trường nội địa.
- Thực hiện quảng bá và tiêu thụ đạt mục tiêu nhóm lốp Radial bán thép với thương hiệu Advenza tại thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Tìm mọi giải pháp duy trì thị phần các sản phẩm truyền thống của Casumina hiện đang đem lại hiệu quả cao nhằm cân đối khi nhóm lốp Radial chưa đạt điểm hòa vốn.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các đối tác tiềm năng như: Brasil, Ấn Độ... Tập trung toàn lực triển khai sản xuất đáp ứng nhu cầu lốp Radial bán thép với đối tác.
- Lập kế hoạch triển khai các loại hình kinh doanh bắt kịp xu hướng kỹ nguyên số nhằm tạo lợi thế và hiệu quả từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại.
- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết theo lộ trình thoái vốn từ cổ đông 51%.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

**DIRECTION AND SUPPORT TO THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

- Speeding up the consumption volume of sull-steel radial tyres and tubeless motorcycle tyres in the domestic market.
- Carrying out promotion and consumption to reach the target of Advenza semi-steel radial tyre group in domestic and export market.
- Working out all solutions to maintain the market share of Casumina's traditional products which are bringing high efficiency and balance when the radial tyre group has not reached break-even point.
- Expanding export market for potential partners such as Brasil, India, etc. Focusing full resources on production to meet the demand of semi-steel radial tyres of partners.
- Planning for the implementation of business models that keep pace with digital trends so as to create the advantage and efficiency of the industrial revolution 4.0.
- Implementing breakthrough solutions in savings and reduce costs to create production cost advantages.
- Implementing the Resolution of the General Meeting of Shareholders for investment projects on schedule, in accordance with the law and the Charter of the Company.
- Taking initiative in implementing the necessary procedures in line with the divestment plan from the shareholder holding 51%.
- Continuing to improve and strictly comply with the Company's Statutes and Regulations.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018.

*Above is the report summarizing the operations of the Board of Directors on executing the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2017 and the operation orientation in 2018.*

Kính trình Đại hội.

*Yours faithfully,*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Bắc**



# 6.0

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### BOARD OF SUPERVISORS REPORT

<p><b>6.1</b> Hoạt động của Ban kiểm soát 2017</p> <p><i>Operations of the Supervisory Board in 2017</i></p>	<p><b>6.2</b> Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát</p> <p><i>Inspection and supervision results of the Supervisory Board</i></p>	<p><b>6.3</b> Nhận xét và kiến nghị</p> <p><i>Comments and recommendations</i></p>	<p><b>6.4</b> Phương hướng hoạt động 2018 của BKS</p> <p><i>The operation orientation of the Supervisory Board in 2018</i></p>
--	--	--	--

# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2017

## OPERATIONS OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2017

Kính thưa : Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam được tổ chức ngày 19 tháng 04 năm 2018 với các nội dung sau:

- Năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính – kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, các cán bộ quản lý khác của công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc quản lý, thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2017 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành đã được thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2017;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017;
- Tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban kiểm soát để phát huy tối đa hiệu quả trong công tác kiểm soát tại Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước;
- Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra đột xuất - định kỳ về hoạt động sản xuất của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Trao đổi thảo luận với kiểm toán độc lập về nội dung và kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm ;
- Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

To: Shareholders,

In performing the tasks assigned by the General Committee of Shareholders and at the same time properly exercising the powers and duties of the Supervisory Board as stipulated in the company's Charter and Enterprise Law, The Supervisory Board would like to present the report to the Annual General Meeting of Shareholders in 2017 of The Southern Rubber Industry Joint Stock Company held on April 19, 2018 with the following contents:

- In 2017, the Supervisory Board has implemented and strictly monitored the situation of business operations, financial – accounting operations, ensuring the legitimacy of the operations of members of the Board of Directors, the Board of General Directors, other managers of the company, the coordination between the Supervisory Board and the Board of Directors, General Director and other duties in accordance with the law and the Company's Charter in order to protect the legal rights of the Company and its shareholders;
- Regularly inspecting and supervising the management and implementation of the business objectives of the Board of Directors (BOD) and Executive Board approved by the Resolution of the General Meeting of Shareholders on April 26, 2017;
- Fully participating in the meetings of BOD and meetings of leaders on business plans and making report on the implementation of plan in 2017;
- Organizing the assignment of specific tasks to each member of the Supervisory Board to maximize effectiveness in the supervision work at the Company;
- Examining the rationality, legality, truthfulness and consistency in the application of accounting policies, statistics and preparation of financial statements in accordance with the State's regulations;
- Controlling the development, adjustment and implementation of internal statutes and regulations of the Company;
- Extraordinary and periodic inspection of production activities of units under the Company;
- Consulting and discussing with independent auditors on contents and results of auditing annual financial statements;
- Controlling the disclosure of information, order and procedures for holding the annual general meeting of shareholders in accordance with the regulations of the Stock Exchange and other regulations of the State.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT 2017

## INSPECTION AND SUPERVISION RESULTS OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2017

### KIỂM SOÁT TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LÝ, TRUNG THỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ VÀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

#### CONTROL OF THE LEGALITY, RATIONALITY AND TRUTHFULNESS IN THE MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF BUSINESS ACTIVITIES IN THE ORGANIZATION OF ACCOUNTING, STATISTICS AND PREPARATION OF FINANCIAL STATEMENTS.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban TGD Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua 2017. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban TGD Công ty đã tuân thủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Ban kiểm soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.
- Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Ban kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính kế toán trong kỳ.

- The Supervisory Board has been provided with sufficient information on Resolutions, Decisions of the Board of Directors and the Board of General Directors, regularly exchanged with the Board of Directors and the Board of General Directors on the implementation of the business plan and the Resolutions passed by the General Committee of Shareholders in 2017. On that basis, the Supervisory Board assessed the business operating management of the Board of Directors and the Board of General Directors of the Company in compliance with the legal regulations in relation to business operations as well as in accordance with the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2017. The Supervisory Board has not detected any violations law of the Board of Directors and the Board of General Directors.

- The accounting work has complied with the relevant regulations, ensuring the principles of honesty, prudence, and financial statements have been prepared on the basis of full compliance with the current regulations. The Supervisory Board has not detected any violations in the financial and accounting work in the period.

### THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 2017

#### APPRAISAL OF FINANCIAL STATEMENTS AND FINANCIAL ACTIVITIES IN 2017

- Thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.
- Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2017 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

- Strictly complying with the regulations on preparation of financial statements and disclose information annually and quarterly according to the regulations of the Stock Exchange and the regulations of the State.

- The financial statements give true and fair view, in all material respects, on the financial position of the Company as of December 31, 2017, the income statement and cash flow statement for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Corporate Accounting Regimes and in compliance with legal regulations on preparation and presentation of financial statements.

- The Supervisory Board agreed on audited data on Financial Statements in 2017 of the Executive Committee.

## KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017

### CONTROL OF THE EXECUTION OF RESOLUTIONS OF THE GENERAL COMMITTEE OF SHAREHOLDERS IN 2017

Trong năm 2017, HĐQT và Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua vào tháng 4/2017:

- Phân phối lợi nhuận 2016: Đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, hoàn thành chi trả 13% cổ tức đợt 2 năm 2016.

In 2017, the Board of Directors and the Executive Committee have fully implemented the plans approved by the General Committee of Shareholders in April, 2017:

- Distribution of profit in 2016: Allocation of funds including Development Investment Fund, Bonus Fund, Welfare Fund, Bonus Fund of the Executive Committee has been completed, payment of 13% of dividend in the 2<sup>nd</sup> phase in 2016.

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

## PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

Chỉ tiêu Item	Kế hoạch 2017 Plan in 2017	Thực hiện 2017 Achieved in 2017	Kết quả thực hiện/ kế hoạch Result / plan
<b>Doanh thu bán hàng</b> Sales revenue	<b>3.304 tỷ</b> 3,304 billion	<b>3.517 tỷ</b> 3,517 billion	<b>106%</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b> Net profit	<b>340 tỷ</b> 340 billion	<b>68,75 tỷ</b> 68.75 billion	<b>20%</b>

Doanh thu bán hàng 2017 Công ty thực hiện vượt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 (đạt 106%/KH)

Lợi nhuận thực hiện chỉ đạt 20%/KH.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Chọn Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo sự uỷ quyền của ĐHĐCĐ 2017.

Sales revenue in 2017: The Company surpassed the plan under Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2017 (106% in comparison with the plan)

The realized profit was only 20% in comparison with the plan.

- Remuneration of Board of Directors and Supervisory Board: in compliance with the Resolution of Annual General Meeting of Shareholders in 2017.
- Selection of an Independent Auditing Company: Southern Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS) under authorization at the General Meeting of Shareholders in 2017.

## Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

### OPINIONS OF SHAREHOLDERS

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

At the time of closing the list of shareholders to exercise the right to attend the General Meeting, the Supervisory Board has not received comments and complaints of shareholders about the mistakes of the BOD, Board of General Directors, the Supervisory Board in the course of performing the assigned tasks.

## NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

### COMMENTS AND RECOMMENDATIONS

#### NHẬN XÉT COMMENTS

Năm 2017 là một năm đầy khó khăn đối với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam: Chịu nhiều sự biến động của nguyên vật liệu đầu vào, sự thay đổi nguồn lao động trực tiếp, hoạt động sản xuất kinh doanh của lớp toàn thép chưa hiệu quả, sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ cùng ngành, đã làm cho kết quả cuối cùng của Công ty chưa hoàn thành kế hoạch của NQ ĐHĐCĐ 2017.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường hay sai phạm nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC 2017 của Công ty là phù hợp với Chế độ kế toán ban hành của Bộ Tài Chính, các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

2017 was a difficult year for the Southern Rubber Industry Joint Stock Company. As a result of many fluctuations in input materials, the change in direct labor source, ineffective production and business of full-steel tyres, the fierce competition among the peers in the same industry, the Company has not completed the plan under the Resolution at the General Meeting of Shareholder in 2017.

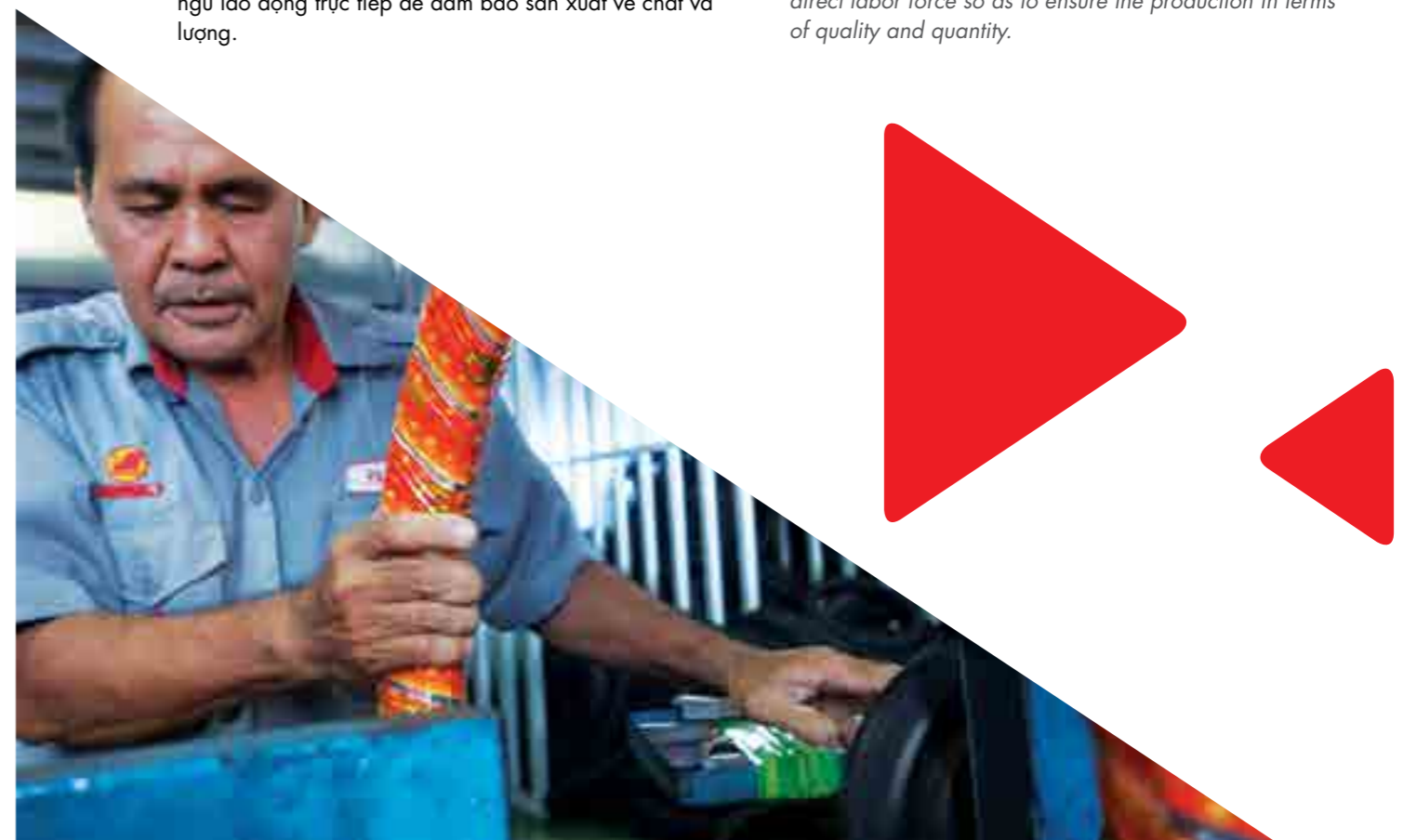
In 2017, the Supervisory Board did not find any abnormalities or violations in the business operation of the Company. All activities complied with Enterprise Law, Law on Securities, the Company's Charter and other provisions of law.

The accounting system, applicable accounting policies and presentation of the Company's financial statements in 2017 are in conformity with the Ministry of Finance's accounting regulations, accounting policies and methods consistently adopted by the Company.

#### KIẾN NGHỊ RECOMMENDATIONS

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí trong sản xuất và quản lý.
- Tiếp tục giám sát chặt chẽ công nợ phải thu khách hàng.
- Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm ổn định đội ngũ lao động trực tiếp để đảm bảo sản xuất về chất và lượng.

- Continue to control costs in production and management strictly.
- Continue to closely monitor account receivables.
- Strengthen the implementation of measures to stabilize the direct labor force so as to ensure the production in terms of quality and quantity.



# PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

## THE OPERATION ORIENTATION OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2018

Nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát trong năm 2017 tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau :

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc;
- Thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 phê duyệt;
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty; kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với phương hướng phát triển Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành Công ty, đảm bảo sự tuân thủ của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty đối với các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý ... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông 4 Công ty Kiểm toán sau:

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Trên đây là báo cáo năm 2017 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY  
TRƯỞNG BAN**

**ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**

The mission of the Supervisory Board in 2018 is to focus on the following key tasks:

- Examining and supervising the execution of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2018, Resolutions of the Board of Directors and the Board of General Directors;
- Supervising the management and operation of the company by the Board of Directors and the Board of General Directors;
- Carrying out the appraisal of financial statements, income statements of the Company;
- Inspecting and monitoring the execution of the business plan in 2018 approved at the Annual General Meeting of Shareholders in 2018;
- Attending and discussing at the meetings of the Board of Directors and other meetings of the company; proposing measures to amend, supplement, improve the organizational structure, supervision and management of business activities of the Company in accordance with the development direction of the Company, the Charter of the Company and regulations of law.
- Coordinating with the Board of Directors and the Board of General Directors in the Company's management and administration, ensuring the compliance of the Company's Board of Directors and the Board of General Directors with regard to Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders.
- In order to help the Board of Directors actively select independent auditing company with professional standards and reasonable expenses ... the Supervisory Board shall, after reaching agreement with the Board of Management, propose the Shareholders' meeting to authorize the Board of Management to make selection based on the capacity, qualifications and auditors team of the independent auditing companies which meet the auditing standards of the listed companies and the approved by State Securities Commission. The Supervisory Board want to submit to the Shareholders' meeting 4 auditing companies as follows:
  - Southern Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASCS)
  - Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASC)
  - Vietnam Auditing and Accounting Consultant Services Company Limited (AVA)
  - Auditing and Consultant Company Limited (A&C)

Above is the report in 2017 of the Supervisory Board to submit to the Annual General Meeting of Shareholders in 2018.

Yours faithfully,





# BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT

# 7.0

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

**7.1** Tình hình tiêu thụ Năng lượng

**7.2**

*Material source management Policy*

*Energy consumption situation*

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

**7.3** Hướng đến cộng đồng

**7.4**

*Compliance with environmental regulations*

*Contribution to the community*



## TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

### ENERGY CONSUMPTION SITUATION

- Casumina sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu là điện và hơi bão hòa (cung cấp từ lò hơi sử dụng nhiên liệu là mùn cưa).
- Sản lượng điện sử dụng toàn công ty gần 50.000 kwh, giảm 5% so với năm 2016 (trong khi sản lượng sản xuất tăng). Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như: sử dụng các thiết bị điện tiên tiến, phân vùng nguồn điện cho từng khu vực sản xuất nhỏ, giảm thiểu thời gian ngừng máy hoặc chạy không tải...
- Việc chuyển đổi từ sử dụng dầu đốt FO sang sử dụng nguyên liệu đốt mùn cưa đối với hệ thống động lực cung cấp hơi bão hòa đã giúp công ty giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Casumina uses two main sources of energy: electric and saturated steam (supplied from boilers using sawdust).
- Total power consumption of the company is nearly 50,000 kwh, declining by 5% in comparison with 2016 (while production output increased). The company has implemented a number of power saving solutions such as using advanced electrical equipment, zoning power distribution area into small production areas, minimizing downtime or no-load operation, etc.
- The transition from using FO oil to sawdust to dynamic systems with saturated steam has helped the Company reduce production costs and minimize environmental impacts.

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

### MATERIAL SOURCE MANAGEMENT POLICY

- Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe, Casumina sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là cao su các loại, than đen, vải mảnh và một số hóa chất khác. Điều này đòi hỏi Casumina phải thiết kế và có chính sách nghiêm ngặt về bảo quản, tồn trữ nguyên liệu thông qua hệ thống kho tàng và quy trình kiểm soát chặt chẽ (ISO 9001 – 2008 và ISO 14001- 2004).
- Casumina đã thiết lập hệ thống an toàn – phòng chống cháy nổ với đội ngũ được huấn luyện thường xuyên. Công ty duy trì mạng lưới an toàn vệ sinh, kịp thời phát hiện và có biện pháp ứng phó đối với những thiết bị không đảm bảo an toàn trước khi vận hành.

- With specific nature of a tyre and tube manufacturer, Casumina mainly uses raw materials including rubber of all kinds, black coal, fabric blinds and some other chemicals. This requires Casumina to design and strictly implement policies on storage and inventory of raw materials under a strict inventory control procedure (ISO 9001 - 2008 and ISO 14001 - 2004).
- Casumina has established a fire prevention and safety system with regularly trained staff. The company maintains a safety and hygiene network for timely detection and responsive measures for unsafe devices before operating.



## TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

### COMPLIANCE WITH ENVIRONMENTAL REGULATIONS

- Casumina luôn tuân theo các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.
- Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.
- Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển và xử lý theo qui định của pháp luật.
- Các nguyên liệu đặt thù ngành cao su có thể tận dụng: Vải màn cán tráng, Cao su phế liệu được Công ty gom, tập trung tại Xí nghiệp cao su Bình Dương, xay nghiền nhỏ làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như: lốp xe công nghiệp, lốp xe nông, khe co giãn, đệm cầu cảng...
- Ngoài ra, Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).
- Casumina complies at all times with the laws of the state of Vietnam on environment.
- Through regular inspections by the competent authorities on environmental management, the effluent and gas emission indicators of the member Factories are at an acceptable level.
- For domestic, industrial and hazardous wastes classified at the sources, the Company signs contracts with functional units for collection, transport and disposal under provisions of law.
- Specific raw materials can be utilized in the rubber industry: Rolled and coated blind fabrics, rubber waste collected by the Company, gathered in Binh Duong Rubber Factory to be ground and milled for making raw materials to produce such products as industrial tyres, forklift tyres, expansion joints, pier buffer, etc.
- In addition, Casumina is an active member of the Vietnam Responsible Care Council (VRCC) of Chemicals Enterprises.

## HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

### CONTRIBUTION TO THE COMMUNITY

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây là một nội dung quan trọng đang được triển khai thực hiện tốt tại Casumina.
- Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc hiệu quả và thân thiện. Casumina đang ngày một hoàn thiện hơn trước mục tiêu phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.
- Hoạt động công tác xã hội hướng đến cộng đồng trong năm 2017 của casumina bao gồm: Tham gia phong trào đi xe đạp vì môi trường, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, tham gia cuộc vận động của hội chữ thập đỏ, hỗ trợ các gia đình trong đợt lũ lụt vừa qua....
- Business activities and social activities are two indispensable types of activities in the sustainable development of an enterprise. By complying with legal norms, protecting the environment, ensuring the interests of the employees and developing the community, this is an important content which has been well implemented in Casumina.
- With a mission to bring the safety, happiness, efficiency and friendliness to the society, Casumina has been completing the sustainable development goals of the company and the community.
- Community-oriented social activities of Casumina in 2017 include: Participating in cycling for the environment program, caring for families under policy, supporting centers for the elderly and disabled children, participating in the campaigns of the Red Cross, supporting families in the flood, etc.





8.0

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017

FINANCIAL STATEMENTS 2016

---

**7.1** Báo cáo của  
Ban Tổng  
Giám Đốc

*Report of  
the Board of  
Management*

**7.2** Báo cáo của  
kiểm toán

*Independent  
Auditor's  
Report*

**7.3** Báo cáo  
tài chính đã  
được kiểm toán

*Audited Financial  
Statement*



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## FINANCIAL STATEMENTS

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### REPORT OF BOARD OF MANAGEMENT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

The Board of Management of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company ("the Company") is pleased to present its report and the financial statements of the Company for the year ended 31 December 2016.

#### REPORTING ENTITY

**Ownership structure:** The Southern Rubber Industry Joint Stock Company originated from The Southern Rubber Industry Company pursuant to Decision 3240/QĐ-BCN issued by the Ministry of Industry on 10 October 2005 with Business Registration Certificate No. 0300419930 first issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 01 March 2006 and subsequently received the 12th amended Business Registration Certificate on 25 August 2016.

Charter capital in accordance with the Business Registration Certificate is 1,036,264,670,000 VND.

Charter capital as of 31 December 2016 is 1,036,264,670,000 VND, equivalent to 103,626,467 shares (par value 10,000 VND/share). Of which:

- Held by the State: 52.855.849 shares, accounting for 51% of charter capital.
- Held by others: 50.770.618 shares, accounting for 49% of charter capital.

The Company is headquartered at 180 Nguyen Thi Minh Khai, District 3, Ho Chi Minh City.

**Business fields:** Manufacturing, trading, service

#### Business lines:

- Producing and trading industrial and commercial rubber products.
- Trading raw materials, chemical substances (excluding hazardous chemical substances) and equipment used in the rubber industry.
- Real estate.

#### Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương
- Xí nghiệp Lốp Radian

#### Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và Tên Name	Vị trí Position	Bổ nhiệm Appointed	Từ nhiệm Resigned
Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: Member of the Board of Directors are as follows:			
• Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch / Chairman	4/26/2016	
• Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên / Member		
• Ông Trần Văn Trí	Thành viên / Member		4/26/2016
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên / Member		
• Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên / Member		
• Ông Phạm Văn Thọ	Thành viên / Member		
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm: Members of the Board of Management are as follows:			
• Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành / General Director		
• Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng / Deputy General Director cum. Chief Accountant		
Các thành viên Ban Kiểm soát Members of the Board of Supervisors are as follows:			
• Bà Lê Thị Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Supervisory Board		4/26/2016
• Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Supervisory Board	4/26/2016	
• Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên BKS / Member		
• Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS / Member		

#### Organization structure

List of members:

- Dong Nai Rubber Plant
- Hoc Mon Rubber Plant
- Binh Loi Rubber Plant
- Binh Duong Rubber Plant
- Radial Tire Plant

#### Operating results:

The operating results of the Company as at 31 December 2016 are conveyed in the accompanying financial

#### POST BALANCE SHEET EVENTS:

There are no significant post balance sheet events that need to be adjusted or disclosed in the financial statements.

#### BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF DIRECTORS:

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đưa tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

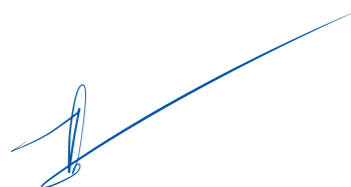
Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

**TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017**

Ho Chi Minh City, 20 January 2017

**Thay mặt HĐQT**

On behalf of the BOD



**Chủ tịch**  
Chairman

**Nguyễn Xuân Bắc**

**AUDITOR**

The auditor of the Company is AASC.

**STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS**

The Board of Management is responsible for the financial statements which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016 and of the results of operations and cash flows for the year then ended. In preparing these financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- Confirm that applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements, and
- Prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are maintained, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and ensures these financial statements are prepared in compliance with relevant statutory requirements applicable. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016, and of the results of operations and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and relevant statutory requirements.

**APPROVAL OF THE FINANCIAL STATEMENTS:**

The Board of Directors of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company hereby approve the financial statements for the year 31 December 2016.

**Thay mặt Ban TGD**

On behalf of the BOM



**Giám Đốc**  
Director

**Phạm Hồng Phú**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

Kính gửi:

Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 từ trang 04 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

To:

The Shareholders of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

the Board of Directors of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

the Board of Management of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company ("the Company"), which comprises of the balance sheet as at 31 December 2016, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorized for issue by the Company's Board of Directors on 20 January 2016.

**MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY**

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

**AUDITOR'S RESPONSIBILITY**

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

LÊ KIM NGỌC

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2013-142-1

Kiểm toán viên

TẠ QUANG TẠO

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0055-2013-142-1

**AUDITOR'S OPINION**

*In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company as at 31 December 2016 and of their results of operations and their cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.*

*Southern Auditing And Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS)*

LE KIM NGOC

Deputy General Director

Practicing Auditor Registration Certificate No. 0181- 2013-142-1

Auditor

TA QUANG TAO

Practicing Auditor Registration Certificate No. 0055- 2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
BALANCE SHEET

	Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2017	Số đầu năm 1/1/2017
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN SHORT TERM ASSETS	100		2.229.783.922.908	1.666.092.013.477
I	Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110	1	33.449.256.058	30.960.218.219
1	Tiền Cash	111		33.449.256.058	30.960.218.219
2	Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112		-	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments	120		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) Allowance for decline in value of trading securities (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn Accounts receivable - short-term	130		804.457.074.265	629.611.834.878
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	131	2	670.641.445.912	560.230.709.401
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn Prepayments to suppliers	132	3	101.636.697.438	45.651.091.953
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn Intra-company receivables	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Receivables on construction contracts	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn Short-term loans receivable	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác Other receivables	136	4	40.467.384.826	30.899.004.796
7	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful debts (*)	137	5	(8.288.453.911)	(7.168.971.272)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV	Hàng tồn kho Inventories	140		1.328.300.900.470	982.372.106.419
1	Hàng tồn kho Inventories	141	6	1.328.300.900.470	982.372.106.419
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) Allowance for inventories (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		63.576.692.115	23.147.853.961
1	Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	7	3.684.499.842	1.507.872.127
2	Thuế GTGT được khấu trừ Deductible value added tax	152	8	59.892.192.273	21.415.786.984
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước Taxes and other receivables from State	153		-	224.194.850
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under purchase and resale agreements	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	155		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2017	Số đầu năm 1/1/2017
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>LONG-TERM ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>1.789.426.442.511</b>	<b>1.709.361.471.094</b>
I Các khoản phải thu dài hạn <i>Accounts receivable – long-term</i>	210		6.709.991.230	2.402.502.000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng <i>Accounts receivable from customers</i>	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn <i>Prepayments to suppliers</i>	212			
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc <i>Working capital provided to sub-units</i>	213			-
4 Phải thu nội bộ dài hạn <i>Intra-company receivables</i>	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn <i>Long-term loans receivable</i>	215			
6 Phải thu dài hạn khác <i>Other long-term receivables</i>	216	9	6.709.991.230	2.402.502.000
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) <i>Allowance for doubtful long-term debts (*)</i>	219		-	-
II Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	220		1.617.552.978.572	1.507.242.201.993
1 Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible fixed assets</i>	221	10	1.440.583.461.102	1.389.084.755.033
• Nguyên giá • <i>Cost</i>	222		2.653.803.098.523	2.458.563.859.985
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	223		(1.213.219.637.421)	(1.069.479.104.952)
2 Tài sản cố định thuê tài chính <i>Finance lease fixed assets</i>	224	11	81.233.699.512	20.188.680.596
• Nguyên giá • <i>Cost</i>	225		89.879.990.807	23.091.114.059
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	226		(8.646.291.295)	(2.902.433.463)
3 Tài sản cố định vô hình <i>Intangible fixed assets</i>	227	12	95.735.817.958	97.968.766.364
• Nguyên giá • <i>Cost</i>	228		112.554.689.716	112.554.689.716
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	229		(16.818.871.758)	(14.585.923.352)
III Bất động sản đầu tư <i>Investment properties</i>	230		-	-
• Nguyên giá • <i>Cost</i>	231		-	-
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term work in progress</i>	240		120.051.786.393	172.614.355.035
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn <i>Long-term work in progress</i>	241			
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang <i>Long-term construction in progress</i>	242	13	120.051.786.393	172.614.355.035
V Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	250	14	6.901.758.791	6.901.758.791
1 Đầu tư vào công ty con <i>Investments in subsidiaries</i>	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết <i>Investments in associates, joint-ventures</i>	252		9.650.345.815	9.650.345.815
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Equity investments in other entities</i>	253		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2017	Số đầu năm 1/1/2017
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) <i>Allowance for decline in value of long-term financial investments (*)</i>	254		(2.748.587.024)	(2.748.587.024)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn <i>Held-to-maturity investments</i>	255			
VI Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	260		38.209.927.525	20.200.653.275
1 Chi phí trả trước dài hạn <i>Long-term prepaid expenses</i>	261	15	38.167.668.597	20.200.653.275
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại <i>Deferred tax assets</i>	262	16	42.258.928	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn <i>Long-term tools, supplies and spare parts</i>	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b> <b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.019.210.365.419</b>	<b>3.375.453.484.571</b>
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b> <b>LIABILITIES (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.783.550.348.208</b>	<b>2.041.619.065.879</b>
I Nợ ngắn hạn <i>Short-term liabilities</i>	310		2.140.506.466.170	1.296.476.223.917
1 Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term accounts payable to suppliers</i>	311	17	322.630.727.144	167.831.995.968
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	312	18	7.530.706.628	6.978.897.317
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>Taxes payable to State Treasury</i>	313	19	3.091.272.802	24.249.535.051
4 Phải trả người lao động <i>Payable to employees</i>	314	20	49.780.337.606	72.919.981.835
5 Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	315	21	69.773.748.357	56.367.500.790
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn <i>Short-term intra-company payables</i>	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng <i>Payables on construction contracts according to stages of completion</i>	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn <i>Short-term unearned revenue</i>	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	319	22	47.443.474.615	44.642.165.083
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Short-term borrowings and finance lease liabilities</i>	320	23	1.621.157.275.710	885.503.185.035
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn <i>Short-term provisions</i>	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>Bonus and welfare funds</i>	322	24	19.098.923.308	37.982.962.838
13 Quỹ bình ổn giá <i>Price stabilization fund</i>	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ <i>Government bonds under sale and repurchase agreements</i>	324		-	-

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2017	Số đầu năm 1/1/2017
II Nợ dài hạn Long-term liabilities	330		643.043.882.038	745.142.841.962
1 Phải trả người bán dài hạn Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn Long-term advances from customers	322		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn Long-term accrued expenses	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Intra-company payables for operating capital received	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn Long-term intra-company payables	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	25	12.200.000.000	14.500.000.000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	26	630.843.882.038	730.160.429.250
9 Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi Preference shares	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Deferred tax liabilities	341		-	482.412.712
12 Dự phòng phải trả dài hạn Long-term provisions	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Science and technology development fund	343		-	-

D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) EQUITY (400 = 410 + 430)	400		1.235.660.017.211	1.333.834.418.692
I Vốn chủ sở hữu Owners' Equity	410	27	1.235.660.017.211	1.333.834.418.692
1 Vốn góp của chủ sở hữu Share capital	411		1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết • Ordinary shares with voting rights	411a		1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
• Cổ phiếu ưu đãi • Preference shares	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần Capital surplus	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Options to convert bonds into shares	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu Other capital	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ (*) Treasury shares (*)	415		(12.050.000)	(12.050.000)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản Differences upon asset revaluation	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái Foreign exchange differences	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển Investment and development fund	418		130.362.104.724	104.272.591.724

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2017	Số đầu năm 1/1/2017
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise reorganization assistance fund	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other equity funds	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained profits	421		69.045.292.487	193.309.206.968
• LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước • Retained profits brought forward	421a		14.044.253.368	36.039.332.963
• LNST chưa phân phối kỳ này • Retained profit for the current year	421b		55.001.039.119	157.269.874.005
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB Capital expenditure fund	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác Non-business expenditure fund and other funds	430		-	-
1 Nguồn kinh phí Non-business expenditure fund	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.019.210.365.419</b>	<b>3.375.453.484.571</b>

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018  
Ho Chi Minh City, 20 January 2018

Người lập biểu  
Issued by

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

Tổng Giám Đốc  
General Director

**Nguyễn Thế Vinh**

**Nguyễn Minh Thiện**

**Phạm Hồng Phú**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

## STATEMENT OF INCOME

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2017 Year 2017	Năm 2016 Year 2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales of goods and provision of services	01	1	3.645.050.345.829	3.324.238.833.893
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	2	127.632.612.713	37.473.027.749
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) Net revenue from sales of goods and provisions of services (10 = 01 - 02)	10		3.517.417.733.116	3.286.765.806.144
4 Giá vốn hàng bán Cost of sales	11	3	3.084.327.407.357	2.606.279.720.043
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11) Gross profit from sale of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		433.090.325.759	680.486.086.101
9 Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	4	16.653.744.629	13.906.381.145
7 Chi phí tài chính Financial expenses	22	5	108.510.238.614	86.561.438.778
• Trong đó: chi phí lãi vay • In which: Interest expense	23		93.837.510.967	60.039.651.095
8 Chi phí bán hàng Selling expenses	25	6	149.074.662.387	150.189.656.317
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administration expenses	26	7	134.690.093.150	123.155.138.721
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26)) Net operating profit (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		57.469.076.237	334.486.233.430
11 Thu nhập khác Other income	31	8	12.342.470.466	8.400.515.548
12 Chi phí khác Other expenses	32	9	1.060.247.804	11.437.958.670
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		11.282.222.662	(3.037.443.122)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40) Accounting profit before tax (50= 30+40)	50		68.751.298.899	331.448.790.308
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành Income tax expense - current	51	10	14.274.931.420	70.038.656.548
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại Income tax (benefit)/expense - deferred	52	11	(524.671.640)	514.997.755
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52) Net profit after tax (60= 50-51-52)	60		55.001.039.119	260.895.136.005
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share	70	12	533	2.993
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu Diluted earnings per share	71		-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018  
Ho Chi Minh City, 20 January 2018Người lập biểu  
Issued byKế toán trưởng  
Chief AccountantTổng Giám Đốc  
General Director


Nguyễn Thế Vinh



Nguyễn Minh Thiện

Phạm Hồng Phú

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

## STATEMENT OF CASHFLOWS (INDIRECT METHOD)

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2017 Year 2017	Năm 2016 Year 2016
1	2	3	4	5
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1 Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	1		68.751.298.899	331.448.790.308
2 Điều chỉnh cho các khoản Adjustments for				
• Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT • Depreciation and amortisation	2		172.273.655.710	177.734.682.703
• Các khoản dự phòng • Allowances and provisions	3		1.119.482.639	(4.231.172.065)
• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ • Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	4		(807.858.484)	11.216.040.644
• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư • Losses/(gains) from other investing activities	5		(26.065.002.352)	(19.894.833.132)
• Chi phí lãi vay • Interest expense	6		107.515.989.909	60.039.651.095
• Các khoản điều chỉnh khác • Other adjustments	7		-	(51.131.000.000)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động Operating profit before changes in working capital	8		322.787.566.321	505.182.159.553
• Tăng, giảm các khoản phải thu • Change in receivables	9		(219.282.631.457)	(95.237.095.565)
• Tăng, giảm hàng tồn kho • Change in inventories	10		(345.928.794.051)	(106.662.889.776)
• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) • Change in payables and other liabilities	11		138.943.191.911	47.809.647.265
• Tăng, giảm chi phí trả trước • Change in prepaid expenses	12		(20.143.643.037)	(9.387.528.528)
• Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh • Change in trading securities	13		-	-
• Tiền lãi vay đã trả • Interest paid	14		(101.648.724.418)	(52.981.091.212)
• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp • Income tax paid	15		(33.638.544.757)	(81.437.258.083)
• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh • Other receipts for operating activities	16		11.606.440.161	8.400.515.548
• Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh • Other payments for operating activities	17		(37.346.639.530)	(319.762.328.713)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh Net cash flows from operating activities	20		(284.651.778.857)	(104.075.869.511)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Payments for additions to fixed assets	21		(230.021.863.647)	(277.562.815.164)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Collections on disposals of fixed assets	22		736.030.305	(5.456.268.948)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Payments for purchase of debt instruments of other entities	23		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2017 Year 2017	Năm 2016 Year 2016
1	2		4	5
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác <i>Proceeds from sales of debt instruments of other entities</i>	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Payments for investments in other entities</i>	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Collections on investments in other</i>	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia <i>Receipts of interest and dividends</i>	27		13.722.531.886	11.494.317.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư <i>Net cash flows from investing activities</i>	30		(215.563.301.456)	(271.524.766.528)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu <i>Proceeds from capital contribution</i>	31		-	296.059.710.000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành <i>Payments for shares repurchases</i>	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay <i>Proceeds from borrowings</i>	33		3.438.875.473.404	2.204.145.403.019
4 Tiền trả nợ gốc vay <i>Payments to settle loan principals</i>	34		(2.784.926.328.274)	(1.958.740.419.739)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính <i>Payments to settle financial lease</i>	35		(16.718.401.723)	(7.612.457.737)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu <i>Payments of dividends</i>	36		(134.512.260.160)	(251.099.834.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính <i>Net cash flows from financing activities</i>	40		502.718.483.247	282.752.401.503
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) <i>Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50		2.503.402.934	(92.848.234.536)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ <i>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</i>	60		30.960.218.219	123.751.498.741
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ <i>Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents</i>	61		(14.365.095)	56.954.014
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) <i>Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)</i>	70		33.449.256.058	30.960.218.219

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018  
Ho Chi Minh City, 20 January 2018

Người lập biểu  
*Issued by*

Kế toán trưởng  
*Chief Accountant*

Tổng Giám Đốc  
*General Director*



**Nguyễn Thế Vinh**



**Nguyễn Minh Thiện**



**Phạm Hồng Phú**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### Nghành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

**Tổng số lao động:** 2.413 người

#### Trong đó:

- Lao động gián tiếp: 1.119 người
- Lao động trực tiếp: 1.294 người.

### CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng.

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành

theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung

#### CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

#### Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính

#### Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

#### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh: Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**Dự phòng đầu tư tài chính:** Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ.

**Dự phòng đầu tư chứng khoán:** Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự

phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

**Dự phòng đầu tư dài hạn:** Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

**NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU:**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ** được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN HÀNG TỒN KHO**

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

**Phương tính giá trị hàng tồn kho:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, THUÊ TÀI CHÍNH, BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác tùy thời gian được sử dụng.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HOÁ CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo

khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**GHI NHẬN CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ:**

Cao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

**NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		Nguyên tệ	Số cuối năm	Nguyên tệ	Số đầu năm
1.	Tiền		30,960,218,219		63,751,498,741
	Tiền mặt (TK 111)		1,359,803,518		1,510,859,198
	• Văn phòng TP.HCM		864,063,164		378,245,298
	• Xí nghiệp Đồng Nai		44,296,437		139,621,132
	• Xí nghiệp Hóc Môn		54,647,301		419,873,178
	• Xí nghiệp Bình Lợi		65,356,177		60,258,156
	• Xí nghiệp Bình Dương		139,826,227		469,191,917
	• Xí nghiệp Lốp Radial		191,614,212		43,669,517
	Tiền gửi ngân hàng (TK 112)		29,600,414,701		62,240,639,543
	• Tiền gửi VND		25,135,518,458		50,009,235,851
	• Văn phòng TP.HCM		23,359,502,045		48,712,584,206
	Trong đó:				
	• Ngân hàng Công Thương - Sở Giao dịch II		866,465,929		900,783,755
	• Ngân hàng Ngoại Thương - VND		20,527,235,498		21,370,287,256
	• Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé		731,533,750		24,780,922,625
	Xí nghiệp Đồng Nai		524,061,196		260,621,861
	• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khu Công Nghiệp Biên Hòa		466,924,273		111,222,266
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai		49,721,460		33,149,500
	• Ngân hàng Đông Á - CN Đồng Nai		7,415,463		116,250,095
	Xí nghiệp Hóc Môn		55,828,421		354,410,443
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP.HCM		55,828,421		354,410,443
	Xí nghiệp Bình Lợi		605,115,152		116,316,885
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thạnh		605,115,152		116,316,885
	Xí nghiệp Bình Dương		201,180,422		179,178,957
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		201,180,422		179,178,957
	Xí nghiệp Lốp Radial		389,831,222		386,123,499
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		389,831,222		386,123,499
	Tiền gửi ngoại tệ		4,464,896,243		12,231,403,692
	Văn phòng TP.HCM		4,464,896,243	USD 701,869,015.00 EUR 401.29	12,231,403,692
	Trong đó:				
	• Ngân hàng Ngoại Thương -USD		3,142,543,837	USD 615,188.59	8,361,899,416
	• Ngân hàng Ngoại Thương -EUR		19,906,560	EUR 302.83	3,486,185,378
	Các khoản tương đương tiền (TK 128)		-		60,000,000,000
	Tiền gửi có kỳ hạn tại NH Quốc Dân Việt Nam		-		60,000,000,000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>30,960,218,219</b>		<b>123,751,498,741</b>

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9,650,345,815	6,901,758,791	(2,748,587,024)	9,650,345,815	9,650,345,815	
<b>Tổng cộng</b>	<b>9,650,345,815</b>	<b>6,901,758,791</b>		<b>9,650,345,815</b>		

	Số cuối năm	Số đầu năm
2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Khách hàng nước ngoài (xuất khẩu):	165,009,274,600	180,657,272,301
Khách hàng trong nước:	395,221,434,801	287,316,786,868
	394,915,359,810	286,618,150,801
• Xi nghiệp Đồng Nai	30,051,340	129,646,946
• Xi nghiệp Hóc Môn	-	483,015,145
• Xi nghiệp Bình Lợi	276,023,651	85,973,976
Cộng	560,230,709,401	467,974,059,169

	Số cuối năm	Số đầu năm
3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)		
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu)	35,565,676,652	39,988,068,012
Nhà cung cấp trong nước	10,085,415,301	8,332,469,011
• Văn phòng	9,644,050,521	7,976,864,195
• Xi nghiệp Bình Lợi	30,000,000	-
• Xi nghiệp Bình Dương	50,000,000	50,000,000
• Xi nghiệp Lắp Radial	361,364,780	305,604,816
Cộng	<b>45,651,091,953</b>	<b>48,320,537,023</b>

(4); (10) PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Phải thu ngắn hạn khác	30,899,004,796		37,259,671,652	
Phải thu của người lao động (TK 141)	311,631,892		270,843,892	
• Văn phòng TP.HCM	195,631,892		175,843,892	
• Xi nghiệp Bình Lợi	116,000,000		95,000,000	
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)	52,014,152		46,014,152	
• Văn phòng TP.HCM	29,795,061		29,795,061	
• Xi nghiệp Hóc Môn	6,000,000			
• Xi nghiệp Bình Lợi	16,219,091		16,219,091	
Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	1,004,161,068		653,452,179	
Phải thu khác (TK 1388)	29,193,673,429		36,134,669,666	
• Phải thu khác (TK 13881)	27,607,807,259		33,703,254,830	
Văn phòng TP.HCM	27,169,278,595		33,703,254,830	

	Số cuối năm	Số đầu năm		
Trong đó:				
• Phải thu chuyển nhượng dự án số 09 Nguyễn Khoái- NOVALAND GALAXY		17,750,000,000		
• Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial	1,032,799,874	1,032,799,874		
• Phải thu do giảm chi phí dự án Radial:	-	1,961,977,191		
• Khoản ứng trước cho Liên doanh Phillip Carbon	3,370,684,504	3,370,684,504		
• Phải thu tiền hỗ trợ di dời dự án 504 Nguyễn Tài Thành - Công ty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal JSC)	-	7,500,000,000		
• Phải thu tiền lãi cho vay năm 2016 của Cty Đức Việt theo HD 07/2013/HĐTV ngày 16/01/2013	7,262,096,616			
• Phải thu Công ty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal)	5,140,000,000			
• Phải thu Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC) theo HĐMB 02/VILC-CSMN/2016	7,357,330,007			
Xi nghiệp Đồng Nai	380,364,308			
• Công ty Điện lực Đồng Nai (thuê máy biến thế)	10,000,000			
• Chi phí TPM tháng 12/2016	370,364,308			
Xi nghiệp Bình Dương	58,164,356			
• Chi phí bồi dưỡng học hại tháng 11/2016	58,164,356			
Phải thu chi phí thí nghiệm xi nghiệp (TK 13882)	1,585,866,170	2,431,414,836		
Phải trả, phải nộp khác (TK 33889)	337,524,255	154,691,763		
10. Phải thu dài hạn khác	2,402,502,000	2,643,459,000		
- Ký cược, ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	2,402,502,000	2,643,459,000		
Cộng (4) + (10)	33,301,506,796	39,903,130,652		
4,107,833,367				
5. NỢ XẤU	Số cuối năm	Số đầu năm		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị nợ xấu				
Chi tiết số dư như sau:				
• Công ty TNHH PNP VN - BHND (TK 131)	(65,000,051)		(65,000,051)	
• Công ty TNHH Hồng Phúc - BHXX (TK 131)	(78,488,575)		(78,488,575)	
• Công ty Todimax - BHXX (TK 131)	(90,100,000)		(90,100,000)	
• Đức Phương - BHND (TK 131)	(289,067,137)		(289,067,137)	
• CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)			(143,447,968)	
• Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)			(86,597,002)	
• Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)			(5,838,001,277)	
• Cty TNHH SX TM DV Đe Tươi - CH 146 (TK 131)			(911,712,842)	
• Cty LD TOYO - TOKYO - Tân Bình (TK 131)	(5,852,000)		(5,852,000)	
• Cty CP XD Số 4 Thăng Long - Tân Bình (TK 131)	(22,556,000)		(22,556,000)	
• CN Việt Lào Tổng Cty XD MT - Tân Bình (TK 131)	(11,915,976)		(11,915,976)	
• KIEMDE ABRAIMA - BHXX (TK 131)	(46,520,866)		(46,520,866)	
• Công nợ Kim Dao (TK 1388)	(35,742,000)		(35,742,000)	
• Cty TNHH Lê Lợi (TK 131)	(56,000,000)		(56,000,000)	
• Cty TNHH TBYT Hòa Chất (TK 131)	(37,000,000)		(37,000,000)	
• BV Đa Khoa Huyện Đồng Phú (TK 131)	(7,767,900)		(7,767,900)	
• Vàng Thị Kim Liêng (TK 131)	(1,318,152,045)		(1,318,152,045)	

	Số cuối năm	Số đầu năm		
• Cty CP Việt Nam Motors Cần Thơ (TK 131)	(1,592,500,140)	(1,592,500,140)		
• AL SEDEEK CYCLE CO.,LTD (TK 131)	(386,133,204)	(386,133,204)		
• VIXAY CHALEUN EXPORT - IMPORT TRADING & ARGON PROMOTION CO.,LTD (TK 131)	(1,787,000,000)	(1,787,000,000)		
• Cty CP Thương Mại Vương Nga (TK 131)	(866,612,235)	(866,612,235)		
• Cty TNHH TM DV và SX Minh Đạt(TK 131 XNHóc Môn)	(472,563,143)	(472,563,143)		
<b>Cộng</b>	<b>(7,168,971,272)</b>	<b>(14,148,730,361)</b>		
<b>6. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	649,550,401,311		575,241,572,000	
• Văn phòng TP.HCM	230,689,025,446		234,043,454,559	
• Xi nghiệp Đồng Nai	21,094,796,212		20,549,144,924	
• Xi nghiệp Hóc Môn	10,075,425,868		12,353,481,109	
• Xi nghiệp Bình Lợi	11,868,159,959		11,876,793,273	
• Xi nghiệp Bình Dương	280,472,997,414		200,771,405,507	
• Xi nghiệp Lốp Radial	95,349,996,412		95,647,292,628	
Công cụ, dụng cụ (TK 153)	7,492,608,680		7,580,185,680	
• Văn phòng TP.HCM	1,451,506,960		581,823,463	
• Xi nghiệp Đồng Nai	1,783,423,951		1,956,911,897	
• Xi nghiệp Hóc Môn	1,455,948,482		2,617,857,427	
• Xi nghiệp Bình Lợi	1,130,991,314		807,763,366	
• Xi nghiệp Bình Dương	382,973,655		964,877,104	
• Xi nghiệp Lốp Radial	1,287,764,318		650,952,423	
Thành phẩm (TK 155)	318,419,750,955		288,250,070,883	
• Văn phòng TP.HCM	43,184,450,196		48,497,691,731	
• Xi nghiệp Đồng Nai	46,309,360,311		30,939,338,072	
• Xi nghiệp Hóc Môn	49,043,391,514		38,893,860,837	
• Xi nghiệp Bình Lợi	30,346,709,329		54,988,142,006	
• Xi nghiệp Bình Dương	3,458,363,783		5,312,007,881	
• Xi nghiệp Lốp Radial	146,077,475,822		109,619,030,356	
Hàng hóa (TK 156)	6,909,345,473		4,637,388,080	
• Văn phòng TP.HCM	6,450,521,903		4,631,363,016	
• Xi nghiệp Đồng Nai	456,061,053		-	
• Xi nghiệp Hóc Môn	2,762,517		6,025,064	
<b>Cộng</b>	<b>982,372,106,419</b>		<b>875,709,216,643</b>	<b>982,372,106,419</b>
	-		-	
Ghi Chú:				
• Giá trị hàng hóa ghi số hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.				
• Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ: không có.				
• Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.				
<b>14. TÀI SẢN DÓ DANG DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
• Mua sắm TSCĐ (TK 2411)	13,962,971,305	30,397,234,462		
Văn phòng TP.HCM	10,644,569,980	29,840,811,945		

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Sửa chữa DC phụ trợ máy cán tráng (HD: 09/15CSMN-INCON) (HM)	435,150,000	
• Sửa chữa ép suất Xi-200 lớp gm & SOT 1(HD: 07/15/CSMN-INCON) (HM)	1,259,280,000	
• Sửa chữa hệ thống thang màng cấp & chiếu sáng (HD: 04/16/CSMN-INCON) (HM)	754,650,000	
• Sửa chữa xưởng cơ khí (HD: 01/16 CSMN-INCON) (HM)	277,830,000	
• Sửa chữa nhà công đoàn y tế (HD: 12/15/CSMN-INCON) (HM)	238,320,000	
• Sửa chữa nhà máy nước (HD: 03//16/CSMN-INCON) (HM)	123,300,000	
• Sửa chữa lắp đặt hệ thống xích treo lớp (băng tải) tubeless-tubetype (HM) (HD: 11/15 CSMN-INCON)	203,040,000	
• Sửa chữa máy quấn bao bì (HM) (HD: 02/16/CSMN-INCON)	129,690,000	
• Sửa chữa các máy lưu hóa tubetype (HM) (HD: 10/15 CSMN-INCON)	654,660,000	1,394,806,964
• Sửa chữa các máy thành hình xướng lớp 1 (HM) (HD: 04B/15/CSMN-INCON)	1,515,420,000	
• Sửa chữa dụng cụ máy cán innerline HQ (HM) (HD: 05/16/CSMN-INCON)	379,890,000	
• Sửa chữa dây chuyền ép suất Hàn Quốc (HM) (HD: 05B/15/CSMN-INCON)	1,365,210,000	
• Sửa chữa các máy lưu hóa Hàn Quốc (HM) (HD: 08/15 CSMN-INCON)	432,180,000	
• Lắp đặt máy ép tim (HD: 09/16 CSMN-INCON) (BD)	720,900,000	
• Lắp đặt đường ống hơi nóng (HD: 10/16 CSMN-INCON) (BD)	489,330,000	
• Lắp đặt máy lưu hóa lớp đặt (HD: 08/16 CSMN-INCON) (BD)	243,000,000	
• Lắp đặt hệ thống điện máy ép tim (HD: 07/16 CSMN-INCON) (BD)	730,800,000	
• Lắp đặt hệ thống đường ống công nghệ (HD: 06/16 CSMN-INCON) (BD)	691,919,980	
Xi nghiệp Bình Lợi	815,586,105	0
• Sửa chữa cái tạo máy thành hình 6	618,076,889	
• Máy lưu hóa 20	197,509,216	
Xi nghiệp Lốp Radial	2,502,815,220	556,422,517
• Máy cắt bán thép	7,000,000	
• Máy cán cao su tam giác bán thép	6,770,000	
• Máy lưu hóa bán thép	487,894,959	
• Máy lý trình bán thép	179,273,391	
• Máy thành hình bán thép mới	1,466,377,792	
• Máy ép xuất 3 đầu bán thép	355,499,078	
• Xây dựng cơ bản (TK 2412)	154,889,478,844	49,651,209,389
Văn phòng TP.HCM	150,976,334,231	49,310,409,389
• Dự án Radian toàn thép	23,568,800,213	
• Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q.3	4,904,204,923	4,767,704,923
• Tài sản thuê tài chính theo HD: VILC-HĐ 2015-00140-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		17,938,372,417
• Các công trình khác (Phòng cơ năng tự thực hiện)	5,795,801,637	3,035,531,836
• Dự án Radial bán thép công suất 500.000 lớp/năm	140,276,327,671	
Xi nghiệp Hóc Môn	223,702,000	340,800,000
• Máy nén khí mới SP300	223,702,000	
• Thay mới vật tư tại trạm biến áp 3x320 KVA		340,800,000
Xi nghiệp Lốp Radial	3,689,442,613	
• Dự án Radial bán thép công suất 500.000 lớp/năm	3,689,442,613	

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Sửa chữa lán TSCĐ	3,761,904,886	7,867,258,854
Xí nghiệp Lắp Radial	3,761,904,886	7,867,258,854
• Máy làm tanh 2	408,578,318	265,466,000
• Bảo trì chiller trạm lạnh	123,707,600	53,050,000
• Trạm đóng lọc - Phốt làm kín mô tơ		40,000,000
• Bảng tài xích - Xưởng luyện		18,000,000
• Máy lưu hóa lớp 55" (SC 3 máy)		7,490,742,854
• Máy Innerliner Bias	1,909,511,372	
• Xử lý nước chiller	251,625,000	
• Máy luyện hồ 440 bán thép	213,108,100	
• Máy luyện hồ 560 bán thép	281,260,649	
• Máy thành hình bán thép	574,113,847	
Cộng	172,614,355,035	87,915,702,705

## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ khác "	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	773,078,862,947	1,457,996,211,226	32,919,787,928	5,789,920,404		2,269,784,782,505
2. Số tăng trong năm	61,341,586,172	148,915,903,285	1,165,125,000	-	-	211,422,614,457
• Mua trong năm		132,785,456,423	1,165,125,000			133,950,581,423
• Đầu tư XDCB hoàn thành	57,708,659,783					57,708,659,783
• Tăng khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	3,632,926,389					3,632,926,389
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		16,130,446,862				16,130,446,862
3. Số giảm trong năm	-	22,643,536,977	-	-	-	22,643,536,977
• Chuyển sang BĐS đầu tư						-
• Thanh lý, nhượng bán	-	19,010,610,588	-	-	-	19,010,610,588
• Giảm khác(chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	-	3,632,926,389	-	-	-	3,632,926,389
4. Số dư cuối năm	834,420,449,119	1,584,268,577,534	34,084,912,928	5,789,920,404	-	2,458,563,859,985
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	197,115,287,531	666,651,431,087	18,948,758,175	3,778,334,076		886,493,810,869
2. Khấu hao trong năm	58,448,944,434	123,226,878,159	3,526,725,025	966,610,408	-	186,169,158,026
• Khấu hao trong năm	55,265,080,491	112,466,316,244	3,526,725,025	966,610,408		172,224,732,168
• Tăng khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	3,183,863,943					3,183,863,943
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		10,760,561,915				10,760,561,915
3. Giảm trong năm	-	3,183,863,943	-	-	-	3,183,863,943
Chuyển sang BĐS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-	-
Giảm khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	-	3,183,863,943	-	-	-	3,183,863,943

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ khác "	Tổng cộng
4. Số dư cuối năm	255,564,231,965	786,694,445,303	22,475,483,200	4,744,944,484	-	1,069,479,104,952
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	575,963,575,416	791,344,780,139	13,971,029,753	2,011,586,328	-	1,383,290,971,636
2. Tại ngày cuối năm	578,856,217,154	797,574,132,231	11,609,429,728	1,044,975,920	-	1,389,084,755,033

### Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.784.657.145 VNĐ.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 540.891.627.818 VNĐ.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ hữu hình khác "	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm		16,130,446,862		2,875,581,843			19,006,028,705
2. Số tăng trong năm	-	20,215,532,216	-	-	-		20,215,532,216
- Thuê lại tài chính trong năm		20,215,532,216					20,215,532,216
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Tăng khác					-		-
3. Số giảm trong năm	-	16,130,446,862	-	-	-		16,130,446,862
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-		-	-	-		-
- Giảm khác	-	16,130,446,862	-	-	-		16,130,446,862
4. Số dư cuối năm	-	20,215,532,216	-	2,875,581,843	-		23,091,114,059
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm		9,896,367,286	-	489,625,963			10,385,993,249
2. Khấu hao trong năm		2,766,521,006	-	510,481,123	-		3,277,002,129
- Khấu hao trong năm		2,766,521,006		510,481,123			3,277,002,129
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Tăng khác					-		-
3. Giảm trong năm		10,760,561,915	-	-	-		10,760,561,915
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Giảm khác		10,760,561,915			-		10,760,561,915
4. Số dư cuối năm		1,902,326,377	-	1,000,107,086	-		2,902,433,463
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	-	6,234,079,576	-	2,385,955,880	-		8,620,035,456
2. Tại ngày cuối năm	-	18,313,205,839	-	1,875,474,757	-		20,188,680,596



## 13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)

Chi tiêu	"Quyền sử dụng đất"	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	"Phần mềm máy tính"	"TSCĐ vô hình khác"	Tổng cộng
I Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	104,369,083,467	-	-	1,549,864,155	6,635,742,094	112,554,689,716
2 Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
• Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	104,369,083,467	-	-	1,549,864,155	6,635,742,094	112,554,689,716
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	4,271,259,364	-	-	1,445,973,488	6,635,742,094	12,352,974,946
2 Khấu hao trong năm	2,199,448,406	-	-	33,500,000	-	2,232,948,406
• Khấu hao trong năm	2,199,448,406	-	-	33,500,000	-	2,232,948,406
• Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	6,470,707,770	-	-	1,479,473,488	6,635,742,094	14,585,923,352
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	100,097,824,103	-	-	103,890,667	-	100,201,714,770
2 Tại ngày cuối năm	97,898,375,697	-	-	70,390,667	-	97,968,766,364
4 Số dư cuối năm		1,902,326,377	-	1,000,107,086	-	
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	-	6,234,079,576	-	2,385,955,880	-	
2 Tại ngày cuối năm	-	18,313,205,839	-	1,875,474,757	-	

## Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 94.614.742.287 VNĐ
- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 7.143.176.559 VNĐ
- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 87.471.565.728 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.984.007.249 VNĐ
- Trong đó:
  - Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 6.635.742.094 VNĐ
  - Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.348.265.155 VNĐ

7; 16	CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)	Số cuối năm	Số đầu năm
7	Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)	1,507,872,127	1,283,136,989
	Xí nghiệp Bình Dương	297,589,305	260,952,735
	• Phí bảo hiểm tài sản	257,634,916	235,952,734
	• Xử lý chất thải	-	25,000,001
	• Xử lý bán thành phẩm	21,312,728	-
	• Sửa chữa khuôn	18,641,661	-
	Xí nghiệp Lớp Radial	1,210,282,822	1,022,184,254
	• Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ	1,056,949,487	1,022,184,254
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	153,333,335	-
16	Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)	20,200,653,275	11,037,859,885
	Văn phòng TP.HCM	255,411,254	319,264,068
	• Chi phí dịch vụ pháp lý đất Hóc Môn	255,411,254	319,264,068
	Xí nghiệp Đồng Nai	6,211,662,871	1,991,250,000
	• Chi phí khuôn	6,039,150,000	1,991,250,000
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	172,512,871	-
	Xí nghiệp Hóc Môn	4,380,275,180	2,434,750,000
	• Chi phí khuôn	3,382,513,825	2,434,750,000
	• Kệ chứa sẫm	997,761,355	-
	Xí nghiệp Bình Lợi	2,676,875,085	2,723,883,338
	• Chi phí bảo hiểm	62,700,972	67,376,958
	• Chi phí khuôn	477,083,333	365,249,996
	• Chi phí khuôn mới năm nay	930,625,002	1,343,383,328
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	1,141,069,945	898,346,390
	• Kiểm định	65,395,833	49,526,666
	Xí nghiệp Bình Dương	711,716,675	400,852,126
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	711,716,675	222,986,655
	• Xử lý BTP	-	170,668,261
	• Xử lý mặt lớp	-	7,197,210
	Xí nghiệp Lớp Radial	5,964,712,210	3,167,860,353
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (khuôn)	5,861,795,540	3,167,860,353
	• Phụ tùng thay thế để bảo dưỡng thiết bị	102,916,670	-
	Cộng (7) + (16)	21,708,525,402	12,320,996,874

(23); (26).	VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		(1)=(5)+(3)-(4)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23.	Vay ngắn hạn	885,503,185,035	885,503,185,035	2,094,735,932,502	1,810,801,812,771	601,569,065,304	601,569,065,304
	- Vay ngân hàng (TK 34111)	878,180,409,896	878,180,409,896	2,087,160,270,467	1,803,189,355,034	594,209,494,463	594,209,494,463
	+ Số đã vay ngân hàng:			2,084,365,866,360			
	+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			2,794,404,107			
	- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)	7,322,775,139	7,322,775,139	7,575,662,035	7,612,457,737	7,359,570,841	7,359,570,841
26.	Vay dài hạn	730,160,429,250	730,160,429,250	121,194,277,124	155,551,064,705	764,517,216,831	764,517,216,831
	- Vay ngân hàng (TK 341121-TK 341122)	564,245,000,000	564,245,000,000	7,611,000,000	123,742,000,000	680,376,000,000	680,376,000,000
	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			7,611,000,000			
	- Vay ngân sách Nhà nước (TK 341126)	857,627,240	857,627,240			857,627,240	857,627,240
	- Vay vốn CBCNV (TK 341127)	56,136,750,000	56,136,750,000	5,746,497,591	22,788,512,107	73,178,764,516	73,178,764,516
	- Vay ngân hàng dự án Raadial bán thép (TK 341129)	104,400,226,187	104,400,226,187	105,845,116,750	1,444,890,563		
	Số đã vay ngân hàng:			104,465,714,250			
	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			1,379,402,500			
	- Nợ thuê tài chính (TK 3412)	4,520,825,823	4,520,825,823	1,991,662,783	7,575,662,035	10,104,825,075	10,104,825,075
	Cộng (23) + (26)	1,615,663,614,285	1,615,663,614,285	2,215,930,209,626	1,966,352,877,476	1,366,086,282,135	1,366,086,282,135
Các khoản nợ thuê tài chính		Năm 2016		Năm 2015			
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	
Từ 1 năm trở xuống							
Trên 1 năm đến 5 năm							
	- HĐ 20/2012/TSC-CITC (Vietinbank leasing)	1,161,769,937	29,214,275	1,132,555,662	3,746,016,576	348,324,576	3,397,692,000
	- VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	480,804,832	67,698,280	413,106,552	515,063,213	101,956,661	413,106,552
	- VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	307,083,327	43,237,947	263,845,380	328,963,676	65,118,296	263,845,380
	- VILC-HĐ 2015-00140-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	6,531,636,000	981,572,753	5,550,063,247	2,721,515,000	457,643,875	2,263,871,125
	- VILC-HĐ 2016-00056-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	313,210,000	60,323,104	252,886,896			

17.	PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a	Phải trả cho người bán ngắn hạn:				
	Nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu)	63,023,476,261	63,023,476,261	42,736,328,987	42,736,328,987
	Nhà cung cấp trong nước :	104,808,519,707	104,808,519,707	73,187,216,763	73,187,216,763
	• Văn phòng :	88,515,243,016			
	• Xí nghiệp Đồng Nai	6,876,619,924			
	• Xí nghiệp Hóc Môn	4,685,653,551			
	• Xí nghiệp Bình Lợi	720,650,920			
	• Xí nghiệp Bình Dương	626,949,927			
	• Xí nghiệp Lớp Radial	3,383,402,369			
	Cộng	167,831,995,968	167,831,995,968	115,923,545,750	115,923,545,750
b	Phải trả người bán là các bên liên quan				
	- Công ty CP Hơi Kỳ Nghệ Que Hàn	798,596,975	798,596,975	618,147,200	618,147,200

18.	NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	- Khách hàng nước ngoài (xuất khẩu) :		6,656,883,298		4,640,353,358
	- Khách hàng trong nước :		322,014,019		468,109,039
	• Văn phòng :	228,231,803		349,754,559	
	• Xí nghiệp Hóc Môn	1,734,216		101,581,480	
	• Xí nghiệp Bình Lợi	92,048,000		16,773,000	
	Cộng		6,978,897,317		5,108,462,397

## THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

19. Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)		99,758,132,680	99,758,132,680	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	31,118,664,756	71,289,047,549	81,437,258,083	20,970,454,222
Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	2,554,980,498	10,644,691,041	9,955,129,184	3,244,542,355
Thuế tài nguyên (TK 3336)	1,950,000	22,915,800	24,865,800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)		2,804,354,311	2,804,354,311	-
Các loại thuế khác (TK 3338)	(93,129,081)	4,196,121,622	4,068,454,067	34,538,474
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (TK 3338)		3,356,386,030	3,356,386,030	-
Cộng Các khoản thuế phải trả	33,582,466,173	192,071,649,033	201,404,580,155	24,249,535,051

8. Thuế GTGT được khấu trừ	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
Thuế GTGT được khấu trừ (= a + b)	1,256,560,043	427,154,706,998	447,313,933,939	21,415,786,984
a Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4,609,295,030	396,197,920,550	414,050,870,362	22,462,244,842
Thuế GTGT đầu ra khấu trừ thuế GTGT đầu vào		396,197,920,550		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh trong năm			414,050,870,362	
b Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(3,352,734,987)	30,956,786,448	33,263,063,577	(1,046,457,858)
Phát sinh thuế đầu ra		426,544,427,984		
Đã nộp thuế			33,263,063,577	
Đã khấu trừ		(395,587,641,536)		

9. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850
• Thuế xuất nhập khẩu	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850
Cộng	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850

20. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng TP.HCM	52,332,360,510	86,133,360,785
Xí nghiệp Đồng Nai	6,743,603,294	7,711,994,875
Xí nghiệp Hóc Môn	5,441,169,713	4,180,313,006
Xí nghiệp Bình Lợi	2,083,927,683	1,776,276,912
Xí nghiệp Bình Dương	2,901,461,611	2,423,768,618
Xí nghiệp Lốp Radial	3,417,459,024	2,724,615,964
Cộng	72,919,981,835	104,950,330,160

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn:</b>		
Văn phòng TP.HCM	53,342,434,615	43,885,555,376
• Chi phí chiết khấu thương xuyên - găng tay	353,575,952	179,386,880
• Chi phí vận chuyển sản phẩm nội địa	6,000,000,000	4,900,000,000
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng nội địa	9,536,816,609	3,000,000,000
• Chi phí chiết khấu thương xuyên	19,575,699,792	18,902,471,148
• Trích trước chi phí thí nghiệm sản phẩm mới	1,585,846,683	2,431,900,691
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng xuất khẩu	3,829,910,550	
• Chiết khấu thanh toán - đại lý	425,827,199	282,203,616
• Chi phí quảng cáo	907,163,165	2,461,913,872
• Chi phí thuê kho	1,000,000,000	1,000,000,000
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối	542,704,512	549,623,989
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối lốp Radial	478,099,032	580,609,159
• Chi phí trích trước	1,818,202,303	1,134,322,267
• Lãi vay	7,058,559,883	8,463,123,754
• Chi phí thuê đất (XN Đồng Nai)	230,028,935	
Xí nghiệp Đồng Nai	330,785,119	249,111,089
• Trích trước chi phí sửa chữa lớn	210,000,000	
• Trích trước bồi dưỡng độc hại	120,785,119	117,111,089
• Trích trước chi phí sửa chữa khuôn		132,000,000
Xí nghiệp Hóc Môn	1,029,500,099	314,136,299
• Trích trước tiền điện	380,361,366	306,393,441
• Chiết khấu thương xuyên	4,945,378	3,433,395
• Chiết khấu thanh toán	6,043,355	4,309,463
• Tiền cơm ca	378,786,000	
• Bồi dưỡng độc hại	259,364,000	
Xí nghiệp Bình Lợi	78,165,200	175,076,183
• Trích trước tiền nước	69,600,000	63,744,000
• Trích trước chi phí bốc xếp	8,565,200	40,674,000
• Trích trước chi phí bảo vệ	-	31,818,183

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn:</b>		
• Trích trước chi phí PCCC	-	20,840,000
• Trích trước chi phí giám sát môi trường	-	18,000,000
Xí nghiệp Bình Dương	1,108,426,138	636,012,333
• Trích trước tiền nước	-	19,857,333
• Chi phí cơm ca	102,000,000	101,000,000
• Chi phí bồi dưỡng độc hại	154,000,000	71,000,000
• Chi phí vận chuyển mặt lớp	-	444,155,000
• Chi phí vận chuyển BTP	650,426,138	
• Trích trước tiền thuế đất	202,000,000	
Xí nghiệp Lốp Radial	478,189,619	1,873,193,857
• Trích trước tiền nước	-	25,000,000
• Trích trước chi phí sửa chữa lớn	113,313,524	897,000,000
• Trích trước chi phí đồng phục	-	388,400,000
• Trích trước chi phí vận chuyển	52,500,000	70,000,000
• Trích trước chi phí hiệu chuẩn	-	11,955,000
• Trích trước chi phí giám sát môi trường		18,250,000
• Trích trước chi phí đào tạo chuyên đề biến tần cà động cơ Servo		76,000,000
• Trích trước chi phí bảo trì thang máy		53,760,000
Cộng:	56,367,500,790	47,133,085,137

**PHẢI TRẢ KHÁC**

22. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết (giữ hộ tiền quỹ công đoàn) (TK 3381)	673,447,115	487,995,367
• Kinh phí công đoàn (TK 3382)	3,353,332,942	3,103,648,017
• Bảo hiểm y tế (TK 3384)	438,888	18,005,585
• Phải trả về cổ phần hóa (TK 3385)	174,835,866	174,835,866
• Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	26,343,631	37,771,534
• Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3388)	2,298,661,665	1,734,651,705
• Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	38,115,104,976	15,230,697,627
Trong đó:		
• Phải trả SHINHAN LONDON	24,543,394,230	11,564,110,080
• Chuyển tiền dự án trên mặt bằng các khu đất - CTy Ba Đình	10,000,000,000	
Cộng:	44,642,165,083	20,787,605,701

25. Phải trả dài hạn khác:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	14,500,000,000	14,000,000,000
Văn phòng TP.HCM		
Trong đó:		
• Công ty TM Cần Thơ	-	1,000,000,000
• Công ty TNHH TM DV An Thiên Phúc	2,000,000,000	1,000,000,000
• Công ty Tân Hưng Thịnh-Vũ Cao Nguyên	2,000,000,000	2,000,000,000
• Công ty TNHH TMDV Lê Văn	1,500,000,000	1,500,000,000
• Công ty TNHH TM DV Tư vấn lớp Radial Đức Anh	1,000,000,000	1,000,000,000
• DNTN Mạnh Dũng	1,000,000,000	1,000,000,000
• Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Nam Dũng	1,500,000,000	1,000,000,000
• Phạm Đức Mỹ	2,000,000,000	
Cộng:	14,500,000,000	14,000,000,000

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	15,961,387,569	18,417,493,873
Văn phòng TP.HCM	12,781,927,396	16,447,134,146
Xí nghiệp Đồng Nai	887,047,689	917,974,391
• Xí nghiệp Hóc Môn	718,841,158	61,419,010
• Xí nghiệp Bình Lợi	463,128,226	305,449,226
• Xí nghiệp Bình Dương	451,232,100	210,182,100
• Xí nghiệp Lốp Radial	659,211,000	475,335,000
• Quỹ phúc lợi	22,021,575,269	17,619,967,278
• Văn phòng TP.HCM	20,528,492,411	15,826,817,261
• Xí nghiệp Đồng Nai	294,675,735	498,275,735
• Xí nghiệp Hóc Môn	363,507,119	571,646,756
Xí nghiệp Bình Lợi	208,126,726	178,653,726
• Xí nghiệp Bình Dương	308,712,778	347,963,300
• Xí nghiệp Lốp Radial	318,060,500	196,610,500
• Cộng (Quỹ khen thưởng + Quỹ phúc lợi)	37,982,962,838	36,037,461,151

27. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (TK 243) VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TK 243)		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	32,585,043
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (TK 347)		
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
• Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	
• Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	482,412,712	
• Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	482,412,712	-
QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (TK 356)		
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		53,085,000,000
Cộng:		53,085,000,000

## 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### A) BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	" Thặng dư vốn cổ phần "	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
a. Số dư đầu năm trước	672,932,050,000						475,588,957,292	(12,050,000)	216,116,954,013	1,364,625,911,305
• Tăng trong năm	67,272,910,000	-	-	-	-	-	289,926,504,991	-	-	357,199,414,991
Trong đó:										-
• Tăng vốn trong năm trước	67,272,910,000									67,272,910,000
• Lãi trong năm trước							289,926,504,991			289,926,504,991
• Giảm trong năm							(456,269,150,173)			(456,269,150,173)
Trong đó:										-
• Trích quỹ khen thưởng							(17,048,214,193)			(17,048,214,193)
• Trích quỹ phúc lợi							(9,928,928,516)			(9,928,928,516)
• Trích quỹ đầu tư phát triển							(82,741,070,964)		82,741,070,964	-
• Chia cổ tức 2014 bằng tiền							(168,249,090,000)			(168,249,090,000)
• Chia cổ tức 2014 bằng phát hành cổ phiếu							(67,272,910,000)			(67,272,910,000)
• Chia cổ tức 2015 (15%)							(111,028,936,500)			(111,028,936,500)

#### Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	" Thặng dư vốn cổ phần "	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
b. Số dư đầu năm nay	740,204,960,000	-	-	-	-	-	309,246,312,110	(12,050,000)	298,858,024,977	1,348,297,247,087
• Tăng trong năm	296,059,710,000	-	-	-	-	-	260,895,136,005	-	-	556,954,846,005
Trong đó:										-
• Tăng vốn trong năm nay	296,059,710,000									296,059,710,000
• Lãi trong năm nay							260,895,136,005			260,895,136,005
• Giảm trong năm							(376,832,241,147)		(194,585,433,253)	(571,417,674,400)
Trong đó:										-
• Giảm quỹ đầu tư phát triển tăng vốn trong năm nay									(296,059,710,000)	(296,059,710,000)
• Lỗ trong năm nay										-
Giảm khác							(376,832,241,147)		101,474,276,747	(275,357,964,400)
• Trích quỹ khen thưởng							(14,996,325,250)			(14,996,325,250)
• Trích quỹ phúc lợi							(8,697,795,150)			(8,697,795,150)
• Trích quỹ đầu tư phát triển							(101,474,276,747)		101,474,276,747	-
• Chia cổ tức 2015 bằng tiền							(148,038,582,000)			(148,038,582,000)
• Chia cổ tức 2016 (10%)							(103,625,262,000)			(103,625,262,000)
c. Số dư cuối năm	1,036,264,670,000	-	-	-	-	-	193,309,206,968	(12,050,000)	104,272,591,724	1,333,834,418,692

### B) CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

#### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	528,558,490,000	377,541,780,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	507,706,180,000	362,663,180,000
Cộng	1,036,264,670,000	740,204,960,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,036,264,670,000	740,204,960,000
+ Vốn góp đầu năm	740,204,960,000	672,932,050,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	296,059,710,000	67,272,910,000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1,036,264,670,000	740,204,960,000
- Cổ tức lợi nhuận năm 2015 đã trích trong năm 2016 (chi bằng tiền)	148,038,582,000	
- Cổ tức lợi nhuận năm 2016 đã trích trong năm 2016 (chi bằng tiền: 10%)	103,625,262,000	

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	103,626,467	74,020,496
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,770,618	36,266,318
+ Cổ phiếu phổ thông	50,770,618	36,266,318
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1,205	1,205
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	1,205	1,205
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103,625,262	74,019,291
+ Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	74,019,291
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**Cổ tức:**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
  - Công bố cổ tức của năm 2015: chỉ bằng tiền.
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
  - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.
- Công bố cổ tức của năm 2016: tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền là 10% trên vốn điều lệ.
  - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
a Tài sản thuê ngoài		
b Tài sản nhận giữ hộ		
c Ngoại tệ các loại		
Trong đó:		
• Ngoại tệ USD	195,535.98	389,434.57
• Ngoại tệ EUR	937.18	142,887.22
d Vàng tiền tệ		
đ Nợ khó đòi đã xử lý		
Khách hàng	Số tiền	Số tiền
1 • DNTN Phát Hưng - 750001	614,987,079	734,987,079
2 • Lê Chí Hoà - BHND - 710002	894,097,480	894,097,480
3 • Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 550002	32,677,477	32,677,477
4 • Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHND - 560004	1,151,092	1,151,092
5 • Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001	13,356,992	13,356,992
6 • CTy Phương Trinh - BHND - 284005	9,999,995	9,999,995
7 • CTy Phương Trinh CN Bình Dương - BHND - 284006	10,000,000	10,000,000
8 • Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45,160,400	45,160,400
9 • DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24,980,000	24,980,000
10 • Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34,540,000	34,540,000
11 • Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56,799,000	56,799,000
12 • Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40,879,400	40,879,400
13 • Anh Quang - Điện Biên - 044015	56,970,400	56,970,400
14 • Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59,080,000	59,080,000

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
15 • Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88,592,178	88,592,178
16 • CTy TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35,178,000	35,178,000
17 • CTy CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52,767,000	52,767,000
18 • CTy CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59,199,800	59,199,800
19 • Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50,879,400	50,879,400
20 • Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045	50,879,400	50,879,400
21 • Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170,000,000	170,000,000
22 • CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)	143,447,968	
23 • Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)	86,597,002	
24 • Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)	5,838,001,277	
25 • Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi - CH 146 (TK 131)	911,712,842	
Tổng cộng	9,381,934,182	2,522,175,093

	Năm 2016	Năm 2015
1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Văn phòng TP.HCM	3,315,113,711,355	3,645,128,643,045
• Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	3,203,619,752,167	3,240,128,682,656
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	9,901,904,661	2,994,213,507
• Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	5,577,842,941	7,825,644,164
• Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	826,409,521,787	911,966,078,986
• Doanh thu sản phẩm HHKM có thuế (TK 51128)	8,107,227,341	12,275,912,163
• Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2,353,623,255,437	2,305,066,833,836
• Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	435,731,297	321,571,159
• Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	1,579,974,157	3,653,571,548
• Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (TK 5117)	109,362,240,000	401,024,817,682
• Doanh thu khác (TK 5118)	116,013,734	
Xí nghiệp Đồng Nai	1,688,232,902	7,182,254,094
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	32,088,497	11,885,575
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	1,656,144,405	7,170,368,519
Xí nghiệp Hóc Môn	5,777,591,343	6,060,753,581
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	547,028,000	600,325,112
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	5,230,563,343	5,460,428,469
Xí nghiệp Bình Lợi	1,659,298,293	1,790,325,543
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	238,903,793	60,418,947

	Năm 2016	Năm 2015
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	1,420,394,500	1,729,906,596
Cộng	3,324,238,833,893	3,660,161,976,263
<b>2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)</b>		
Văn phòng TP.HCM	37,417,915,748	23,919,390,010
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	27,102,822,874	10,903,163,111
• Hàng bán bị trả lại	10,315,092,874	13,016,226,899
Xí nghiệp Đồng Nai	0	532,195
• Hàng bán bị trả lại	-	532,195
Xí nghiệp Hóc Môn	55,112,001	75,308,410
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	55,112,001	75,308,410
Cộng	37,473,027,749	23,995,230,615
<b>3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)</b>		
Văn phòng TP.HCM	2,597,870,708,006	2,817,835,781,286
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	2,489,426,784,799	2,473,200,265,266
• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	108,443,923,207	344,635,516,020
Xí nghiệp Đồng Nai	1,237,394,681	5,700,779,972
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,027,159,581	4,638,583,731
• Giá vốn hàng bán khác	210,235,100	1,062,196,241
Xí nghiệp Hóc Môn	5,618,161,147	5,081,052,985
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,512,593,711	4,160,379,831
• Giá vốn hàng bán khác	2,105,567,436	920,673,154
Xí nghiệp Bình Lợi	1,553,456,209	1,160,019,482
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,272,398,478	1,202,332,299
• Giá vốn hàng bán khác	281,057,731	(42,312,817)
Cộng	2,606,279,720,043	2,829,777,633,725
<b>4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)</b>		
Văn phòng TP.HCM	13,854,946,482	11,878,733,065
• Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8,911,725,665	6,344,574,389
• Lãi chênh lệch tỷ giá	4,943,220,817	5,534,158,676
Xí nghiệp Đồng Nai	11,340,210	24,781,169
• Lãi tiền gửi	11,340,210	24,781,169
Xí nghiệp Hóc Môn	15,617,990	25,862,760
• Lãi tiền gửi	15,617,990	25,862,760
Xí nghiệp Bình Lợi	3,700,935	6,090,908
• Lãi tiền gửi	3,700,935	6,090,908
Xí nghiệp Bình Dương	9,824,554	13,788,763
• Lãi tiền gửi	9,824,554	13,788,763
Xí nghiệp Lớp Radial	10,950,974	15,374,644
• Lãi tiền gửi	10,950,974	15,374,644

	Năm 2016	Năm 2015
Cộng	13,906,381,145	11,964,631,309
<b>5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)</b>		
Văn phòng TP.HCM	86,492,025,846	118,039,419,981
• Lãi tiền vay	60,039,651,095	67,229,006,276
• Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10,265,711,869	12,862,471,139
• Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,438,075,858	37,947,942,566
• Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	2,748,587,024	
Xí nghiệp Đồng Nai	0	41,078,538
• Chiết khấu thanh toán	-	41,078,538
Xí nghiệp Hóc Môn	69,412,932	71,060,664
• Chiết khấu thanh toán	69,412,932	71,060,664
Cộng	86,561,438,778	118,151,559,183
<b>(6) và (7). CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641) VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)</b>		
<b>6. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	150,189,656,317	151,556,520,228
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng		
• Chi phí xuất khẩu	34,727,883,239	25,436,214,357
• CP vận chuyển	54,099,680,427	56,566,867,764
• Thương doanh số	8,781,960,030	3,783,130,353
Các khoản chi phí bán hàng khác	52,580,132,621	65,770,307,754
<b>7. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	123,155,138,721	195,904,189,397
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN		
• Chi phí nhân viên quản lý	117,792,083,724	137,453,463,008
Các khoản chi phí QLDN khác	5,363,054,997	58,450,726,389
<b>8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)</b>		
Văn phòng TP.HCM	7,179,989,534	18,463,657,952
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	93,181,818
Các khoản khác	7,179,989,534	18,370,476,134
• Cty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal JSC) hỗ trợ di dời 504 Nguyễn Tất Thành, quận 4		15,000,000,000
• Bán phế liệu (xác nhà) 504 Nguyễn Tất Thành, quận 4		201,818,182
• Bán phế liệu	3,954,892,680	3,099,145,797
• Thu thập do bán hồ sơ môi trường 2016	181,313,880	
• Thu nhập do nhận hàng hộ - Phí nhận hàng hộ	282,552,679	

	Năm 2016	Năm 2015
• Thu tiền quỹ đất được bồi thường từ Trung tâm phát triển quỹ đất TX.Tân Uyên	2,599,464,550	
• Thu hồi nợ khó đòi của DN Phát Hưng (Ô.Hoàng)	120,000,000	
• Thu phí giữ hệ tài sản của Cty Mua Bán Nợ VN	38,345,455	
• Khác	3,420,290	69,512,155
Xí nghiệp Đồng Nai	735,654,798	362,972,423
• Bán phế liệu	735,654,798	362,972,423
Xí nghiệp Hóc Môn	0	33,971,600
• Bán phế liệu	-	33,971,600
Xí nghiệp Bình Lợi	484,871,216	311,538,030
• Chi phí thiệt hại sự cố hơi tháng 3/2015		10,020,964
• Bán phế liệu	484,871,216	250,362,024
• Bù trừ Cty Tín Thành đền bù thiệt hại hai bão hòa		37,568,678
• Bù trừ chi phí thiệt hại hơi bão hòa tháng 12/2015		7,786,364
• Thu nhập khác		5,800,000
Cộng	8,400,515,548	19,172,140,005
<b>9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)</b>		
Văn phòng TP.HCM	11,437,958,670	424,992,000
• Các khoản khác		225,000,000
• Chi phí thu gom phế liệu-XN Radial		199,992,000
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Chậm nộp	186,662,520	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Thuế GTGT	469,971,658	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - vi phạm hành chính	78,864,131	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu ra	5,701,588,669	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu vào	10,468,633	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế TNDN	1,250,391,001	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền chậm nộp	1,511,961,758	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền VPHC	1,578,897,621	
• Chi phí thi hành án của DN Phát Hưng (Ô.Hoàng)	3,600,000	
• Phí nhận hàng Camso theo bảng kê	282,552,679	
• Phí xử lý thùng phuy đựng hóa chất các loại	363,000,000	
Cộng	11,437,958,670	424,992,000

	Năm 2016	Năm 2015
<b>10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
10.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	331,448,790,308	
10.2 Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	2,412,063,561	
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
10.3 Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	10,788,805,991	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Chậm nộp	186,662,520	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Thuế GTGT	469,971,658	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - vi phạm hành chính	78,864,131	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu ra	5,701,588,669	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu vào	10,468,633	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế TNDN	1,250,391,001	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền chậm nộp	1,511,961,758	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền VPHC	1,578,897,621	
10.4 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ khoản thu nhập loại trừ của toàn công ty (= 331.448.790.308 - 2.412.063.561 + 10.788.805.991)	339,825,532,738	
10.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= 8.757.750.000 + 3.542.000.000 + 57.738.906.548)	70,038,656,548	
• Thuế TNDN năm 2013 (= 35.031.000.000 x 25%)	8,757,750,000	
• Thuế TNDN năm 2015 (= 16.100.000.000 x 22%)	3,542,000,000	
• Thuế TNDN năm 2016 (= (339.825.532.738 - 35.031.000.000 - 16.100.000.000) x 20%)	57,738,906,548	
Cộng	70,038,656,548	81,760,081,978



	Năm 2016	Năm 2015
11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI		
11.1 Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (2.412.063.561 x 20%)	482,412,712	
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
• Thuế suất thuế TNDN hoàn lại	20%	
11.2 Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoàn lại phải trả	32,585,043	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	514,997,755	(197,964,540)
12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	2,993	4,170
12.1 Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)	74,020,496	
12.2 "Cổ phiếu mới phát hành từ ngày 27/07/2016 (tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển) (= 296.059.710.000/10.000)"	29,605,971	
12.3 Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	1,205	
12.4 Cổ phiếu bình quân lưu hành trên thị trường $(= ((74.020.496 - 1.205) \times 360) + (29.605.971 \times 150)) / 360$	86,355,112	
12.5 Lợi nhuận sau thuế TNDN	260,895,136,005	
12.5.1 Khoản lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ (không được chia lợi nhuận)	2,412,063,561	
12.5.2 Lợi nhuận sau thuế TNDN đã ngoại trừ các khoản không được chia lợi nhuận $(= 260.895.136.005 - 2.412.063.561)$	258,483,072,444	
12.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu $(= 258.483.072.444 / 86.355.112)$	2,993	
13 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ		
• Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,980,042,070,113	1,950,702,776,570
• Chi phí nhân công	275,513,204,274	283,732,778,397
• Chi phí khấu hao TSCĐ	177,734,682,703	183,208,490,838
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	66,242,448,248	55,580,621,297
• Chi phí khác bằng tiền	235,262,671,483	271,788,543,531
Cộng	2,734,795,076,821	2,745,013,210,633

## THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.
- Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính: không phát sinh.
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu: không phát sinh.
- Các giao dịch phi tiền tệ khác: không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344: 47.809.647.265 VNĐ
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) (2.215.930.209.626 - 11.784.806.607): 2.204.145.403.019 VNĐ
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ (1.958.740.419.739 + 7.612.457.737): 1.966.352.877.476 VNĐ.

## NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản Cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu các đối tượng: Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VNĐ, CH Nông Cơ Tiến Hà giá trị 143.447.968 VNĐ, Nguyễn Thị Hoa giá trị 86.597.002 VNĐ, Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi giá trị 911.712.842 VNĐ là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã chuyển nhóm khách hàng do ông Lê Thanh Bình chiếm đoạt ra ngoài bảng cân đối kế toán theo nghị quyết số 26/2016/NQ-CSM-HĐQT, ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.

### Thông tin về các bên liên quan

- Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

### Các bên liên quan:

Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn
Công ty CP Hoi Kỳ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn
Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Chung Tập đoàn
Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

#### Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Tên Công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	798,596,975
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải thu	302,500,000
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc (9 người)			5,414,619,018
		- Lương năm 2016	3,427,378,618
		- Phụ cấp, thưởng năm 2016	100,840,000
		- Thưởng năm 2015 chỉ trong năm 2016	1,550,400,400
		- Thù lao năm 2016	336,000,000

Ông Nguyễn Xuân Bắc, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 26/04/2016.

Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 47.152 cổ phiếu

Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 218.185 cổ phiếu.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	130,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	2,742,500,000
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	100,000,000
Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	350,000,000
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	100,000,000
Ông Dương Văn Hùng	Giám Đốc Xí nghiệp Hóc Môn	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	40,000,000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiến	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	80,000,000
Ông Nguyễn Nhất Linh	Giám Đốc Xí nghiệp Bình Lợi	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	50,000,000
Bà Nguyễn Thị Thi Thi	Người thân ông Nguyễn Song Thao (Phó Tổng Giám Đốc)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,574,000,000
Bà Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân ông Nguyễn Minh Thiện (Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	590,000,000

#### Thông tin về Báo cáo bộ phận:

- Báo cáo bộ phận của Văn phòng công ty
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Dương

- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo bộ trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo theo các khu vực như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh		Xí nghiệp Đồng Nai		Xí nghiệp Hóc Môn		Xí nghiệp Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu thuần	3,277,695,795,607	3,621,209,253,035	1,688,232,902	7,181,721,899	5,722,479,342	5,985,445,171	1,659,298,293	1,790,325,543	3,286,765,806,144	3,636,166,745,648
Giá vốn	2,597,870,708,006	2,817,835,781,286	1,237,394,681	5,700,779,972	5,618,161,147	5,081,052,985	1,553,456,209	1,160,019,482	2,606,279,720,043	2,829,777,633,725
Lợi nhuận gộp	679,825,087,601	803,373,471,749	450,838,221	1,480,941,927	104,318,195	904,392,186	105,842,084	630,306,061	680,486,086,101	806,389,111,923

#### TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

#### ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY:

Không có.

#### MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY:

##### Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

##### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp ( xem thuyết minh V.1).

##### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:**

Tại ngày 31/12/2016	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	167,831,995,968		
Người mua trả tiền trước	6,978,897,317		
Vay và nợ	885,503,185,035	730,160,429,250	
Phải trả người lao động	72,919,981,835		
Chi phí phải trả	56,367,500,790		
Các khoản phải trả phải nộp khác	59,142,165,083		
Cộng	1,248,743,726,028	730,160,429,250	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2016 Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, đơn vị đã điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cuối kỳ phù hợp với Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thế Vinh

Nguyễn Minh Thiện

Phạm Hồng Phú

**Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

**Độ nhạy của ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

**THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Đến ngày 31/12/2016, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

**THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).





**CASUMINA**



**2018**

**BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY**

[www.casumina.com](http://www.casumina.com)

**CASUMINA CHO  
MỌI NGƯỜI**

**VI CASUMINA**